

PHỔ - THÔNG SỐ XUÂN

sẽ có những bài :

- * Con Trâu trong lịch.sử. * Con Trâu trong văn-thơ Việt.nam và ngoai-quốc
- * Đờn gảy tai Trâu
- Con Trâu nhảy dù * Vì tấm da Trâu * Bình thơ Trâu
- Một món thịt trâu * Trâu hay Trâu !... v.v...

do toàn Ban Biên.tập thơng-xuyen của PHỔ-THÔNG tạp-chí.

Kèm với PHỔ - THÔNG số XUÂN,

sẽ phát hành lập thơ :

XUÂN - ĐẠ SẦU - NGÂM

gồm có trên 100 bài thơ xuân lựa chọn của 100 thi-nhân trong nước và Hải ngoại, để :



Thân tặng Bạn đọc PHỔ - THÔNG.

Bạn mua Phổ-Thông Xuân nhớ đòi luôn tập thơ XUÂN ĐẠ SẦU NGÂM thân tặng Quý Bạn, (không bán).



GOP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HOA VIỆT NAM
PHỔ BIÊN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ 4 — BỘ MỚI SỐ 50 — 15-1-1961

1.— Nhân cuộc Triển lãm sách Pháp tại Hội trường Diên Hồng	Nguyễn Vỹ	7 — 9
2.— Một xác chết (truyện ngắn)	Mặc Thu	10 — 13
3.— Nhân vật lịch sử : Nguyễn duy Hiệu	Duy Cường	14 — 18
4.— Viếng mộ già con (thơ)	Thanh Liên	19
5.— Đất nước chúng ta : Tỉnh Quảng-Nam	Ng. Đức Dũng	20 — 23
6.— Phiếm luận về Liễu	Khổng Nghi	24 — 23
7.— Hoàng vắng (thơ)	Mặc Linh	29
8.— Người bạn (đoản thiên)	Nguyễn Thu Minh	30 — 33
9.— Sông thần	Trình Thiên Tứ	34 — 36
10.— Trả thù (truyện ngắn ngoại quốc)	Cô Lệ Trâm	37 — 41
11.— Những người đàn bà lừng danh	Nguyễn-tử-Quang	42 — 50

12.— Nhân vật xuân thu	Thiếu Sơn	51 — 55
13.— Mưa sầu trên đảo vắng (thơ)	D. Thọ Lộc	56
14.— Noël ở Allemagne	Rupprecht	57 — 58
15.— Văn sĩ thi sĩ tiền chiến	Nguyễn Vỹ	59 — 61
16.— Đời sống các danh nhân : Dunant	Tân Phong	62 — 67
17.— Một đời người (hồi ký)	Thiếu Sơn	68 — 71
18.— Mình ơi !	Diệu Huyền	72 — 77
19.— Người lữ-hành cô độc (truyện dịch)	Hoàng Thông	78 — 89
20.— Tao đàn Phồ-Thông	P. T.	90 — 92
21.— Những áng thơ hay	Bàng-Bá-Lân	93 — 99
22.— Mồ hôi nước mắt (truyện dài)	Nguyễn Vỹ	100 — 108
23.— L'Azur (thơ ngoại quốc)	Dạ Nguyệt	109 — 111
24.— Giới thiệu sách báo mới	P.T.	112 — 113
25.— Đáp bạn bốn phương	Diệu Huyền	114 — 130

★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Ba Tèo, Tạp chí PHỒ THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai-cáo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).

★ Bài lai, cáo không đăng, không trả lại.

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG, và đừng viết tắt.
- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam

SÁCH PHÁP

tại hội-trường
DIÊN-HỒNG



CUỘC triển-lãm sách Pháp tại Hội-trường Diên-Hồng trong tháng vừa qua đã thu hút một số rất đông công chúng Việt-Nam, nhất là giáo-giỏi và

sinh viên, học-sinh. Nó đã trình bày được một bức tranh rất linh-tinh và đầy - đủ của văn-chương và tư-tưởng Pháp, cũng như sự tiến-triển tốt-mức của Văn-ngệ Pháp giữa thế-kỷ hai-mươi.

Nó đã để cho ta chứng kiến những khả-năng rộng-lớn của trí-thức Pháp, và những thực hiện tốt-đẹp của kỹ-ngệ sách và báo, một trong những kỹ-ngệ đã gây được sức mạnh tinh-thần của một quốc gia tân-tiến hiện đại.

AI có đi xem cuộc triển-lãm này không khỏi so sánh và nghĩ-ngợi nhiều về hiện-tình sách báo Việt-Nam, và tương-lai của nó. So sánh và nghĩ-ngợi

Đoạn rút một bài học lợi ích cho chúng ta, cao sự phát triển Văn hóa của dân-tộc ta, sự phát triển ấy nhất định không thể nào chậm-trễ và sút kém ngoại quốc. Các nhà cầm quyền của chính phủ Cộng-hòa Việt-Nam thường tuyên bố rằng nước ta đang ở trong tình trạng sút kém. Nhưng chúng tôi tưởng rằng công-nhiên nhìn nhận sự sút kém ấy không phải là tự giam mình trong tự-ty mặc-cảm của những kẻ sút kém, mà chính là phải tìm ra một lối thoát. Phải nỗ-lực xây dựng và đào tạo, bằng trí óc và thiên - tài bẩm-sinh của Nòi-giống, một văn-hóa mới, mạnh và súc-tích, đủ khả-năng đương đầu với nhân-loại mới.

C H Ú N G tôi biết rằng, dù muốn dù không, Văn-hóa cũng bị một phần nào lệ - thuộc vào kinh tế và chính-trị. Hiện nay, chính-trị toàn diện của nước

Việt-Nam chưa ổn-định, kinh - tế chưa mở mang với một đà nhanh chóng, cho nên Văn hóa cũng tiến tới những bước chậm chạp và e-dè. Nhưng tại sao không nghĩ rằng một quốc gia phải tiến bộ đều-đều theo một nhịp-điệu trên tất cả các phương diện, thì lực lượng dân-tộc mới được đồng-thể và được củng-cố mạnh hơn? Hình như người ta chỉ chú trọng về mặt tổ chức chánh trị và kinh tế, và thờ-ơ về mặt phát triển văn-hóa. Văn-hóa đã phải tự nó nỗ lực, tự nó tìm con đường phát huy trong một khuôn-khổ khó thích-ứng với sức tiến hóa vô cùng rộng rãi của trí-óc, giữa những trở lực nghiêm khắc và trầm trọng. Văn hóa không được nâng đỡ có phương-pháp, không được thúc đẩy có qui-mô, không được sử-dụng những yếu-tố sinh lực đầy-dủ và hiệu-nghiệm để vươn lên.

Văn hóa gần như bị bỏ rơi, thì làm sao nó phát-triển được?

T R O N G năm qua, một cơ quan Văn hóa có mở một cuộc triển lãm sách Việt-Nam. Công chúng đi xem rất đông. Nhưng sự nhận xét chung không một

chút bào húng. Từ hết chiến tranh đến nay, đã sáu năm, tinh thần và hình thức của Sách Việt-Nam không gọi được cho công chúng

— cả các giới —, một phần khờ - não cay, và không đem lại cho Văn-ngệ nhân-dân một hãnh diện nào cả.

Gạt bỏ những diễn-văn dựa trên thể-thức thuyết-lý, công chúng đã đứng trước những thực hiện không mấy dòi-dào, về hình thức kỹ-thuật thương-mại cũng như về tinh-thần văn-ngệ. Những thực hiện đánh dấu những cố gắng bất lực, gượng-gao trong phạm vi chật hẹp, hơn là sự phát triển mãnh-liệt huy-hoàng trên toàn-diện. Những cố gắng rất đáng khen ngợi, vì là những cố gắng can đảm, hầu như những hy-sinh lớn lao, nhưng vẫn thu hẹp trong một hoàn cảnh sút kém các khả-năng sáng tạo.

N H Ữ N G nhà sản - xuất *Sách Việt-Nam*, về kỹ thuật cũng như về nghệ - thuật và tư-tưởng, chưa có thể sử-dụng được trọn vẹn những khả-dĩ

mà họ không thiếu thốn. Họ không hề đòi hỏi gì cả. Họ tự sức xây đắp một lâu đài, họ không thiếu thiện-chiến, không thiếu thông minh, không thiếu sáng kiến, và nhất là họ không phải không có rất nhiều tài năng súc-tích, nhưng tiếc thay, họ thiếu các yếu-tố phát-triển tài năng, xúc tiến công-trình, thực-hiện đầy đủ thông-minh và thiện-chí. Họ khéo xoay-xở, tìm tòi phương-diện giản-dị nhất, áp-dụng phương-pháp tạm bợ nhất, để chứng-minh một tinh-thần cố-gắng, mặc dầu họ phải tranh-thủ với những yếu-tố trái-ngược. Họ muốn vô cùng rộng lớn, vô cùng rộng-rãi, nhưng họ phải tự mãn gượng trong vòng hoạt-động thu hẹp để có sức đương đầu với bao nhiêu khó-khăn.

Đó là tấn thảm kịch hiện-tại của Sách Việt-Nam. Đó là những nhận-xét chân thành của một kẻ đã đi xem cuộc triển lãm Sách Việt-Nam ở phòng Thông-tin Đô-thành và cuộc triển-lãm Sách Pháp tại Hội-Trường Diên-Hồng, trong năm 1960.



một xác chết

* MẶC THU

Cái tin anh Năm « xich lô » chết làm cho xóm Nhà Lá xáo-dộng lên chút ít. Nói xáo-dộng vì bình nhật xóm Nhà-Lá vốn yên-lặng như một ao bèo, hiền khô như cục đất, chẳng có chi khác thường để cho người trong xóm được bàn tán đến.

Người ta bỗng nhắc-nhở nhiều đến « anh Năm » hơn là khi anh còn sống. Anh Năm cũng bỗng-nhiên được người ta gán cho nhiều đức tính hơn những đức-tính mà anh có.

Chị Tư « bông lang » ở kế cận nhà anh Năm xuýt-xoa tội-nghiệp cho anh Năm hiền lành.

Chị quên rằng mới cách đây nửa tháng khi anh Năm say rượu chửi đánh vợ, chính chị đã nguyện rửa anh Năm là đồ vũ-phu, quân thô bạo.

Thôi thì người chết có được gán ép cho những điều tốt thì cũng chẳng thiệt-thòi đến ai. Có điều chắc-chắn rằng từ lúc được tin anh Năm chết, chẳng một ai còn nhớ nhắc đến những điều xấu tật hư của anh nữa.

Anh Tư « Bài Tây » ở liền nhà với anh Năm, được chị Năm nhờ cậy giao phó cho cái việc đi khai báo với nhà chức trách. Trong xóm, anh Tư « bài Tây » — vì có nghề chuyên đi bói bài tây —

là người có nhiều chữ nghĩa hơn cả.

Dĩ-nhiên anh Tư sốt-sắng nhận lời, nói là nghĩ luôn một buổi ở nhà lo việc cho chị Năm.

Người lối xóm tốt bụng đã phải bỏ cả một buổi làm ăn ở nhà lo công-chuyện cho mình không lẽ để người ta bỏ tiền túi ra mua giấy, mua mực, đi xe lo giúp mình sao? Chị Năm nghĩ vậy, bèn lần túi lấy ra tám giấy năm chục đồng đưa cho anh Tư Bài Tây nhờ anh lo-liệu hộ. Anh Tư nhanh-nhau nhận-tiền, rồi xé lấy một trang giấy trong tập vở cũ, nắn bò ra chiếc phần ngựa hí-hoáy thảo lá đơn khai-tử.

Việc khai-báo vừa yên, chị Năm đặng ngay « bà Xuân bán vải » ở bực cửa.

Bà Xuân xụt-xịt lấy vật áo kéo lên lau mặt. Chùng quá cảm-động bà chỉ kịp nói được mấy tiếng: Tội - nghiệp! tội - nghiệp! » mà chẳng giải-thích được là tội-nghiệp cho ai? cho chị Năm hay là cho anh Năm?

Tuy vậy, chị Năm cũng hiền là bà muốn chia buồn cùng chị. Bà Xuân nhìn vào trong buồng, rồi trợn mắt lên, ra điều rất quan-trọng:

— Chết! Đề bực lộ thể sao được! Phải lo khâm-liệm ngay đi chứ! Thôi! Đề tôi chạy về lấy vải ở nhà vậy. May mà có sẵn thứ vải tốt đây!

Chẳng đợi chị Năm nói sao, bà tất tưởi chạy ngay ra đường.

Chị Năm đương rối ruột như tơ vò, thôi thì có ai lo dùm cho việc gì cũng đỡ.

Lát sau, bà Xuân vút vào giữa nhà ngoài một đồng vải trắng lôm-lốp. Miệng bà nói bô-bô:

— Thứ vải này ở chợ phải bán tới mười bốn, mười lăm đồng một thước, tôi chỉ lấy vốn mười ba đồng thôi. Chỗ hàng xóm láng giềng với nhau: Nghĩa tử là nghĩa tận mà...

Chị Năm lại lần túi lấy tiền trả bà Xuân.

Bà ta cầm tiền, miệng vẫn gạt đi:

— Nhà đương có việc, lúc nào trả chẳng được!

Ông « Bầy làm hòm » lò - rò bước vào nhà. Chị Năm chưa kịp chạy ra tiếp, ông đã nói:

— Đã mua hòm chưa? Chưa thì tôi có sẵn rồi đó! Cái hòm thiệt chắc! Thứ cây thiệt tốt! Của thẳng chả ở miệt tỉnh đặt tôi làm đó! Mà thôi chỗ bà con với nhau,

MỘT XÁC CHẾT

đề anh Năm dùng còn hơn đề cho người ta...

Chị Năm còn biết nói sao, chỉ áp-úng được mấy tiếng :

— Cháu chẳng biết thứ nào tốt, thứ nào xấu. Thôi, xin Bác cứ giúp cho...

Ông Bảy vuốt mấy sợi râu mép:

— Được mà ! Được mà ! Tôi lấy vốn thôi, đừng lo mắc !.

Chiếc hòm bằng thứ cây thiết chắc, thiết tốt ấy lát sau được chở đến. Chị Năm lấy tay sờ-rờ vào nắp hòm mà chẳng biết nó tốt ở chỗ nào. Chị còn mãi xót xa nghĩ rằng : chui vô cái hòm này thì anh Năm từ nay hẳn được yên thân khỏi lo chạy nợ, khỏi lo chạy gạo nữa, bỏ mặc chị ở lại bơ-vơ với cuộc đời...

Nghĩ đến đó, chị cực thân. Nước mắt từ đâu lại tuôn ra dàn dụa trên gò má chị.

Chị Sáu ở trước cửa, đã đi chợ mua về đầy một rổ nhang, nến, hoa trái. Chị lo thu dọn một bàn thờ. Lát sau hương, nến đã bốc khói lên nghi ngút.

Mấy người đàn ông lối xóm bắt đầu rập vào lo khâm liệm cho anh Năm. Ông thầy cúng lên giọng ê-a đọc một đoạn kinh vô nghĩa.

Chị Năm ruột đau như cắt nhìn người ta gói anh Năm lại trong lớp vải trắng như gói một món hàng.

Cái xác kia mấy ngày trước đây còn "ngộ nguậy" giữa cuộc đời, còn lăn lừng vào cuộc sống tranh cướp miếng ăn, manh áo về cho chị, nay đã nằm im, không chút giá trị, như một đồng dẽ rách đời người ta đem vứt bỏ, chôn chặt dưới ba lớp đất.

Mọi nỗi mừng, vui, lo, giận đối với con người năm kia không còn có nghĩa gì nữa.

Đau đớn đến mê muội cả người nhưng, chị Năm cũng còn kịp nghĩ được rằng : cho dầu lão chủ đất cả cái khu xóm nhà lá này giàu nứt đổ, đổ vách kia có chết đi thì cũng chẳng mang được đi món gì nhiều hơn anh Năm của chị. Năm xuống lòng đất thì ai cũng như ai vậy cả mà thôi ! Đó là điều duy-nhứt có thể an-ủi chị.

Chị Năm không thấy thương mình nữa. Chị nghèo khổ, trải qua mấy chục năm túng-thiếu, đau-đớn đã ê-chề cả người rồi nên chị trước một sự đau-khổ, người chị chỉ thêm cứng lạnh lại. Nhưng chị lại hết mực xót thương cho cái bào

MỘT XÁC CHẾT

thai trong bụng Chị. Nó là giọt máu của anh Năm để lại cho cõi đời này, cho chị. Cái di sản độc nhứt của chồng chị. Chị thương nó vì chị đã hình-dung ra nó sau này : lại cũng chỉ là một anh Năm đập xích-lô, suốt đời nai lưng ra chạy bữa sớm, lo bữa tối mà thôi.

Nghĩ vậy, chị không thấy thương cho anh Năm nữa. Dầu sao thì anh Năm cũng đã mãn hạn. Tình-thương của chị dồn cho cả cái thứ sinh-vật trong người chị sắp-sửa bước chân vào cuộc đời, bước chân trên đoạn-đường mà kẻ sanh ra nó đã bước đi.

Anh Năm thế là mờ yên, mà đẹp, dầu đám tang anh không có

kèn, có trống, có cờ-quạt, vòng hoa như ai.

Khu xóm Nhà-Lá mất đi một phần-tử trong cái tập-thể sinh hoạt ấy. Nhưng nó lại đợi để đón nhận một phần-tử khác sắp ra đời nay mai.

Chị Năm mất đi một người bạn đường. Nhưng, khu xóm đã sinh-hoạt linh-động khác hơn ngày thường một chút. Tiền-bạc cũng được dịp lưu-thông hơn trong khu xóm Nhà-lá ; trong một ngày.

Một chiếc lá lìa cành trong một khu rừng thường chẳng gây được một tiếng động đáng kể

MẶC THU



* VUA TÔI

Vua Thành-Thái đến viếng lăng Tả-quân Lê-văn-Duyệt tại Bà-Chiêu. Sau khi dạo chơi xem ngoài vườn, Nhà-vua bước vào trong điện thờ. Ông Từ giữ lăng vội vàng thấp đèn hương và đánh chuông, xong rồi thưa với nhà Vua :

— Tâu Ngài, đèn hương rồi, xin mời Ngài lay.

Cựu Hoàng đang đứng đọc mấy câu đối, liền quay lại trừng mắt bảo ông Từ :

— Nó lay tao chớ tao lay nó à ?

(Nó, tức là Lê-văn-Duyệt.)

B.T.

NGUYỄN DUY HIỆU

(1847—1886)

Húy danh : Cự Hường-Hiệu

★ DUY CƯỜNG

(Giáo sư Trường Trung-học
Nguyễn duy Hiệu—Quảng nam)

Đọc các số **Phổ Thông** vừa qua, tôi thấy có nhiều độc giả thắc mắc về tên cụ Nguyễn-duy-Hiệu và mỗi người lại giải thích một khác, nên hôm nay, tôi viết bài này mong góp thêm một vài giòng tiểu-sử nhà cách mạng tiền bối của quận Điện-Bàn, tỉnh Quảng-nam chúng tôi.

Theo như lời cô Ngọc-Dung đã viết trong P.T. nếu tôi không lầm thì cô Ngọc-Dung (họ Hoàng, ở Phú-Nhuân, là cựu nữ giáo sư trường Trung-học Nguyễn-duy-Hiệu, Quảng-nam) thì chỉ ở Huế và Hội-An mới có tên đường Nguyễn-duy-Hiệu. Tôi xin góp thêm ý : ở Huế có tên đường **Nguyễn-Hiệu**—không biết có phải NDH không? — (tức là đường Âm-Hồn cũ, trong thành nội) và Hội-An thì thật có tên đường NDH, (1)

Có lẽ dân ta chỉ biết Nguyễn-duy-Hiệu qua hai tên ghi trên 2 con đường **rất nhỏ** của 2 thành phố kể trên mà thôi, tuyệt nhiên đọc **Sử-sách**, chúng ta không gặp tên nhà cách-mạng Nguyễn-duy-Hiệu. Trong cuốn **Việt-Nam Sử Lược** của cụ **TRẦN-TRỌNG-KIM**

(1) Sử dĩ cô Ngọc-Dung viết : « 1908 là năm cụ NDH mất », là vì cô đã dựa theo tài liệu học tập của trường Trung-học NDH chúng tôi. Tài liệu này vì người in roneo sai, nên chúng tôi có đính chính lại nơi trang cuối hoặc chừa ngay lại thành năm 1886, như lời ông Anh Minh (Ngô Thành-Nhân) đính chính trong P.T. số 45, chắc cô Ngọc Dung không đề-ý chỗ này nên có sự lầm lẫn trên.

NGUYỄN DUY HIỆU

do Tân-Việt in năm 1951, trang 555, mà sử gia **PHAN-XUÂN-HÒA** chép nguyên văn trong cuốn **Lịch sử Việt-Nam quyển IV** in năm 1956 trang 187, khi đề-cập đến Phong-Trào Cần-Vương tại Quảng-Nam, viết :

« Ở Quảng-Nam bọn thân hào lập ra **Nghĩa-Hội**, có quan Sơn phùng Sĩ là Trần-văn-Dur làm chủ »

Trong cuốn **Việt sử khái yếu** quyển II của **TRẦN ĐÌNH DU**, Nguyễn-Hàm, khởi nghĩa ở Quảng-Ngai. viết trong mục « Các cuộc khởi nghĩa ở Trung-kỳ » thì : « Trần-văn-DU, Nguyễn-Hàm, khởi nghĩa ở Quảng-Ngai. »

Nhưng, theo như tài liệu tôi thu thập được (nhờ hỏi cụ **NGHÈ TRẦN HUỲNH SÁCH**, một bậc lão thành hiện còn sống, người ở quận Điện-Bàn tỉnh Quảng-nam biết nhiều về tiểu sử các nhà cách-mạng tiền bối xứ Quảng-nam như cụ Trần cao Vân, Phan-châu-Trinh, Trần-quý-Cáp, Tiểu-La Nguyễn-Thành, Nguyễn-duy-Hiệu, v... mà các sử sách chỉ đề cập đến một phần nhỏ tiểu-sử của các Cụ, chưa đủ tài liệu để nói hết) thì chính cụ **NGUYỄN DUY HIỆU**, tức cụ **HƯỜNG HIỆU**, mới là người thọ chiếu Cần-Vương tụ tập nghĩa quân, lập đảng **Nghĩa hội kháng Pháp**. Và sau đây là tiểu sử của **CỤ NGUYỄN-DUY-HIỆU**.

Nguyễn Duy-Hiệu là một người học trò rất thông minh.

Đỗ nhất Tú, tài năm 16 tuổi, đến 22 tuổi, đỗ Phó-Bảng (dưới triều vua Tự Đức).

Cụ là người tài ba xuất-chúng. Được Triều-đình chọn làm Phụ-Đạo giảng - tập cho vua Kiến-Phúc và Hàm - Nghi. Làm quan thanh-liêm chính-trực, cụ được phong **Hồng-Lô Tự-Khanh** (nên gọi là cụ **Hường Hiệu**).

SINH năm 1847 tại làng Thanh-Hà, phủ Điện-Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc xã Cẩm Hà, quận Điện - Bàn, tỉnh Quảng-Nam) cụ (1) Nguyễn-duy-Hiệu tức cụ Hường Hiệu là một trong những bậc anh-hùng liệt-sĩ cận đại của tỉnh Quảng-Nam.

Xuất thân trong một gia đình hàn vi, con một ông Cai - tổng (phục vụ trong 30 năm); cụ

Trong năm 1885, dưới triều Hàm Nghi, ông Tôn-thất-Thuyết ra hợp-tác với Pháp. Thấy thế, lòng ái - quốc và khí - tiết anh-hùng càng nung nấu, thúc đẩy cụ. Cụ xin về hưu trí lấy có phụng-dưỡng cha mẹ.

Ấn - thân tại quê nhà, cụ thọ-chieu Cần-Vương, tụ-tập nghĩa-quân, lập đảng Nghĩa - Hội kháng Pháp mong giành lại độc-lập. Cụ chỉ huy đạo nghĩa quân tỉnh Quảng - nam, đánh chiếm thành Quảng-nam làm cứ điểm chống xâm-lãng. Soái kỳ của Cụ đề hai chữ « BÌNH TÂY ».

Chiếm thành Quảng - nam được một thời gian, quân Pháp phản công, quân của Cụ không đủ lực lượng kháng cự, cụ bèn dời căn cứ lên núi Phước-Sơn thuộc huyện Quế - Sơn tỉnh Quảng - nam (nay thuộc quận Phước-Sơn), để củng cố hàng ngũ nghĩa binh.

Chẳng may quân Pháp dò biết được, đến tấn công, lực-lượng nghĩa binh bị tan vỡ.

Lúc bấy giờ hai ông Ấn-Dinh (tôi chưa tìm rõ họ của ông) và Nguyễn - Thân (tức là ông Cần tỉnh Quảng-Ngai) âm mưu với quân Pháp để lập công

nên hai ông này lập một kế sau:

Khi dò biết quân của cụ NDH đóng ở Phước-Sơn, Ấn-Dinh và Nguyễn-Thân viết thư cho thủ lĩnh Nghĩa quân Quảng nam đại ý rủ nghĩa quân Quảng nam vào hiệp lực với nghĩa quân Quảng-ngãi để chống Pháp. Khi được thư, nghĩa quân Quảng - nam lật đật kéo vào Quảng-ngãi để giúp Nghĩa-quân tỉnh bạn; không ngờ Nguyễn-Thân ra lệnh cho Nghĩa quân Quảng - Ngãi phản - công đánh nghĩa quân Quảng-nam khi họ kéo đến địa đầu tỉnh Quảng-Ngai. Vì sự âm mưu của kẻ lòng lan dạ thú ấy, nghĩa quân của cụ NDH bị đánh bắt ngờ phải bỏ mạng rất nhiều trên những đám đất cây cày gần Quảng-ngãi.

Biết rõ phong trào Cần-Vương tại xứ Quảng do cụ Nguyễn - Duy - Hiệu cầm đầu và ông Sơn phòng Sứ Trần-văn-Dự phụ tá; nên sau khi vua Hàm-Nghi trốn, quân Pháp thúc đẩy

Nam triều đàn áp nghĩa quân xứ Quảng.

Vì có công lập mưu giết nhiều nghĩa quân Quảng Nam, vua Đồng Khánh tin dùng Nguyễn Thân hơn. Nguyễn Thân được phong chức Tiều-Phủ-Sứ và cầm binh đánh dẹp nghĩa quân.

Nguyễn-Thân thành công sau một thời gian tảo thanh và bắt được cụ Hoàng Hiệu bỏ vào cũi sắt giải về kinh đô Huế.

Giam giữ gần một tháng, Nguyễn-Thân ngày ngày dỗ dành và khuyên cụ Nguyễn-Duy-Hiệu viết vài chữ để ông ta nói với quân Pháp xin đầu hàng và cho làm lớn như cũ. Cụ N D H một mực từ chối không chịu khuất phục. Cụ liền phản đối bằng cách tuyệt thực. Sau ba ngày nhịn đói, Nguyễn - Thân vào ngục thăm, cụ N D H khẩn khải bảo rằng :

«Tôi bây giờ còn chữ đầu mà viết, anh dụ Cừ-nhân, tôi dụ Phó Bàng, thế thì tôi đã làm lớn rồi. Bây giờ tôi không đầu tây, anh có ở đây tó với Tây thời ở, chứ tôi không bao giờ chịu luồn cúi tụi nó được.»

Nguyễn Thân không làm sao lay chuyển lòng sắt đá, trung

quân của Cụ được bèn tâu lên Triều-đình xét xử. Triều-đình lên án tử hình Cụ Nguyễn-Duy-Hiệu.

Cụ bị hành-quyết theo lối xử trảm. Sau khi chém, đầu Cụ Nguyễn-Duy-Hiệu được đem về Quảng Nam, treo trong 3 ngày tại Vinh-Điện, phủ Điện Bàn.

Trước khi ra pháp trường để nhận tội trảm quyết, Cụ Nguyễn Duy Hiệu có làm hai bài thơ tuyệt bút nay còn nhiều người trong tỉnh Quảng-Nam truyền-tụng.

Bảy người con trai và hai người con gái cùng Bà vợ của cụ tên là MAI - THỊ - LIÊU bị Nguyễn Thân ra lệnh giam cầm, xiềng xích và sai áp giải, cầm tù 3 năm tại Quảng Ngãi.

Nhà cửa của cụ Nguyễn Duy Hiệu bị đốt phá và gia tài điền sản bị tịch thu.

✱

Ngày nay, du khách đi từ Sài Gòn ra Huế, khi đi ngang qua Vinh-Điện, một thị-trấn nhỏ bé nằm dọc theo Quốc lộ số 1 sẽ nhìn thấy ba dãy nhà đồ sộ đẹp đẽ, có lầu, đó là trường TRUNG

HỌC NGUYỄN-DUY-HIỆU.

Ngôi trường này đã do Nhân-dân quận Điện-Bàn góp công và của xây nên, (trị giá gần ba triệu bạc) trên đám đất gần nơi bêu đầu cụ Nguyễn-Duy-Hiệu khi xưa.

Tên cụ NGUYỄN-DUY-HIỆU đã được ghi to trước cổng vào trường như nhắc nhở học-sinh và người dân xứ Quảng rằng : « Đã sinh ra ở xứ có nhiều nhà ái - quốc cách mạng, nhiều nhà văn - học nổi tiếng, thì phải làm

sao cho khôi phục lòng các bậc tiền bối như cụ Nguyễn Duy Hiếu (Hường Hiếu), cụ Tiến Sĩ Trần Quý Cáp, cụ Phan-châu-Trình, cụ Trần Cao Vân, cụ Thái-Phiên, cụ Tiểu-la Nguyễn Thành, cụ Hoàng Diệu và gần đây nhất là cụ Tú Phan-Khôi, v. v.»

(1) Nếu tính năm sinh 1847 và bị trảm quyết 1886 thì NDH chỉ thọ 39 tuổi, nhưng vẫn được tôn là « cụ », có lẽ nhờ chức tước.



★ TIẾT KIỂM

Một anh thợ đến Bác sĩ. Bác sĩ khám bệnh xong, bảo :

— Bệnh anh nặng lắm. Tôi triệt-để cầm anh uống rượu, hút thuốc, đi xi-nê, trong một thời gian.

— Thưa bác sĩ, tại sao thế ạ ?

— Không tại sao cả. Như thế thì anh mới tiết kiệm được số tiền để trả tiền thuốc anh còn thiếu tôi năm ngoài.

★ ĐI NGHỈ MÁT

Một ông công chức ở Saigon đi nghỉ mát Nha - Trang. Ông thuê phòng. Chủ phòng hỏi :

— Thưa ông, ông có muốn 8 giờ sáng mai chị ở của tôi gọi ông dậy không ?

— Khỏi cần. Tôi quen dậy 7 giờ.

— Thế thì 7 giờ nhờ ông đánh thức dùm chị-ở của tôi, vì chị ấy có tật ngủ trưa, cứ 8 giờ mới dậy !

B. T.

Viếng mộ già con

Trong sương lạnh bốn bề lạnh ngắt,
Bên mồ con, ruột thắt từng cơn !

Mẹ về thương trẻ cô-đơn,

Âm-dương hai cõi, nước-non ngàn trùng !

Hồn tử-biệt biệt ai cùng tỏ ?

Khô ly-hoài con có biết chăng ?

Nguồn sâu ai lấp cho bằng,

Dây sâu buộc chặt ai dằng cho ra !

Biết trần-cầu vẫn là cõi tạm,

Theo số-phần mạch thắm đim sâu,

Nhưng... đặng-đặng trót bao thâu,

Tóc-tang đã lấm, bề-dâu đã nhiều !

Hai trẻ đại khúc-khieu nào thâu,

Hỏi em thơ mẹ giấu nơi nào ?

Nghẹn-ngào biết nói làm sao,

Nói sao trước nấm cỏ rêu rêu phong !

Vì đâu vương mãi vòng tân-khò ?

Vì đâu xui lắm độ lăm-than ?

Vì đâu nát ngọc tan vàng,

Kiếp phù-sinh, quần dây oan mấy lần !

Đau nỗi mẹ, dơi chân quê cũ,

Thương nỗi con cỏ rử mồ hoang.

Xuân qua, sen lụn, cúc tàn,

Đông về đứt ruột dao hàn, ó con !...

Rit trên cành chim con kêu mẹ,

Mẹ bên mồ gọi trẻ không thừa

Từ đây mờ-mịt làng xưa,

Còn ai đem nhánh hoa thừa cho con ?

Đoạn trường gọi lại nước non !...

THANH-LIÊN (Paris)

QUẢNG - NAM

★ NGUYỄN-ĐỨC-DŨNG
(Tam - kỳ)

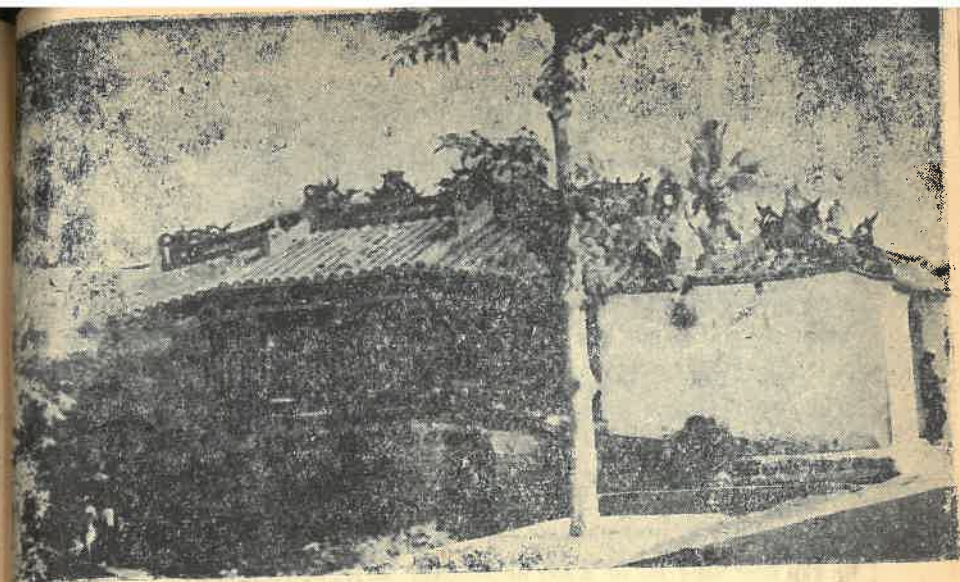
NẾU từ Huế đi vào, du khách ở trên đèo Hải-vân nhìn về phía Nam: một dải đất chạy dài theo bờ biển, rộng thênh thang, đồng lúa bát ngát bao bọc những lũy tre mà trong ấy nhà cửa lúc nhúc chạy dài cho đến ranh giới Quảng-ngãi, đó là tỉnh Quảng nam — một cự tỉnh của Việt-Nam.

Quảng nam có thành phố Hội-an, tức là Tỉnh lỵ Quảng-nam mà khi xưa, lúc chúa Nguyễn chiếm cứ phía Nam là một thành phố phồn thịnh sau phố Hiến ở Bắc phần, có rất nhiều người Bồ-đào-Nha và các dân tộc khác đến buôn bán và người Y - pha - Nho chuyên việc giảng đạo.

Từ Hội-an (người Pháp gọi là Faifoo) du khách sẽ đi khoảng

đường 10 cây số về phía tây thì gặp Quốc-lộ số 1, từ đây du-khách thẳng ra Đà-nẵng và quẹo về phía Đông-nam, qua cầu Hà-thân thì đến chùa Non nước, nơi đây phong cảnh hữu-tình, là một thắng cảnh của Quảng-nam đã từng được nhắc nhở và có nhiều người ngoại quốc đã đến viếng cảnh. Chùa « Non nước » thật là đúng với cái tên của nó mà ngọn bút non nớt của tôi không tả nổi, chỉ dám xin du-khách đặt chân đến nơi đây thì biết rõ.

Trở về miền Tây Quảng-nam, có dãy Trường-sơn lán át các cánh đồng và cũng vì thế Quảng - nam có nhiều gỗ quý như lim, kiềng-kiềng. Các lâm sản khác như Quế, chè, mây, v.v... Đặc biệt ở miền Đại-lộc có trái « lòn - bon » rất ngon và bổ. Tương truyền rằng



khí vua GIA-LONG bị nhà Tây-sơn đánh thua phải chạy về miền núi này, hết lương thực nhờ có trái cây ấy ăn đỡ đói nên sau vua lên ngôi nhớ lại một thứ trái cây đã giúp mình thoát cơn nguy khốn, bèn sắc phong là « Nam-trân quả » là thứ trái cây mà dân Đại-lộc (một quận của Quảng-nam) gọi là « lòn-bon ».

Tỉnh Quảng-nam có mỏ than ở Nông-sơn mà bây giờ chính phủ ta đang sản xuất than đá hàng năm để cung cấp cho kỹ - nghệ nước nhà; lại có mỏ vàng ở Bông-miêu, hiện đương tiếp - tục khai thác. Một tỉnh mà có đến hai « mỏ » thì thật quan trọng vô cùng.

Bây giờ mời du-khách hãy đến thăm con cháu các vị tiền - bối Cách-mạng của Quảng-nam. Cụ PHAN - CHU - TRINH người

quận Tiên - phước, làng Tây-hồ, nên thường gọi là cụ Phan - Tây-hồ. Cụ HUỖNH - THỨC - KHÁNG, người đồng quận với cụ Phan, người làng Thạnh-bình nên dân Quảng-nam gọi là cụ nghề Thạnh-bình, cụ còn có tên là Huỳnh-Hanh nữa. Xong, mời du-khách xuống Tam - kỳ thăm một thành phố nhỏ, nơi đây nếu ai đã viếng qua trong thời Pháp thuộc, thì chắc có nghe một bài thơ tả quận Tam-kỳ, do một bà vợ viên tri-phủ Tam-kỳ làm ra:

« *Nha phủ Tam-kỳ phải thật đây*
Có tòa Đại-lý, có lầu Tây
Nước sông Bòn-thạch quanh
quanh chày
Cụm núi Trà-mỹ lúp lúp xây
.....
..... »

*Sông Tiên nào thấy ông tiên tắm
Bủa lưới, buông câu mấy chú
chài . !*

Mời du khách hãy tiếp tục theo quốc lộ số 1 ra quận Thăng-binh, nơi đây là quê của cụ Tiểu la NGUYỄN - THÀNH, đến đây mời du khách dừng chân để ngắm những bãi cát chạy dài theo ven sông, đêm đêm sóng vỗ bành bạch làm át cả tiếng thôn nữ hò kéo vải nên thơ. Nếu du-khách đi gặp mùa nắng thì sẽ được nếm qua thứ dưa hồng ngọt lịm ở tay các thôn nữ bưng mời và mỉm cười duyên dáng. Thế rồi du khách tiếp tục lên đường, đến Điện-bàn là nơi chôn nhau cắt rún của cụ TRẦN QUÝ CẤP, TRẦN CAO VÂN, NGUYỄN DUY HIỆU, HOÀNG ĐIỀU, ngược lên Bảo-an Xuân-Đài là quê cụ PHAN-KHÔI.

Đất Quảng-nam là đất Chiêm-Thành, nên bây giờ còn rất nhiều di-tích : Tháp Chàm Khương-mỹ, Tháp Chiêm-đàn ở quận Tam-kỳ, Tháp Bàn-an ở xã Vĩnh-hòa quận Điện-bàn. Khi nhìn những di-tích này người Quảng-nam lại nhớ đến HUYỀN TRẦN CÔNG CHÚA, người đã ra đi hiến thân cho vua Chàm để đem

lại Châu Ô, Châu Lý (Thừa-thiên và Quảng-nam ngày nay) mà «*tiếc cho cây quế trong rừng, để cho chú Máng chú Mùng nó leo*». Mặc cảm tự-tôn đó tuy không đẹp, nhưng người Việt-nam nói chung rất hãnh diện rằng dân-tộc ta đã có hơn 4.000 năm văn-hiến

Dưới đời TRẦN, Quảng-nam là «*Thừa - tuyên trấn*», đến khi NGUYỄN - HOÀNG vào trấn phía Nam đổi ra là Quảng-nam. Khi NGUYỄN NHẠC nổi lên đánh chúa Nguyễn thì xưng vương ở Quảng-nam năm 1778, hiệu là THÁI-ĐỨC.

Người dân Quảng - nam mộc-mạc, chất-phác, chỉ biết quanh-quần với đồng ruộng, nương dâu. Họ sản xuất lúa gạo chỉ đủ dùng vì đất Quảng-nam so với Nam phần thì xấu hơn. Những đêm trăng về, rồi rảnh công việc, các cô gái đem xa vải tụ họp nhau kéo sợi, quay tơ, ca hát thật là vui vẻ làm cho các anh trai-tráng ngủ không được, cũng lủ năm, lủ ba đến dỗi đáp với các cô.

Chàng từ Vĩnh - điện ra Lai-quả để bắt tình với nàng, nàng

bản khoăn vì đường sá xa xôi, thế là chàng cất giọng hò :

*Hò...ơ...ơ... Dù xa chỗ ngõ
cũng xa*

*Dù gần Vĩnh-điện — Lai-quả
cũng gần*

Thế rồi nàng thông cảm, gắng bỏ với chàng. Chàng hẹn khi về sẽ thừa lại với cha mẹ, rồi cậy mai mối ra hỏi nàng làm vợ, trong cuộc tạm biệt nàng e ngại bảo chàng :

Chàng về cho chóng rời ra,

*Kẻo em chờ đợi sương sa lạnh
lùng l*

Trai Quảng-nam là trai đa-tình, nên thời trước, lều chông ra thi ở Huế trông thấy cô gái thị thành thướt tha, yểu điệu thế là chàng tự nhiên mà chân như bị đóng đinh

xuống đất :

Học trò trong Quảng ra thi,

*Thấy cô gái Huế, bỏ đi không
đành.*



Núi Trà-my, sông Thu-bồn đã un đúc nên các vị anh-hùng dân tộc đã góp phần diễm tô cho non sông Việt. Người dân Quảng nam mộc mạc, hiền lành nhưng cương quyết.

Thời Pháp thuộc, những cuộc khởi nghĩa chống sưu thuế ở Quảng-nam đã làm cho thực dân Pháp bối rối.

Tinh thần tự-chủ, bất-khuất của dân-tộc ta nói chung mà dân Quảng-nam nói riêng đã đưa nước nhà đến hiện tại tươi đẹp ngày nay.



★ DANH-NGÔN : LƯƠNG BỔNG CỦA ANH..

Lương-bổng của anh là máu-mỡ của dân : dưới, không thuận lòng dân thì trên, chớ dễ-người được trời !

(Như bổng như lộc dân cao dân chí : hạ dân đi ngược, thượng thiên nan khi).

Vua ĐƯỜNG THÁI-TÔNG (Tàu)
(Điện-Huyền dịch)



PHIẾM LUẬN VỀ LIỄU

★ KHỔNG-NHĨ

C ỨNG như mai, như ngọc, như lan, liễu là một danh từ được áp-dụng nhiều nhất trong văn học thi-ca. Liễu là một nguồn cảm-hứng vô-biên của bao nhiêu nhà văn nhà thơ, đông, tây kim cổ. Là một thứ cây cành nhỏ dài tua xuống lá hẹp mà dài, hoa sắc tím sẫm, quả chín thì có những lông bay ra như tuyết, liễu được người đời yêu thích ươm trồng dọc theo bờ sông, ven tường nhà, cạnh bên cửa sổ, ở trong những vườn hoa ư tịch, hay bên những hồ phần của những nàng giai-nhân bạc mệnh :

*Hoa ghen thua thắm, liễu hờn
kém xanh*

Lẽ cổ - nhiên người trông liễu phải là những tâm hồn thắm nhuần thi-cảm.

Tùng, bá, tượng trưng chí khí mạnh mẽ của người quân-tử thì liễu, bồ hình dung những cái gì tha-thướt dịu-dàng uyển-chuyển, mong manh của trang vưu-vật yêu kiều, vì yêu liễu, văn nhân thi-khách gần như thi-vị-hóa những cái gì dính-dấp với liễu xinh.

Thay vì kêu cành liễu, họ gọi liễu chi. Phận liễu đề ám chỉ bôn phận của người đàn bà.

*« Phận liễu dăm người lòng sớm
tối*

Tơ đào riêng thẹn mặt non sông »

Liễu-yêu tức là cái lưng nhỏ của người gái đẹp, liễu-my đề tả lông mày như lá liễu. Một lối đi quanh co uốn khúc có trồng liễu,

PHIẾM LUẬN VỀ LIỄU

Bà HUYỆN THANH QUAN đã đặt cho một danh từ « dặm liễu » :

*Đường mây gió cuốn chồm bay mới
Dặm liễu sương sa khách bước
dồn*

Và chỗ ở của người đẹp được các thi khách đời Đường ghi vào từ-diễn « Liễu chương dài » :

*Ai về hỏi liễu chương dài
Cành xuân đã bẻ cho người
chuyên tay (Nguyễn-Du)*

Hàn-Hoàn đời Đường định hỏi một người kỳ-nữ làm vợ, Hàn đi làm quan, Liễu ở nhà bị tướng Phiên cướp mất. Hàn trở về, thất vọng đau-khổ đã thốt ra câu lịch-sử :

*Liễu dương biết khúc đoan-trường
này chăng ?*

Vương gia-Tiên (truyện Hoa-Tiên) cũng trong một hoàn-cảnh bi-dát như vậy :

*Trăng thề còn đó chi chi
Liễu-chương-Đài biết nay đi đâu
rồi.*

Nhạc-sĩ LÊ-THƯƠNG xúc cảm vì một cảnh biệt-ly đề ngày trở về không còn gặp lại bạn chung-tình đã đem phổ vào nhạc hai câu ta-thán :

Khi ta ra đi liễu dương còn

xanh lá (1)

*Tiếng hát của hoàng-oanh dịu-
dàng mấy thu.*

Ngày xưa khi tiễn đưa nhau không có gì tặng-biệt, sẵn Liễu bên đường bẻ một cành kỷ-niệm chia tay.

*Dương liễu một cành bẻ tặng
anh*

*Ngày mai khi đã tới Liễu-thành
Biên-thùy quán-trọ đừng quên
ngủ*

*Hãy nhớ người bên rặng liễu
xanh.*

(K N)

Tác-giả truyện Kiều là người mang nặng một cảm tình chứa-chán với liễu :

*Dưới dòng nước chảy trong veo
Bên cầu tơ - liễu, bóng chiều
thướt-tha
(NGUYỄN-DU)*

Dòng nước dưới cầu chảy trong veo, bóng chiều bên cầu vòng êm-ả cảnh có đẹp nhưng nếu thiếu vẻ thướt-tha của liễu thì làm sao khơi được nguồn cảm-hứng của khách du xuân.

Lại câu :

*(1) Tích ngã vàng hỉ, dương liễu
y-y*

Khi xưa ta đi, cây dương liễu
mon-mờn. (CÔ-THI)

Lơ-thơ lơ liểu bóng mảnh
Con oanh học nói bên cành mĩ-
mai.

.....
Nách tường bóng liểu bay ngang
trước mảnh-

lầu người gái đẹp ở sẽ ủ-rủ như
lầu Tần chiều lạt về thu, hoặc sẽ
lạnh-lùng cho :

Con én chắt-chiu lầu tíá lạnh

Liểu chi tha-thướt bóng vàng xiêu.

Nếu không có được bên khung
cửa bán nguyệt son son hình-dáng
thướt-tha của liểu đề làm mảnh,
giai nhân lầu Tần đâu còn có dịp
núp sau mảnh liểu xanh để gieo cầu
cho những chàng Tư-mã. Khi các
nàng công chúa lầu hoa ấy đã kén
chọn được ông hoàng mỹ-mạo của
mình rồi thì lại muốn cho phu-
quân phải có một địa-vị công-hầu
khanh-tướng. Nhưng khi chàng đã
ruổi ngựa đến Tràng-an, nàng ở lại
chốn lầu hoa buồn thương nhớ tiếc
rồi hối-hận đã xui chàng.

Khue trúng thiếu-phụ bất tri sầu
Xuân nhật ngưng trang, thượng
Thúy-lâu

Hốt kiến mạch sầu dương-liểu sắc
Hồi giao phu-tế mịch phong-hầu
(VƯƠNG-XƯƠNG-LINH)

(Tư trung nàng biết chỉ sầu

Buồn xuân trang điểm lên lầu
ngắm gương

Nhác trông về liểu bên tường,
Phong hầu nghĩ đại, xuôi chàng
kiếm chi.)

Sầu cô quạnh đối với nàng chỉ
còn có một thú tiêu dao để giết
thì giờ là xách giỏ đi hái - hoa,
nhưng khi đến ven tường, nhìn
hàng dương liễu phát - phơ, nàng
ngẩn-ngờ quên hái.

Niêu niêu thành biên liểu

Thanh-thanh mạch thượng tang

Đề lung vong thái-diệp

Tạc dạ mộng ngư dương

Dịch :

Mảnh liểu phát-phơ khi trước gió
Ngàn dâu biêng-biểu khắp bên
sông.

Ngẩn ngờ đem giỏ hoa quên hái
Vịt tới qua, mơ đến vớt chông.
(P.G.Thụ)

Người Trung-Hoa đời Đường
khi tiễn đưa nhau thường lựa chỗ
ly-đình có trồng nhiều dương-
liểu, có lẽ họ muốn mượn vẻ buồn
của liểu để bày tỏ nỗi lòng bịn-
rịn của mình. Một họa-sĩ đã hình
dung phút phân kỳ ấy ở trong
một bức tranh :

Thiếp lộng thanh mai bằng đoãn
trường

Quân kỵ bạch mã quá thùy dương
Thùy dương mã thượng dao
trương cổ

(Thiếp vịn cành thanh mai tựa
bức tường ngăn

Chàng cỡi con ngựa trắng qua
cây dương liễu

Trên mình ngựa, chỗ cây dương
liểu kia chàng còn ngoảnh lại..)

Lúc ấy dương mùa xuân, trên
sông Dương-Tử, cây liễu đã xanh,
bông liểu tả tơi bay ra khiến cho
những người sắp sửa sang sông
đều phải buồn-bã về sự ly-biệt.
Bỗng mấy tiếng còi của trẻ chẵn
trâu theo gió đưa đến cái quán
hai người cùng ngồi như báo cho
khách biết rằng trời đã chiều rồi.
Thế là hai người chia tay, một
người đi về nẻo sông Tương
trọng nước Sở, một người đi lên
phía Tây về vào xứ Tần ; Buồn
biết chừng nào:

Dương-tử giang-đầu dương liễu
xuân

Dương hoa sầu sát độ giang nhân
Sở thanh phong dịch ly-đình vân
Quán hướng tiêu - tương ngã
hướng Tần

(TRỊNH-CỐC)

(Sông Dương ngàn liễu đua tươi
Hoa dương buồn chết dạ người

sang sông

Đình hôm tiếng sáo nào-nùng
Anh đi bến Sở, tôi trông đường
Tần

(NGÔ-TẮT-TỔ dịch)

Buổi sáng ở đất Vi-Thành mưa
roi tầm ướt cả những làn bụi nhẹ.
Quán khách trông thanh-thú đẹp
đẽ với những cây liễu xanh-tươi vì
vừa tắm gội nước mưa. Xin mời
bạn hãy uống cạn một chén rượu
này. Đi ra phía tây Dương quan
bạn không có ai là cố-nhân nữa.
Vi-Thành chiều-vũ ập khình trần
Khách xá thanh-thanh liễu sắc tân
Khuyến quân cánh tận nhất bát
tửu

Tây xuất dương-quan vô cố-nhân
VƯƠNG-DUY

(Trời mai mưa ướt Vi-thành
Xanh xanh trước quán mấy cành
liểu non
Khuyến người hãy cạn chén son
Dương quan tới đó không còn ai
quen)

(NGÔ-TẮT-TỔ dịch)

Trong mười bài thơ Đường điển
tả buổi chia-ly gần phân nửa, các
thi nhân đã mượn liểu bày tỏ nỗi
buồn nhớ của mình.

Trong bài Ai-giang - đầu của
ĐỖ-PHỦ.

Khi An-lộc-Son chiếm thành

Tường - An, Minh - Hoàng phải chạy vào Thục-Dương Quý-Phi phải thất cô ở trạm Mã-Ngôi. Đỗ-Phủ trốn đi không kịp bị nghiền trong đám quân giặc. Nhân lúc đi qua Khúc - giang là chỗ Minh-Hoàng và Dương - quý - Phi thường hay ra chơi, trông thấy hàng liễu phất phơ xanh-rì, xúc-động viết bài « Ai-giang-đầu » :

Thiếu lãng đã lão thôn thanh khốc
Xuân nhật tiềm hành khúc giang

Giang đầu cung điện tỏa thiên môn
Tế liễu tân bồ oị thủy lục.

Dịch :
Lão còn thiếu sứt sùi ngậm khốc
Giữa ngày xuân bến khúc lần rơi
Đầu sông điện khóa cung cài
Bồ non, liễu yếu vì ai xanh rì.

Tả cảnh mùa thu không gì gọi cảm cho thi-nhân bằng những hàng liễu đu-hiu phất-phơ theo chiều gió. Mùa thu, mùa của lá vàng rơi gọi cho thi-nhân một màu tang-tóc :

Dặng liễu đu hiu đứng chịu tang
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn

hàng

Đây mùa thu tới, mùa thu tới
Vớt áo mơ phất, dệt-lá vàng.

(XUÂN-DIỆU)

Nhưng lại có nhà Thơ buồn bã đứng nhìn cây liễu mùa Đông, giữa lúc *Sương rơi* :

.....
Rơi Sương,
cánh dương,
liễu ngã,
gió mưa
tơi-tả,
từng giọt
thánh thót,
từng giọt
điều tàn,
trên núi
mờ hoang !...

(NGUYỄN-VỸ)

Một chiều đông, ai đi ngang qua một cây liễu ủ-rủ trong vườn hoa kia, mà không chạnh lòng cảm xúc nỗi buồn tê-tái của Thi-nhân ?

KHÔNG-NGHĨ



Hoang v ả n g

Tôi muốn chẳng bao giờ còn thấy nữa,
Giữa cuộc đời tôi đành chịu cô đơn !
Ngậm đắng cay và nuốt cả tủi hờn
Chôn tất cả ngày vui vào dĩ vãng.
Người chẳng biết tôi xây từ năm tháng
Thuở mười-lăm và đến cả đôi mươi ?
Mượn đau thương mua lấy những tiếng cười
Mà cứ vẫn từng đêm nhoe nước mắt !
« Lửa yêu đương chưa thành hình đã tắt » (1)
Ôi ! những mối tình rã tự bào thai.
Hãy về đây và nhỏ lệ u hoài
Thương xót lấy bóng hình tôi trôi mển
Sống giữa hoang-vu mơ ngàn ánh nến,
Nhưng đau buồn về rầy chết tim coi,
Sắc tương-tư nhuộm xám một phương trời
Người chưa đến đã thốt lời từ biệt !
Tôi đau khổ bởi vì tôi tha thiết
(Thế gian này ai tha thiết ai đâu !)
Trót quên nhau từ những buổi ban đầu
Giờ hạnh ngộ tôi là người phụ bạc
Đời không vui như ngàn muôn khúc hát
Ý muôn sầu trước viễn-vọng mông lung
Vì hoài mơ những ước nguyện không cùng
Nên hoang vắng về khép tình thơ đại
(Mà sao vẫn đem lòng kỳ-vọng mãi
Bước cùng anh tìm nẻo đến thiên đường !)
Xa cách hai bờ đôi chữ yêu thương
Hội uyên-trương không kết tình đôi lứa
Tôi muốn chẳng bao giờ nhìn thấy nữa
Giữa cuộc đời sống trọn vẹn cô-đơn !

(1) Thơ Thương-Lan

MỘC-LINH

người bạn

★ NGUYỄN THU MINH

TÔI gặp Hoàng tại một quán giải khát, trên bãi bể Vũng-Tàu vào một chiều tắt nắng. Sau chín năm trời thất lạc, tôi không ngờ thời gian có thể tàn ác ghê gớm đến thế, người bạn ngày xưa với nhiều mộng ước, say sưa một cuộc sống lý tưởng như tin đồn say mê thánh kinh, ngày nay đã trở thành một nạn nhân của xã hội. Cái xã hội vô tội phải đón nhận một con người của một xã hội thù nghịch đào thải.

Sống vô tri vãn ngạo nghề võ vào bờ cát trắng.

Tôi thần thờ nhìn trời, mây, nước bao la đang chìm lặn trong cái chớp nhá nhem của buổi chiều miền duyên hải. Ngoài khơi, những chiếc thuyền buồm của người đi biển đã lần lượt trở về!.. Bỗng dưng, tôi liên tưởng đến một góc trời lửa loạn ngập khói hận thù ngày nào..

★

...Ngày ấy, Lan người con gái thôn Bắc chỉ vừa biết viết nguệch ngoạc vài ba dòng yêu đương vụng dại của tuổi 16, 17. Thế mà cũng dám biết phụ bạc và có đủ can đảm để phản bội. Và,

cũng là ngày tôi từ bỏ tất cả, không một luyện-thương để lao mình vào cuộc đời, như người thủy thủ rời bỏ đất bằng, thoát ly gia-đình đi về yêu đại-dương. Dù một mai xác lịm dưới lòng sâu bể cả cũng nở một nụ cười.

Tôi từ già Hoàng không một cái bắt tay, không một tia nhìn của ánh mắt.

Cũng ngày đó, Hoàng bắt đầu say sưa đọc những giáo điều vô sản đến cùng độ. Có lúc ham vui, tôi võ vai bạn :

— Mau, mau đi, để ngày kia làm lãnh tụ.

Hoàng nhìn tôi có vẻ khinh miệt, nhưng rồi cũng mỉm cười bỏ qua.

Có một lần, tôi đã vô tình để Hoàng đọc trên trang giấy học trò những tâm tình khờ khạo yêu đương, đầy mộng tưởng êm đẹp, anh bèn vò nát đi và nhét dưới gầm bàn. Anh mặt sát vào tình thương-yêu rộng lớn của tôi bằng những suy tư cần cỗi bệnh hoạn mà anh cho là của kinh nghiệm; cái kinh nghiệm lao tù, mồ hôi và máu của một lý thuyết!.. Tôi giận cái thái độ điên rồ ấy của anh, nhưng vẫn mến thương anh, yêu anh như người tình trong thiên cổ!

Có lần tôi gặp anh vai mang nặng chiếc bị vải nâu trên đường trở lại thị thành, anh nhìn tôi và đập vào vai tôi như đặt lên một trách nhiệm :

— Vì tình bạn, cậu phải chuyển hướng ngay đi. Văn nghệ phải phục-vụ nhân - dân, nhân-dân là đối tượng. Sự run rẩy của tim, của hồn phải được mai tán xuống huyết sâu kéo bị đào thải.



Tôi vẫn không chịu khuất phục và không bàn cãi. Tôi biết Hoàng đã say sưa ngây ngất giáo điều ấy rồi!

Có lần, trong một buổi học tập của nhà trường, anh em giao phó tôi làm thuyết trình viên, thì một sự việc xảy ra sau khi tôi rời khỏi chỗ để trả lại diễn đàn cho ban tổ-chức, và những tràng pháo tay tán thưởng chưa kịp dứt, bỗng Hoàng xuất hiện.

Anh đứng lên, cất giọng đồng dục phát động phong-trào bãi khóa. Lời lẽ rắn rỏi của anh như khơi dậy lòng yêu nước của tầng lớp học sinh đang âm ỉ cháy. Anh dồn tất cả sự tha thiết của anh vào lời nói để kích động lòng yêu nước chân thành!...

Những người chứng kiến buổi đó như đi từ một thế giới này sang một thế giới khác xa lạ. Tôi hiểu sự xếp đặt đại quy mô của anh em rồi, tôi không có quyền trách cứ các anh vì biết còn có dịp nào hơn nữa. Và như vậy, tức là mọi người đều đón nhận một sự bạo động rồi.

Mục-đích buổi bãi khóa hôm đó là: « Đòi trả tự do cho một số các anh các chị học sinh trong

trường đang bị giam cầm, tra tấn dã man đến thương tích, điên dại.

Đòi chính quyền thực-dân phải đối đãi với phạm nhân học-sinh hợp lẽ! »

Đến ngày hôm sau, ngoài sân trường đỗ lại một chiếc xe Jeep Wagon màu vàng gạch, trên xe một số người xông xả súng đạn kẹp hông tiến vào các lớp như một bầy quỳ dữ. Những người con thương yêu nước, yêu kháng chiến đâu có nghĩ tới sự lợi dụng sâu sắc của một số người... Những tên thủ-hiến, Giám-đốc-thối-tha, bán nước mặc sức vò xé, thỏa mãn qua thể xác hàng chục nữ-sinh vô tội.

Bức trường thành và mái ngói rêu phong là một nhân chứng câm nín của thời oanh liệt, ngự trị trong lòng những người con yêu nước.

Tôi buồn rầu khi nhớ về một dĩ vãng đầy oanh liệt, bên cạnh tôi hồi đó có cả Hoàng, nhưng không phải như hôm nay, nơi buổi chiều hiền dịu nơi đây. Tôi nhìn kỹ lại Hoàng, anh vẫn ngồi thẩn thờ, đôi mắt sâu hoắm tẻ

dại nhìn vu-vơ ra bể khơi. Chốc chốc lại cau mày như có cái gì quặn thắt tận đáy lòng anh.

Tôi ngồi lại gần anh, đặt tay lên vai anh, nhìn rõ thể xác anh thì trời ơi! Không những thể xác anh đã tàn phế mà ngay cả trí óc anh cũng hoàn toàn tê dại đi rồi!

Tình thương đã làm tôi vô cùng xúc động, muốn ôm lấy anh mà khóc.

Đền đêm đã lên từ bao giờ, và tôi vẫn còn ngồi với Hoàng, cùng hy vọng sẽ có người đến đưa anh về hay tìm kiếm anh. Vì tôi cần biết về những ngày xa nhau giữa chúng tôi cho đến ngày hôm nay lại gặp anh ở nơi này.

Bỗng một ý nghĩ vụt đại kỳ lạ từ đâu hiện đến. Tôi buột miệng gọi người con gái hầu bàn lại:

— Này cô, cô có biết người này không?

Người con gái tóc quăn nhìn tôi mỉm cười chưa kịp trả lời, tôi

đã vội tiếp:

— Không biết thì trả lời chứ sao lại cười.

Người con gái nhìn đăm-đăm vào mặt tôi trả lời:

— Thưa ông, ông hỏi làm gì?

Tự nhiên tôi thấy tôi tởm tẻ và tàn ác quá, tôi hối hận khi nhìn người con gái quày lưng đi vào trong, tôi bèn gọi giật lại tỏ lời xin lỗi, như phân trần:

— Vì tôi là bạn thân của người này, trong lúc quá chén, cô vui lòng thứ lỗi cho.

Sắc mặt người con gái bỗng vui hẳn lên. Nàng không nhìn tôi nữa, quày lưng đi, tàn ngần nắm lấy vạt áo sau kéo lên chằm nước mắt. Tôi nghe qua tiếng âm ức:

— Xin lỗi ông, người ấy là chồng tôi ạ.

Nghe vậy, tôi lịm điếng, tê dại cả người vì một niềm vui đang về...

NGUYỄN-THU-MINH

1960

* DANH-NGÔN : ái-quốc

Tôi chỉ có một năm mờ mà tôi phải đem cả tinh mệnh để gìn giữ : là giang-sơn Việt-Nam.

PHAN-ĐÌNH-PHÙNG

Khoa học Phở-Thông



SÓNG THẦN

* TRỊNH-THIÊN-TỬ

(Hải-học-viện Nhatrang)

CHÚNG ta còn nhớ, sau vụ động đất vào ngày 21 tháng 5 năm nay ở Chili, Thái-bình-dương đã xáo trộn mạnh bởi ảnh hưởng của núi lửa và các cây sóng thần.

Sóng đã truyền đi trong Đại-dương với một tốc độ rất mau : 800 cây số/giờ và tràn vào bờ để tàn phá.

Nước Nhật, không may mắn đã chịu thảm họa này, trong khi

ở Alaska - Tahiti, sóng thần chỉ làm cho nước dâng lên cao.

● Sóng thần là gì ?

Sóng thần là một sự bành trướng (gonflement) bất thành lĩnh của mặt biển và có thể gồm bởi một hay nhiều sóng.

Các nhà khoa-học gọi sóng thần là *Tsunami*, một danh-từ Nhật-bản, thay thế các danh-từ Pháp-Anh, dùng không được đúng.

SÓNG THẦN

Danh-từ này là một tiếng ghép gồm có tiếng *Tsu* nghĩa là bờ, vịnh, và tiếng *nami* là sóng (ondes).

● Vì sao có sóng thần ?

Sóng thần được phát sanh hoặc do những địa chấn hay những sự phun núi lửa, hoặc do các cơn gió lốc, dông bão. Người ra chia ra hai loại sóng thần tùy theo nguyên do phát khởi của nó. Ngoài ra, người ta còn nhận thấy những nguyên nhân về cơ học như sự rung chuyển hay di chuyển một phần đáy biển, bờ biển, cũng có thể sanh ra sóng thần, những sóng này ở ngoài khơi có một biên độ yếu (amplitude faible), tàu bè khó nhận thấy. Sóng truyền ra rất mau và vận tốc của nó tỷ lệ thuận với căn số bậc hai của chiều cao. ($V = k\sqrt{h}$)

Khi chiều sâu của biển chừng 4.000m, sóng có vận tốc đến 700km/giờ. Khi những sóng này vào gặp những đáy cạn gần bờ, cọng hưởng với nhau, và có một biên độ lớn đáng kể. Sự tăng biên độ (chiều cao) của sóng, còn tùy theo hình thể bờ biển và đáy biển.

Sóng thần có thể bắt đầu bằng một sự hạ thấp hay hoặc sự dâng cao nước biển. Trường hợp thứ hai, thường kinh khủng hơn, vì

sau cơn sóng thứ nhất, nước hạ xuống rồi dâng lại rất cao và tàn phá mãnh liệt. Nhưng trường hợp này rất hiếm. Sự trượt các «phai» (falaises) hay các tảng đá lớn cũng có thể sanh ra sóng thần. Sóng thần phát sanh bởi những nguyên do về khí-tượng rất khác các loại sóng trên.

Những cơn gió lốc, hay sự hạ thấp áp-xuất khí-quyền tạo nên những cơn gió kinh khủng và nâng cao mực nước lên.

● Những tai-họa

Ông Don Manuel Odriozola, năm 1883, đã viết, theo những bản báo cáo về cây sóng thần ngày 28 tháng 10 năm 1746 ở Callas, đã tàn phá cả thành Lima như sau :

Sau sự rung chuyển làm đổ tất cả các nhà ở trên bờ, biển rút nước cạn xuống. Nước lại dâng cao lên và phát ra một tiếng kêu kinh khủng, một cây sóng to vươn lên rất cao rồi đập vào các thành, và tất cả đều bị phá vỡ.

83 chiếc tàu trong hải-cảng đã bị phá và cuốn đi mất. 4 chiếc lớn nhứt bị sóng đưa qua khỏi thành và đưa đến các miền quê.

Cây sóng thần trên đã giết chết

SÓNG THẦN

4.700 dân, và chỉ còn sống có 200 người.

Một cây sông vĩ đại khác đã làm chìm 36.000 người ở Merak và Tolok-Betang, (ngày 27-8-1883)

Đọc theo bờ vịnh Bengale, thấp và phẳng, các loại sông thần do nguyên do khí-tượng, đã gây nhiều thiệt hại nặng nề.

« Thần Sông » đã nổi cơn giận vào các năm 1787, 1831, 1842, 1876, và nuốt một số đông dân

ở đây, và riêng trong lần cuối, « Thần » đã tấp đến 215.000 người.

Ở Bắc Phi-Châu, sông thần ít tàn phá hơn.

Ngày 11 tháng 10 năm 1634, biển nổi phong ba và giết chết 6.000 người.

Gần đây, ở Holland và Anh đã bị ngập lụt và cho ta thấy bờ biển Châu-Âu không thoát khỏi thảm họa này.

T.T.T.



* HAI LẦN... HAI VỢ... !

Nửa đêm có điện thoại gọi bác-sĩ :

— Xin mời Bác sĩ đến gấp xem giúp cho vợ tôi bị bệnh đau dạ-dày trầm trọng lắm lắm...

— Vợ ông đau dạ dày, tôi đã chữa khỏi hồi năm ngoái rồi mà Tôi chữa bệnh không bao giờ chữa đến lần thứ hai.

— Nhưng thưa Bác-sĩ, tôi đã cưới vợ lần thứ hai thì sao ? Người vợ năm ngoái của tôi đã chết rồi.

* ĐE DỌA (chuyện bên Tây-phương)

Bà Mẹ mắng con gái 16 tuổi :

— Tại sao thằng Robert hôn mày mà mày không la lên

— Tại anh dọa con.

Bà mẹ trợn mắt :

— Nó dọa mày làm sao, hả ?

Cô con gái cúi đầu xuống :

— Anh dọa con nếu con la lên thì từ nay anh không hôn con nữa.

Paul

TRUYỆN NGẮN NGOẠI - QUỐC

TRÀ THÙ

* Guy de Maupassant

Có LÊ-TRẦN dịch



GÓ A phụ Paolo Saverini ở với người con trai độc nhất trong một căn nhà nhỏ nghèo nàn trên hào thành Bonifacio. Tỉnh này nằm chênh vênh trên sườn núi và qua một thung lũng lờm chờm đá. Nó nhìn xuống vùng thấp nhất của đảo Sardaigne. Chung quanh chân núi là một hải cảng vắng tàu bè qua lại, trừ ra vài con thuyền đánh cá cứ cách mấy tuần mới tới một lần rồi lại nhờ neo rời đi.

Những căn nhà cheo leo trên vách đá trông như những tổ chim hoang dã. Gió thổi không ngừng,

đánh tạt vào làm trợ trụ cả bờ bê và mòn cả hai bờ khe đá. Những vết bọt toé trắng tấp vào những hốc đá đen có lúc vết bọt đó như đâm thủng những lớp sóng gọi cho ra hình ảnh man áo rách nổi trôi bập bềnh trên mặt nước..

*

Căn nhà của góa phụ Saverini ở chênh vênh trên mỏm đá, có ba cửa sổ hướng về phía chân trời hoang vắng..

Góa phụ sống với người con trai độc nhất, Antoine Saverini và con chó Semillante. Semillante

thuộc giống chó săn, thân mình to lớn nhưng gầy, lông dài và cứng, Nó thường đi săn với Antoine.

Một chiều kia, có một gã tên Nicholas Ravolati đến vùng Sardinia và, sau một cuộc cãi vã, đã đâm chết Antoine!

Xác của Antoine được mấy người bộ hành đưa về cho bà mẹ. Bà không khóc nhưng đứng lặng một hồi lâu, mắt nhìn chăm chăm vào đũa con bị giết, rồi đặt bàn tay nhão lên thi thể con, bà thề sẽ trả thù. Bà không muốn một người nào ở lại với bà ngoài xác con và con chó Semillante. Con chó tru lên, gào lên không ngừng, nó nằm dưới chân giường của chủ, đầu hướng về chủ, đuôi kẹp chặt giữa hai chân, nó cũng như bà mẹ, không nhúc nhích.

Bà mẹ gục đầu lên xác con, khóc nức nở và chăm chú ngắm nhìn như để thu hút vào ký ức hình ảnh đứa con thân yêu một lần chót.

Người con trai mặc chiếc áo màu xám tro, trên ngực áo bị rách và nhuốm máu, nằm im như đang ngủ và khắp người đầy máu me. Những giọt máu đọng trên mặt, trên râu và trên tóc chàng.

Người mẹ bắt đầu nói với con

và, dưới chân giường, con chó yên lặng trước giọng nói trầm trầm của bà: « Con ơi, mẹ sẽ trả thù cho con, ngủ đi con, mẹ sẽ trả thù cho con, con nghe thấy mẹ nói không, con ơi? Mẹ sẽ trả thù cho con. Con có biết rằng mẹ của con luôn luôn giữ lời hứa không con!... » Nói xong, bà từ từ cúi xuống hôn trán con.

Con chó lại rống lên từng hồi dài, thảm thiết và ghê rợn.

Nơi đó, suốt đến sáng hôm sau, chỉ có xác chết, người đàn bà và con chó.

Sáng hôm sau bà chôn xác con. Từ đó vùng Bounifacio chẳng còn ai nhắc nhở đến cái chết của chàng Antoine Savorini nữa.

Chàng không có anh em, cũng không có họ hàng thân thích nào là đàn ông để trả thù cho chàng. Luôn luôn chỉ có bà mẹ già nua của chàng nghĩ đến việc trả hận cho chàng.

Sáng và chiều nào bà già cũng nhìn thấy một điềm trắng bên kia bờ thung lũng. Đó là làng Longosardo, nơi bọn cướp dùng làm chỗ ẩn trốn khi bị rượt đuổi. Chúng thường lui tới thôn xóm này, nơi đối diện với bờ biển quê hương chúng để đợi khi trở về sào huyệt mà bà lão biết chắc

nơi này có Nicholas đang ăn náu.

Suốt ngày ngồi lặng trước cửa sỏ, người góa phụ mắt đăm đăm nhìn về phía Nicholas ở, nghĩ cách trả thù! Nhưng bà làm sao thực hiện được công việc trả hận này? không người giúp đỡ, tàn tật và già nua! Nhưng bà đã thề trước xác con là bà sẽ trả thù. Bà không quên được lời thề và không được trì hoãn việc này. Vậy bà phải làm sao để hoàn thành công việc trọng đại ấy?

Suốt đêm không ngủ, không nghỉ ngơi, bà lão ngấm ngấm nghĩ cách trả thù. Con chó nằm dưới chân thỉnh thoảng trời đầu dậy, sủa rền trong đêm vắng. Từ ngày người chủ trẻ của nó chết đi, nó luôn luôn tru lên như thế, hình như nó gọi chàng, và có lẽ những kỷ niệm của chàng không thể bị xóa mờ trong trí nó.

Một đêm, khi con Semillante bắt đầu tru lên như thường lệ, thì một ý tưởng chợt nảy ra trong óc người mẹ, một ý tưởng trả thù đã man và dữ tợn. Bà trầm ngâm với ý nghĩ ấy cho tới sáng và ngày hôm sau bà đến nhà thờ âm thầm cầu nguyện xin chúa giúp đỡ bà, ban cho thề xác yếu ớt của bà

có đủ sức mạnh để trả thù cho con.

Trở về nhà, bà lấy cái thùng chứa nước mưa ở sân nhà đổ hết nước đi cột chặt xuống đất rồi xích con Semillante và nhốt lại, đoạn vào nhà, đi đi lại lại trong phòng, mắt gấn chặt về phía bờ biển miền Sardinia, nơi tên sát nhân Nicholas đang nường náu.

Con chó ngày đêm tru lên thảm thiết.

Mỗi sáng, bà không cho nó ăn gì cả ngoài bát nước lã.

Ngày lặng lẽ trôi, con Semillante đói lã vì thiếu ăn, đôi mắt long sòng sọc, lông dựng đứng, lờng lộn một cách vô ích hòng thoát khỏi cái xích trên cổ. Nhưng bà lão cũng vẫn không cho nó ăn gì cả. Con vật trở nên dữ tợn, nó rống lên những tiếng căm hờn và mệt mỏi. Đêm nữa lại lặng lẽ qua đi. Nó vẫn đói!

Sáng tinh sương ngày hôm sau, bà Saverini sang nhà hàng xóm xin hai bó rơm về và nhồi quần áo cũ của chồng thành một hình người, đầu thì bằng một cuộn len cũ, rồi bà khâu hình nhân vào một cái gậy đem cắm trước chuồng con Semillante. Con chó ngạc nhiên yên lặng

nhìn mặt dầu quá đời.

Sau đó, bà lão đi mua một chiếc bánh nhưn thịt, nhúm lửa nướng ở giữa sân. Con chó nhìn hau háu vào miếng thịt và chồm lên vì ngửi thấy mùi vị thơm ngon của thịt nướng. Nướng xong, bà cuốn vào cỗ hình nhân nhiều vòng như đeo ca - vát rồi bà thả con chó ra : Semillante vụt chồm tới, cẳng nó đề lên vai người rơm và ngoạm vào cỗ. Nó ngã xuống trong mồm ngoạm được miếng mồi, nó lại chồm lên cắn phập răng vào thân người rơm ray ra từng miếng nhỏ. Cứ thế, nó chồm lên, ngã xuống như điên dại. Nó ngoạm mặt, xé cỗ người rơm nát ra muôn mảnh.

Bà lão đứng yên lặng theo rồi từng cử động của con chó. Mặt bà sáng lên. Đợi nó ăn xong, bà xích lại và, những ngày sau đó, cái hành động kỳ quái ấy lại tiếp diễn đều đều !

Suốt ba tháng ròng, bà già luyện chó con Semillante quen sự vật lộn, cắn xé bằng răng và chân. Và hồi này thì nó đã thuần thực cắn xé ngay người rơm mà không cần có đồ ăn quần quanh cỗ nữa. Nhưng sau đó, bao giờ bà cũng thưởng cho nó một miếng bánh thịt nướng do chính tay bà làm.

Vì thế, khi vừa nhìn thấy một hình người, Semillante đã gầm gừ, hướng mắt nhìn bà chủ đợi lệnh và chỉ một tiếng « đi » với một cái dơ tay ra hiệu là nó chồm tới rồi.



Đến một sáng kia, biết dạ tới lúc hành động, là Saverini đến nhà thờ cầu nguyện rồi cải trang thành một ông già yếu đuối, nhờ một người dân chài dẫn bà và con Semillante sang bên kia thung lũng, mang theo cái bị đựng chiếc bánh nhân thịt lớn. Hôm nay là ngày thứ hai con Semillante đã bị xích và bỏ đói mà cứ chốc chốc, bà lại cho nó ngửi chiếc bánh thơm ngon để gọi thêm sự háu ăn của nó.

Khi họ tới Longosardo, người dẫn đường đưa bà vào một quán rượu, bà liền hỏi người bán hàng chỗ ở của Nicholas Ravolati. Tên này đã trở lại nghề thợ mộc cũ của hắn, lúc đó hắn đang làm việc ở sân sau, bà đẩy cửa và kêu : « Này, Nicholas ! » Khi gã vừa quay đầu lại, bà lão thả con chó và kêu lên :

— Đi vào xé xác nó ra !
Nhanh như cắt, Semillante chồm lại chỗ Nicholas, nó nhảy

lên cắn cỗ, gã chống cự nhưng bị ngã lăn xuống sàn, và chỉ trong chốc lát, gã quần quai trong vũng máu, rây rạ, rồi, nằm im không cử - động nữa ! Trong khi ấy, Semillante còn ngoạm ngạp vào cỗ nạn nhân mà xé nát thành muôn mảnh... ★

Hai người láng giềng ngồi trước cửa nhớ lại họ đã trông thấy một ông già cùng con chó đen đi ra khỏi tiệm, con chó vừa đi vừa ăn vật gì màu nâu mà chủ nó đã cho.

Chiều hôm ấy, bà già trở về nhà và ngủ ngon lành suốt đêm.



★ TRUYỀN GIÁO

Một vị tu-sĩ ở giảng-đường đi về nhà, coi bộ uể oải. Bà vợ hỏi :
— *Hôm nay ông giảng đạo về đề-tài gì mà sao thấy ông mệt vậy?*
— *Về vấn-đề : " Người giàu phải giúp đỡ người nghèo " .*
— *Ông giảng được tin-đồ hoan-ngheh không ?*
— *Chỉ được một nửa thính-giả hoan-ngheh : là bọn thính-giả nghèo.*

★ THI CẢNH - SÁT

Trong một kỳ thi cảnh-sát lưu-thông, giám-khảo hỏi thí-sinh :
— *Nếu anh đang lái xe một mình trên con đường vắng về ban đêm, mà anh biết phía sau anh có một lũ cướp lái xe chạy 80 cây số một giờ, thì anh làm sao ?*
— *Thì tôi cho xe tôi chạy thả ga, 90 cây số một giờ !*

★ DANH-NGÔN : LỄ PHÉP

Lễ phép chẳng bao giờ mất tiền mua : chỉ mất một chỗ ngồi trên xe autobus mà thôi.

(On ne perd jamais rien à être poli, sauf sa place dans l'autobus)

TRISTAN BERNARD

9.—ĐIỀU THUYỀN

★ NGUYỄN-TỬ-QUANG

MẢNH TÌNH THEO SÓNG THU BA

(Tiếp theo P.T. số 49)

NHƯNG...

Đợi chờ trông ngóng mãi, thế mà nào thấy bóng hồng được ai đưa đến. Lữ Bố lòng dạ xốn xang nên lần mò qua tường phủ hỏi thăm mấy người thị nữ. Chúng đáp :

— Quan thái sư còn ngủ với tân mỹ nhân đến bây giờ chưa thức.

Lữ Bố chết điếng cả người.

Vừa đau đớn vừa tức giận, Lữ Bố lén vô cửa sau phòng nom xem. Vừa lúc ấy Điều-Thuyền

đã thức, đứng trước gương chải tóc, thấy Lữ Bố thì quay ra nhìn, mặt mày buồn ngẩn. Nàng đưa khăn chấm mắt.

Lữ Bố ruột lòng đứt đoạn.

Đồng-Trát thức dậy nhìn qua nhà giữa thấy Lữ-Bố bước vào thì hỏi :

— Có việc chi không ?

Lữ Bố đáp « không » rồi vòng tay đứng hầu. Thấy Điều-Thuyền đứng thập thò bên bức rèm châu ở cánh cửa phòng, nhìn chàng dăm dăm, vẻ mặt đầy đau đớn tủi cực thì lòng Lữ Bố càng tan nát.

ĐIỀU THUYỀN

Trông người Lữ Bố dờ dẩn như kẻ mất hồn, Đồng Trát sinh nghi nên truyền cho Lữ Bố lui đi nghỉ. Lữ Bố trong lòng ám ức tiu nghỉ bước ra về.

Từ khi nạp dụng Điều-Thuyền, hơn một tháng, Đồng Trát không ra khách. Một hôm lão cảm lấy thương hàn, Điều Thuyền tận tụy chăm chực, thuốc men, cơm cháo. Đồng-Trát lấy làm vui lòng lắm.

Lữ Bố nghe tin Đồng-Trát đau thì vào phòng vấn an. Vừa lúc Đồng-Trát còn ngủ, Điều-Thuyền đứng sau giường nhìn Lữ Bố rồi lấy tay chỉ lòng mình lại chỉ Đồng Trát, và hai hàng lệ chảy ròng trên má.

Lữ Bố đau đớn vô cùng,

Vừa lúc ấy, Đồng Trát giật mình mở mắt thấy Lữ Bố đứng nhìn sau giường mãi thì nổi giận trở mình qua lại thấy Điều-Thuyền, nên nạt Lữ Bố :

Phụng nghi đình, tình
càng thắm càng say...

ĐỒNG TRÁT lành bệnh, xe giá vào châu, Lữ Bố cầm kích theo hầu.

— Sao mi dám điều cợt ái cơ ta ?

Lão lại truyền cho quân hầu đuổi Lữ Bố ra. Và cấm Lữ Bố không được đến nữa.

Lữ Bố gặp Lý Nhu, tỏ bày tự sự. Lý Nhu vào bẩm với Đồng Trát :

— Thái sư muốn tung hoành thiên hạ sao lại lấy chút hờn nhỏ quở trách Ôn-Hầu (1), nếu va biển tâm ác hư đại sự.

Đồng Trát hỏi :

— Bây giờ liệu làm sao ?

Lý Nhu nói :

— Vậ thái sư cho kêu va vào ban thưởng bạc vàng và lấy lời an ủi.

Đồng Trát nghe theo. Qua hôm sau, lão cho đòi Lữ Bố đến ban cho 20 cân vàng và 20 cây gấm, lại khuyên nhủ Lữ Bố đừng phiền muộn vì nặng lời của lão.

Lữ Bố tạ ơn nhưng lòng vẫn buồn bã.

Thấy Đồng-Trát đương nói chuyện với vua, Lữ-Bố liền lén cầm kích lên ngựa chạy phăng về

(1).— Tên chữ của Lữ-Bố.

tướng phủ vào kiếm Điều-Thuyền. Điều-Thuyền nói :

— Lang-quân ra sau vườn đến Phụng-nghi-đình mà chờ thiếp.

Điều-Thuyền trang điểm xong, vội vàng bước ra sau, cung tay bái Lữ-Bố mà khóc :

— Thiếp tuy là con nuôi của quan tư đồ song người coi như con đẻ. Người gả thiếp cho lang quân là chọn chỗ xứng đáng cho thiếp trao thân gởi phận, mừng chưa kịp no, không dè thái sư lòng trâu dạ chó, bắt thiếp cưỡng bức như thế này. Sở dĩ thiếp chưa chịu chết vì chưa gặp mặt chồng. Nghĩ lại, thiếp ngày nay chẳng khác nào hoa tàn nhị rữa còn phụng sự anh hùng sao đáng, vậy thiếp xin tự tử trước mặt lang quân để lang quân hiểu rõ nỗi lòng của thiếp.

Nói xong, Điều Thuyền nhắm ngay ao sen toan nhảy xuống. Lữ Bố lật đật ôm lại, cảm động sa nước mắt nói :

— Ta biết rõ lòng nàng lắm rồi.

Điều-Thuyền níu lấy Lữ Bố, nức nở :

— Vợ chồng ta bây giờ sống ở dương gian chẳng đáng kết đôi, thì nguyện chết xuống tuyền đài sẽ kết duyên tơ tóc.

Lữ Bố nói :

— Kiếp này nếu ta không lấy

được nàng làm vợ thì thế không phải là một kẻ anh hùng.

Điều - Thuyền đưa khăn chấm mắt, nghẹn ngào :

— Thiếp tin tưởng lời hứa của lang quân. Xin lang quân thương mà cứu thiếp.

Lữ Bố nói :

— Ta đi tự giờ cũng lâu, sợ lão tặc sinh nghi thì khó.

Điều Thuyền cầm vật chiến bào của Lữ Bố, khóc dầm nói :

— Nếu lang quân sợ lão tặc như thế, thì chắc là thân thiếp không thoát được rồi !

Lữ Bố an ủi :

— Nàng đừng lo mà hao tổn mình vàng, để thủng thủng ta liệu.



Nói rồi xách kích muốn đi. Điều-Thuyền nói :

— Thiếp ở chốn khuê phòng, nghe danh tiếng lang quân dưới đời có một, không ngờ lại bị có người kèm chế như thế.

Nói rồi lại khóc òa lên một cách bi thảm. Lữ Bố then thùa, để kích xuống, ôm lấy Điều-Thuyền đưa khăn chấm nước mắt, tìm lời an ủi.

Hai người bịn rịn âu yếm không nở buông nhau.

.....
 Đồng Trát ngồi tại triều chực quay lại nhìn không thấy Lữ-Bố thì hối hả từ tạ vua, lên xe về. Thấy ngựa xích thố của Lữ Bố buộc trước tướng phủ thì vội hỏi :

— Lữ Bố đi đâu mà để ngựa

đây ?

Môn-lại thưa :

— Lữ Ôn-Hầu đi ra nhà sau.

Đồng Trát vào phủ kiếm không thấy, Điều-Thuyền cũng vắng mặt thì hết hoảng hỏi thị-nữ. Chúng thưa Điều Thuyền ra vườn xem hoa. Đồng-Trát vội vàng đi thẳng ra sau thấy Điều Thuyền và Lữ Bố đương nói chuyện. Lão hoa cả mắt, máu ghen sôi sùng sục quát lên một tiếng lớn. Lữ Bố hoảng hết bỏ chạy, để cây kích lại dựa lang can ở bao lơn.

Đồng Trát cúi xuống cầm lấy kích rồi rượt theo Lữ-Bố. Gần đến cửa vườn, thốt nhiên một người ở ngoài chạy vào va nhằm trán Đồng Trát làm lão té nằm một đồng như một cây thối đổ.

.....
Sóng thu ba nhện dằm
thuyền tình

N G U Ò I chạy dựng Đồng-Trát là Lý-Nhu.

Nhu đỡ Đồng-Trát dậy và dìu vào phủ. Đồng-Trát hỏi :

— Người đi đâu đây ?

Lý Nhu đáp :

— Tôi tới cửa phủ hỏi thăm trẻ

hầu, mới hay Thái-sư đi ra vườn kiếm Lữ Bố. Tôi vội ra xem thì vừa gặp Lữ Bố đương chạy và vừa bảo : thái-sư giết hẳn, nên tôi hối hả chạy vào khuyên giải, không dè dựng phải thái-sư, xin cam thọ tội.

Đồng Trát mặt mày hăm hừ, nói:

— Thăng nghịch tặc đó dám giỡn với ái cơ ta. Ta quyết không dung.

Lý Nhu thưa :

— Đời Đông Chu, vua Sở Trang vương đãi yến các quan ban đêm, dạy một nàng ái cơ ra đãi rượu dâng khuyên mời đẹp ý bá quan. Lúc ấy, gió thổi tắt đèn. Trương Hùng thừa dịp bước đến nắm tay nàng ấy, nhưng bị nàng bứt đứt cái dải mào đem lại mặt tấu với vua. Nhưng nhà vua lại truyền cho bá quan bứt dải mào cả rồi sẽ đốt đèn lên. Vì vậy Trương Hùng cảm ơn vua lắm. Sau vua bị vây ngặt nghèo, Trương Hùng liều mình cứu giá. Nay ngài vì một người con gái mà bỏ một tướng tâm phúc thì chắc là hoại sự. Vậy thái sư đưa Điều Thuyền cho Lữ Bố, như thế Bố phải cảm ơn mà hết lòng với thái sư.

Đồng Trát suy nghĩ một lúc rồi nói :

— Mi nói vậy cũng phải, đề ta nghĩ lại đã.

Lý Nhu từ giả về. Đồng Trát lui vào đình sau hỏi Điều-Thuyền :

— Sao mi dám từ thông với thằng Lữ Bố ?

Điều Thuyền khóc lóc :

— Thiếp đương xem hoa nơi

sau vườn, thành linh Lữ Bố bước vào, thiếp hoảng sợ toan chạy trốn. Lữ Bố nói không hề chi rồi cầm kích rượt thiếp đến Phụng-nghi-đình. Thấy nó sinh tâm như vậy, thiếp định liều mình nhảy xuống ao sen. Nó lại ôm cứng lấy thiếp. Đương cơn bối rối, vừa may ngài vào kịp nên thiếp mới toan tính mạng.

Đồng Trát nói :

— Ý ta muốn gả mi cho Lữ Bố, vậy mi có bằng lòng chăng ?

Điều-Thuyền thất sắc, nức nở :

— Thiếp đã thất thân với ngài, bây giờ ngài lại nở lòng đem đưa thiếp cho con, thế thì trái lẽ quá. Vậy thiếp thà chết còn hơn sống mà chịu nhục danh.

Nói rồi Điều Thuyền bước lại rút lấy gươm treo trên vách định tự tử.

Đồng Trát hốt hoảng vội đứng dậy giựt lấy gươm, ôm Điều-Thuyền vào lòng, đặt môi vào má nàng hôn lấy hôn để, nói :

— Ta thử lòng nàng ấy mà.

Điều-Thuyền nằm ngả ngang trên mình Đồng Trát, tay đập, chân dẩy, khóc lóc :

— Thiếp biết mưu này là mưu của Lý Nhu. Nhu với Bố là

bằng hữu nên muốn dặng lòng nhau mới bày điều phi đạo lý vô liêm sỉ như thế.

Đồng Trát nâng lấy gò má của Điều Thuyền :

— Nàng có lòng trinh tiết, ta phụ rầy sao đành.

Điều Thuyền nói :

— Thiếp ở lâu nơi này thì Bố có ngày hãm hại.

Đồng Trát nói :

— Thôi, nàng chớ buồn rầu mà hao mòn sắc đẹp ; sáng ngày ta sẽ đưa nàng về My-ô dặng chúng ta cộng hưởng khoái lạc.

Điều Thuyền vui vẻ lau nước mắt, bái tạ.

Hôm sau, Lý Nhu vào thưa với Đồng Trát :

— Nay cũng tốt ngày, vậy xin

thái sư cho đưa Điều Thuyền về Lữ Bố.

Đồng Trát bảo :

— Ta với Lữ Bố có tình cha con, nếu làm như thế ta e can danh phạm nghĩa để thiên hạ sỉ nhục ta chăng ?

Lý Nhu nói :

— Xin thái sư cương quyết, không nên nghe lời phụ nữ.

Đồng Trát nổi giận, quát to :

— Mi đành đưa vợ mi cho Lữ Bố không ? Nay, tự hậu còn nói chuyện về Điều-Thuyền nữa thì toi mạng.

Lý Nhu buồn bực bước ra than thở :

— Chúng ta đều phải chết tại tay đàn-bà !

Đoạn trường xe về My-Ô...

NGAY ngày hôm sau, Đồng Trát hạ lệnh xe giá về My-ô, là quê hương. Các quan đều lay đưa.

Điều-Thuyền ngồi trên xe thấy Lữ Bố nhìn mãi nàng thì giả bộ

che mặt rồi lấy khăn chặm mắt.

Xe đã đi rồi, nhưng Lữ Bố cầm cương ngựa cho đi từng bước một trên gò, dăm dăm nhìn theo xe cuốn sau một làn bụi mịn mờ mà ruột lòng đứt đoạn.

Vương Doãn giục ngựa trở tới hỏi :

— Sao tướng quân không cùng đi với thái sư, lại ở đây mà buồn bã như vậy ?

Lữ-Bố ngậm ngùi thở dài :

— Cũng vì chuyện con gái của ngài mà tôi mới buồn !

Vương Doãn cũng thở dài, nói :

— Lão tướng lâu nay, đã đưa con về cho tướng quân rồi, không hề thái sư làm thói cầm thú. Lão nghĩ lại con lão thật vô phước lắm !

Vương-Doãn lại mời Lữ-Bố về tư dinh và dọn tiệc thiết đãi. Lữ-Bố đem chuyện Điều-Thuyền khóc kể tại Phụng-nghi-dinh cho Vương - Doãn nghe. Vương - Doãn nói :

— Thái-sư cưỡng hiếp con lão, đoạt vợ tướng quân, thiên hạ sĩ tiểu lão và tướng quân nhiều lắm. Nhưng lão già cả rồi cũng không đủ tiếc, chỉ tiếc cho tướng quân có danh cái thể anh hùng mà lại thọ kỳ tu nhục như vậy.

Lữ Bố nghe nói nổi giận vỗ bàn quát to. Vương Doãn can :

— Lão chẳng mấy nói lỡ lời xin tướng quân giảm nộ.

Lữ Bố nói :

— Tôi quyết giết lão tặc ấy thì mới rửa được xấu hổ này.

Vương Doãn nói :

— Tướng quân giận dữ nói như vậy e họa lây tới lão.

Lữ Bố nói :

— Làm người đứng giữa càn khôn lẽ đâu lại chịu người câu thúc như vậy ! Tôi muốn giết lão già ấy lắm nhưng còn ngại tiếng cha con.

Vương Doãn mỉm cười nói :

— Thái sư họ Đồng, tướng quân họ Lữ có liên hệ gì đâu. Khi thái sư phóng kích tại Phụng-nghi-dinh thì còn tình nghĩa cha con gì nữa. Và lại, tài ba của tướng quân nếu giúp Hán thì được chữ trung thần, danh lưu thiên tải ; theo phò Trát thì mang tiếng phản nghịch lưu xú vạn niên.

Lữ-Bố đứng lên bái tạ Vương Doãn, nói :

— Lòng tôi đã quyết, thượng quan chớ nghi ngại.

Nói xong lấy dao cắt tay chảy máu mà thề.

Liên
huân kế

đắc thành, tài tử giai

nhân tế
ngộ

V ẬNG theo mưu của Vương Doãn và Lữ Bố, Lý - Túc đem hai mươi quân mã kỵ kéo đến My-Ô, thừa với Đồng-Trát :

— Vua đau mới nhẹ, ý muốn nhượng vị cho thái sư nên sai tôi đem chiếu ra đây mà tuyên-
triệu.

Đồng Trát hỏi :

— Vương Doãn có bằng lòng không ?

Lý Túc đáp :

— Quan tư đồ đã sai người đắp nền ba tầng xây Thọ thiên đài chuẩn bị đón rước thái-sư.

Đồng Trát mừng rỡ nói :

— Hèn chi đêm rồi, ta nằm mộng thấy rồng phủ trên mình, quả nhiên bây giờ được hỉ báo.

Rồi ngay ngày hôm ấy, Đồng-Trát truyền bày xe giá để trở về kinh. Đồng-Trát lại nói với Điều-Thuyền :

— Ta lên làm vua thì sẽ lập nàng làm hoàng-hậu.

Điều-Thuyền đã biết mưu kế rồi nhưng cũng làm bộ lạ đưa.

★

Đồng Trát về đến kinh, vào tướng phủ, Lữ-Bố đến bái yết. Đồng Trát nói :

— Cha lên làm hoàng đế thì sẽ phong cho con làm Đại đô-đốc đề tông quản quyền hành.

Lữ-Bố tạ ơn.

Sáng hôm sau, Đồng Trát vào triều.

Các quan mặc phạm phục chực rước bên đường. Lý Túc cầm gươm đi theo xe mà đến nội cung, còn quân lính đều ở ngoài, chỉ có hai chục đứa hầu. Đồng Trát trông lên điện, thấy Vương Doãn và các quan đều cầm gươm thì kinh hãi, hỏi :

— Có chi vậy ?

Lý Túc không trả lời cứ đánh xe đi thẳng vào.

Vương Doãn hô lên một tiếng lớn, quân võ sĩ hai bên xông ra đâm Đổng Trát. Đổng Trát té xuống xe, hốt hoảng la to :

— Phụng-Tiên ở đâu. Cứu ta.

Lữ Bố ở sau xe nhảy ra, quát :

— Chiếu vua sai ta giết tên phản tặc đây.

Vừa nói vừa đâm một kích vào yết hầu Đổng Trát làm hấn chết không kịp la.

Vương Doãn lại sai Lữ Bố, Hoàng Phủ-Tung và Lý-Túc dẫn năm vạn binh kéo ra My-ô, tịch biên gia sản của Đổng Trát.

Lữ Bố đến My-ô, giao tất cả công việc cho Hoàng phủ Tung và Lý-Túc, còn mình thì vào

phòng tìm kiếm Điều Thuyền.

Gái thuyền duyên với khách anh hùng, hai đàng gặp gỡ, mừng mừng tủi tủi. Thật là « tình trông mây nhớ gió bấy lâu nay tuông ra một trận mưa rào đã phủ da hồng nhan lại đẹp lòng tráng-sĩ ».

« Đề giữ vẹn trung hiếu

Đành mang tiếng hat chồng,

Thần tiên, chà đạp tay phàm tục,

Hoa đẹp, vầy vò kiếp bướm ong.

Đem sóng thu ba bày binh trận,

Lấy sắc khuynh thành giữ nút sống.

Cơ nghiệp Hán-triều bao năm đó

Sử xanh chói lọi một Điều-Thuyền ».

NGUYỄN-TỬ-QUANG



* B. B.

Tại trường tư-thục X. Z. Y. có một cô nữ sinh đẹp nhưng thích điệu-bộ lẳng-lơ và y phục hở hén như Brigitte Bardots Học trò trai chề nhạo, đặt tên cô là B. B.

Một hôm cô vừa vào lớp, bị học sinh la ó lên : B. B. ! B. B. !

Cô mắc cỡ, đến thưa Thầy giáo :

— Thưa Thầy, mấy anh cứ kêu em là B. B. !

Thầy giáo hỏi các cậu tại sao lại gọi cô ấy là B. B.

Một bạn đáp :

— Thưa Thầy, B. B. là Bánh Bao ạ.

Xin cam đoan chuyện thiệt 100%

HUYỀN-DUNG (Phú-nhuyễn)

Cây cò nhân - nghĩa của

TỔNG - TƯƠNG - CÔNG

* THIẾU - SƠN

ĐỜI Xuân Thu có Ngũ-Bá nghĩa là có 5 vị bá chủ chư hầu là Tề-Hoàn-Công, Tống - Tương - Công, Tấn-vãn-Công, Tần-mục-Công và Sở-Trang-Vương. Người gây dựng bá nghiệp trước nhất và cũng là người hiền hách hơn hết là Tề-Hoàn - Công. Nhưng người muốn kế - nghiệp Hoàn-Công mà không thành, không thành mà sử-sách vẫn ghi vào hàng ngũ bá là Tổng-Tương-Công.

Tương-Công khi còn ở ngôi Thế-Tử đã làm được một việc phi thường là sẵn-sàng nhường ngôi cho anh khi cha chết. Nhưng người anh là Công-Tử Mục-Di lại cũng là một người phi thường, nhất định không chịu lãnh chiếc ngai vàng mà vua cha đã chỉ định người kế-nghiệp. Chính Quân-Trong đã phải khen ngợi với Tề-Hoàn-Công việc làm cao thượng của

Tương-Công. Nhưng suốt một đời ông chỉ có một việc đó là đáng khuyên một điểm son, còn từ ngày chấp chánh cho tới lúc từ trần ông chỉ đi từ thất bại này đến thất bại khác do sự tối tăm, ngu muội, lỗ-bịch và điên khùng của ông.

Sau khi Tề-Hoàn-Công chết, ông hăm hở muốn nối nghiệp Hoàn-Công mà làm bá chủ thiên hạ. Chính Công - Tử Mục-Di khuyên can ông đừng ôm ấp mộng bá chủ vì Tề có 3 điều hơn Tống là : 1) dân đông, nước giàu và có địa thế hiểm trở ; 2) Có nhân tài giúp sức ; 3) Có điểm lành báo hiệu. Mục-Di kết luận : « Nếu mình có ba lẽ chẳng bằng Tề thì nước mình e giữ chẳng rồi, có đâu chắc việc người khác. »

Nhưng Tương - Công nào có

chịu nghe lời phải và đã cãi lại như sau :

« Ta lấy nghĩa làm đầu, nếu chẳng cứu người có thể thì không phải nghĩa. »

Chính ông đã dùng binh-lực đưa Thế-Tử Chiêu về nước để nối-ngôi Tề-Hoàn - Công giành chiếc ngai vàng bị anh em tranh đoạt. Nhưng ông đã ăn ở vụng về đến nỗi người chịu ơn ông sau này cũng mang dạ oán ông.

Ông không có thực-lực, không có uy-tín để triệu-tập chư-hầu nhưng ông lại nhờ vua Sở triệu tập giùm ông. Kết-quả là chư-hầu tới họp đã tôn Sở-Trang-Vương lên làm minh-chủ và ông đã bị vua Sở bắt nhốt như một thằng tù.

Chính công-tử Mục-Di phải lên làm vua để thế đỡ cho ông làm cho vua Sở phải kiếm cách thả ông. Vì bắt nhốt một ông vua thì còn có công dụng, chứ giam-giữ một ông vua đã mất ngôi thì cũng chỉ như giam-giữ một tên thất-phu nào có công dụng gì đâu ?

Khi Tương - Công được thả, Mục-Di lại sẵn-sàng trả lại ngai vàng cho ông, nhưng ông vẫn chưa chịu lĩnh-ngộ và nhứt định phải trả thù. Chẳng những ông thù Sở mà ông còn thù Trịnh vì Trịnh ở gần Sở, xưa nay vẫn thân-phục Sở và chính Trịnh đã khởi-xương việc bỏ Tống tôn Sở làm minh-chủ trong hội nghị minh-uớc nói trên.

Tương-Công nhứt định kéo rốc binh cả nước qua đánh Trịnh. Ông-Tử Mục-Di can : « Đánh Trịnh thì Sở cứu, ta ắt khó hơn. Chi bằng trau đực mà chờ thì hay hơn hết ». Kể thống-lãnh toàn-quân là Đại-Tư Mã Công tôn Cố cũng can. Nhưng không ai can được vua Tống, Công Tôn Cố đành phải theo vua trong một cuộc phiêu-lưu đầy nguy hiểm Sở không cứu Trịnh nhưng lại kéo quân qua đánh Tống. Công tôn Cố khuyên vua Vua nên thả Trịnh và ta Sở đề cầu hòa chứ không thể nào đương đầu với quân Sở được. Tương Công nói : « Thuở xưa Hoàn-Công đem binh đánh Sở, nay Sở đem binh đánh ta mà ta không dám đánh, làm sao mà nối nghiệp Hoàn-Công cho đặng. » Công tôn Cố nói : « Nước Sở binh ròng, tướng mạnh, người nước mình sợ người nước Sở như giống độc. Chúa - công cậy chi hơn mà dám giao-giaochinh ? » Tương Công nói : « Sở binh giáp có dư, mà nhơn nghĩa chẳng đủ. Ta binh giáp chẳng đủ mà nhơn nghĩa có dư. Xưa Võ-Vương có bà nàn quân hồ bôn mà hơn nhà Thương mấy muôn triệu người là bởi nhơn-nghĩa chứ gì ? Người có đạo mà tránh quân vô-đạo, thì chết còn hơn. » Tương Công bèn hạ chiến-thờ hẹn ngày giao chiến tại đất Hoàn-đương, khiến dựng cây đại kỳ sau xe, trên cờ đề hai chữ « Nhơn Nghĩa ». Công tôn Cố than với một bạn đồng liêu

rằng : « Việc giặc là chém giết mà nói nhơn nghĩa, chẳng biết nhơn nghĩa của chúa công làm sao.

Trời khiến hư rồi, chúng ta phải dè dặt, đừng cho hại cả nước. »

Quân Sở đóng binh nơi phía Bắc sông Hoàng-Thủy, đợi sáng bét mới độ binh qua sông. Công tôn Cố nói với Tương Công : « Binh Sở đề sáng mới độ binh qua sông, là có ý khi dễ ta lắm. Vậy nhơn dịp nó qua nửa chừng, ta ào ra đánh nó. Vậy là trọn cả mấy đạo binh của ta đánh có phần nửa binh của Sở. Bằng đề nó độ qua hết rồi, chúng nhiều, ta ít đánh sao lại ? » Tương Công chỉ cây đại kỳ mà nói : « Người có thấy hai chữ « nhơn nghĩa » đó chẳng ? Ta có lý nào đón người nửa chừng mà đánh ».

Công tôn Cố chắc lười thềm than. Khi quân Sở đã độ qua sông hết, ông lại xin với Tương-Công : « Sở đương bày trận, hàng ngũ còn rối ta ào ra đánh ắt nó phải loạn. » Tương-Công liền nhờ nước miếng trên mặt quan Tư-Mã mà rằng :

« Người ham thắng một trận mà chẳng đoái cái nhơn-nghĩa muôn đời hay sao ? »

Tống-tương-Công chờ cho tới khi quân Sở đã giàn thành thế trận mới cùng với chiếc cờ « Nhơn nghĩa » xông vô. Cái khí thế của quân Sở làm cho quân

Tống phải run sợ nhưng cũng ráng xông vô để bảo vệ nhà vua. Kết-quả là Tương-Công bị bao vây và bị thương khá nặng, nhiều viên thượng-tướng đã chịu tử thương để cứu sống nhà vua. Cây cờ « nhơn nghĩa » bị Sở quân giật mất, bọn vệ-sĩ chết không còn một mạng và quân-số hao hụt hết 8, 9 phần. Công tôn Cố liều chết phò Tương-Công thoát khỏi vòng vây nhưng nhà vua cũng đã bị nhiều vết thương và bị tên bắn đứt gân đầu gối, không đứng được. Cha mẹ, vợ con binh sĩ kéo nhau tới trước cửa triều oán-trách rằng : « Tương-Công chẳng nghe lời Tư-Mã nên mới bại-vong đến thế. » Vậy mà Tương-Công vẫn còn chưa tỉnh-ngộ. Ông còn mở miệng than rằng : « Người quân tử chẳng giết ai hai lần, chẳng bắt người già cả. Ta lấy nhơn nghĩa mà ra binh, há đi bắt chước những thói thừa lúc người ta ngặt nghèo. chận khi người ta lỡ bước mà hơn hay sao ? »



Tống-tương-Công bị tàng-phế được ít năm rồi chết, ông ở ngôi được 14 năm. Trước khi chết ông mới hối-hận rằng đã không nghe lời Mục-Di và trời cho người kế-nghiệp của ông phải giao việc triều-chánh cho Mục-Di.

Phải chi chính ông đã nghe

lời Mục-Di thì ông đã tránh được bao nhiêu thất bại chua cay và đã tránh cho nhân-dân nước Tống bao nhiêu đổ-vỡ, bao nhiêu đau-khổ, bao nhiêu hy-sinh và tang tóc.

Ông có chí lớn muốn nối nghiệp Hoàn-Công. Mục-Di đã cho ông biết rằng ông không thể nào thực-hiện chí lớn của ông được vì ông có ba điều thua Hoàn-Công. Nhưng có một điều quan - trọng mà Mục-Di không dám hay không nỡ nói ra là ông không có một đức-tính nào của Hoàn-Công, nghĩa là chẳng những ông không có tư - cách làm bá - chủ mà còn thiếu cả tư cách của một ông Vua chư hầu. Hoàn Công dám dùng Quản-Trọng là người thù hôm trước và lại trọng dụng vì biết là một nhân tài xuất chúng. Trương Công đầu chưa có những người xuất chúng ở bên mình nhưng cũng đã có những hiền thần như Mục-Di và Công Tôn Cổ nhưng nào ông có chịu nghe lời những hiền thần đó đâu? Quản-Trọng đã nói với Hoàn-Công : « Không biết người hiền làm hại bá nghiệp. Biết người hiền mà không dùng cũng hại bá nghiệp. Chịu dùng mà không phú thác việc lớn cũng hại bá nghiệp. Phú thác mà còn cho tiểu nhơn xen vô cũng hại bá nghiệp. » Hoàn-Công nhưt nhưt lãnh hội và làm theo. Nhưng Trương Công có người hiền ở kế bên mà không trọng

dụng, không nghe theo, nhưt nhưt đều làm theo ý muốn của mình mà lại là những ý-muốn ngông cuồng, chủ quan, phiêu lưu và tai hại. Nước Tề có đầy đủ điều kiện hơn mà Quản-Trọng còn phải bỏ ra hai mươi năm để chỉnh đốn rồi mới dám mưu đồ bá nghiệp. Nước Tống thua sút về đủ mọi phương diện mà Trương-Công ngay từ lúc mới lên ngôi đã lật đật muốn dành làm bá chủ. Khi Tề-Quốc đã cường thịnh Hoàn - Công mới dám hội chư hầu, lấy ân đối với nước nhỏ, lấy uy đối với nước lớn nên mọi việc đều thành công. Nhưng Trương Công không biết thi-ân với nước nhỏ lại ngang ngược với nước lớn nên chẳng những mất chư hầu mà lại còn bị mang nhục.

Tề Hoàn-Công đã làm bá chủ ở Trung-Nguyên và còn thù phục được. Nhưng địch ở phương Tây và phương Bắc. Nhưng còn một nước lớn ở phương Nam chưa chịu thần phục ông là nước Sở. Nước Sở đã tiếm xưng vương-hiệu từ ba đời và không chịu triều-cống Thiên-Tử nhà Châu. Vậy mà khi hội binh chư-hầu đánh Sở Quản-Trọng chỉ hỏi tội không triều-cống cổ bao-mao mà không dám trách việc tiếm-xưng Vương-hiệu. Quản Trọng làm ngơ một tội lớn mà bắt lỗi một tội nhỏ là muốn cho Sở-Vương có thể nhận lỗi để tránh việc can-qua. Nếu Quản-

Trọng không rành khoa tâm-lý mà nhưt định bắt Sở Vương phải từ bỏ vương-hiệu thì Sở-Vương thế tất không chịu và cuộc chiến-tranh sẽ ác-liệt vô-cùng.

Vậy mà trong phiên nhóm minh-ước, Tống tương Công đã dám dành ngôi trên Sở-thành-Vương và mắng ông ta đã tiếm xưng vương-hiệu. Kết quả là ông đã bị người ta làm nhục như đã nói ở trên.

Trải qua bao nhiêu thất-bại đáng lẽ ông phải tỉnh ngộ mà chịu nghe lời phải của hiền-thần. Nhưng ông chẳng những ngoan-cố mà còn ngu-muội. Ông nhưt định báo thù. Nhưng bởi không có thực-lực nên ông muốn bắt chước theo người xưa là dùng nhơn-nghĩa để chiến thắng giúp binh. Nhưng cái nhơn-nghĩa của ông chỉ có hình-thức mà không có nội-dung. Nó lại được đem ra để phô-trương với giặc mà không được dùng tới trong cách đối-xử với quân-dân trong nước.

Phải chi ông chịu nghe lời Mục-Di mà trau đức, đừng hiếp nước yếu, đừng chọc nước mạnh, đừng gây chuyện can-qua để cho dân được an-hưởng thái bình, quân được nghỉ ngơi mà

tập-luyện thì ông mới thiết là con người biết nhơn biết nghĩa. Đằng này ông chọc giận cho người ta tới đánh rồi đứng dưới cây cò « nhơn-nghĩa » mà chờ cho quân người ta độ hết qua sông rồi lại chờ cho người ta giàn thành thế trận rồi mới chịu tiến quân để cho bao nhiêu người phải theo ông mà đi vào chỗ chết. Kể chiến thắng ông. đoạt được cây cò « Nhơn Nghĩa » của ông mà cũng ngo ngác không hiểu ông nhơn nghĩa ở chỗ nào. Còn những kẻ đã lấy mình để che chở cho ông, những kẻ đã làm vật hy sinh cho gươm giáo của quân thù, những kẻ đã mất chồng, mất con, mất anh, mất em, đã kéo nhau tới trước cửa triều đình mà kêu khóc để phản-đối, những kẻ đó lại càng không hiểu nổi cái nhơn nghĩa của ông.

Tề-Hoàn-Công đã nói : « Lấy trí mình thì tối, lấy trí người thì sáng. » Tống-tương-Công đã không biết lấy trí người để sáng lại quá tin ở cái trí ngu của mình nên mới có những việc làm lỗ bịch để cho hậu thế chê cười và cũng đáng là những bài học cho những kẻ bất tài mà không biết tự lượng.

mưa
sầu
trên
đào
vắng

Đường khuya lá rụng âm-thầm
Đêm Đông gió rét mưa dầm suốt đêm
Mưa từng giọt khóc ngoài hiên
Mưa từng giọt lắng vào tim nỗi sầu
Nhớ mà biết nhớ về đâu
Sầu mà biết tỏ nỗi sầu cùng ai.
Còn đâu cảnh liêu Chưong-đài
Dường như ai khóc một ngày vu-qui
Rượu sầu pha lệ người đi
Pháo vang nát dạ kẻ về bên sông
Kiếp này lỡ chuyện thủy-chung
Bên nhau xin hẹn lại lòng kiếp sau
Đời đang lên cuộc biển dâu
Trời đang gom nhớ góp sầu làm mưa !
Còn đâu mà đợi mà chờ
Mà tương-tư khóc bên bờ Truong-giang
Từ ngày cất bước hoang-mang
Huyết lòng chôn bóng người ngàn năm xưa
Hình-hài như chết bao giờ
Hồn còn phảng-phất bên bờ đau thương
Buồn ơi ! tê-tái là buồn,
Sầu sầu vô-tận bắt nguồn nơi nao
Tâm-tư rớt nhẹ buồn vào
Rưng-rưng từng giọt lệ trào rưng-rưng...
Thời-gian trôi mãi khéng ngừng
Bệnh sầu đến lúc vô-chiêng thuốc-thang
U-tình vương bước quan-san
Rượu tha-hương chẳng đốt tan thành sầu
Nhớ thương đến bạc mái đầu
Trời làm gãy đổ nhịp cầu Ngân-giang.



Gió mưa ơi ! cứ khóc than,
Cho ta thức trắng canh tàn đêm nay.

DƯƠNG THỌ LỘC
Treasure Island
(Thái - Bình - Dương)

BÀI NGOẠI QUỐC



NOËL
ở

ALLEMAGNE

★ *Guenter Vollmer Rupprecht*
(Dienst aus Deutschland-Hambourg)

L.T.S. : *Allemagne, ở Việt-nam chúng ta thường phiên-âm là nước Đức.— Bài này đáng lẽ đăng trong số Noël, nhưng vì tòa-soạn nhận được hơi trễ nên xin đăng vào số này. Mong tác giả thông-cảm cho.*

NOËL ở Allemagne!
Không có tục lệ nào đem lại nhiều sự thay đổi trong đời sống của nước Allemagne bằng ngày lễ Noël. Dù là ở thủ-đô Berlin, hay ở Hambourg, Munich, Dusseldorf, hoặc ở một làng bé nhỏ nào có tên

trong lịch sử của Allemagne, đâu đâu cũng thấy rõ rệt những thay đổi ấy trong nhiều tuần-lễ. Mấy năm sau đây, tại các thành-phố lớn người ta quen thấp đèn rực-rỡ nơi các đường phố buôn bán lớn. Trái lại, « Chợ Noël » theo cổ - tục, (như « Chợ Tết » ở Việt-Nam) đã mất vẻ quan-trọng của nó, vì chỉ còn rộn-riệp tại các đường phố nhỏ và các ngoại-ô.

Tung - bưng nhất là đêm 24-tháng 12. Trong mỗi gia - đình Allemagne đều có một cây thông cắm đầy đèn nến, và các người trong gia đình đều tặng cho

nhau những món quà gói rất duyên dáng.

Người Allemands «sắm Noel» (cũng như người Việt Nam sắm Tết), từ cuối tháng 11, bắt đầu ngày Chủ-nhật sau ngày 26-11. Nhất là các em bé rất mong đợi mau đến ngày lễ. Những ngày chờ đợi hồi-hộp ấy, các em cố gắng ngoan-nguôn, vì ngày 6-12 thì Thánh Nicolas hiện về, — ở miền Bắc Allemagne gọi là Ong-già-Roi —, ông đeo một bộ râu trắng dài lê-thê, mặc một áo choàng đỏ viền lông cừu, đội một cái mũ và mang đôi giày bự. Ông có đeo một cái bị to, đựng các đồ chơi và các bánh kẹo. Đứa trẻ nào ngoan thì ông cho quà, đứa nào chẳng ngoan thì ông lấy roi quất. Hình như Thánh Nicolas (ở bên Pháp gọi là Ông già Noel) biết hết cả mọi việc, cho nên các em bé sợ ông lắm và kính nể ông lắm.

Sự thật thì đó là một người trong gia-đình cải-trang làm Thánh Nicolas. Phong-tục này đã có từ năm 1012. Theo điển tích thì năm ấy, ở miền Trung nước Allemagne có một ông cố-đạo râu trắng và dài, cầm roi đánh mấy đứa trẻ nít lười biếng không chịu đi lễ nhà thờ trong đêm Noel mà lại rủ nhau ra ngoài chợ để khiêu vũ.

Phong tục Noel ở Allemagne thay đổi từng vùng. Thí-dụ như ở miền Tây-Nam, ba ngày Thứ Năm trước đêm Noel, người ta thấy, vào buổi tối, những người nho-nhỏ, đeo mặt nạ, đi từng

nhà một, vút vào cửa sổ mỗi nhà những võ trái cây, và được chủ nhà ra tặng cho những trái pom, hạt dẻ và quà bánh. Phong tục đó theo cổ-truyền mê-tín từ xưa: những người nho-nhỏ đeo mặt nạ kia cũng tỷ như lũ ma quỷ thừa những đêm tối trời, đi phá phách và mỗi gia-đình phải lấy quà bánh và trái cây bố thí cho chúng nó đi xa.

Xét tổng-quát thì lễ Noel ở Allemagne lại liên quan chặt chẽ với các tục lệ cổ hủ của những người không có Đạo từ thuở xưa. Thuở ấy, người ta chưa có thờ Chúa, mà chỉ làm lễ ăn mừng ngày mặt Trời xuất hiện sau một mùa Đông. Mãi đến thế kỷ thứ Tư sau Jésus Christ, người ta mới coi Mặt Trời cuối Đông là tượng trưng cho Chúa đem ánh sáng ấm ấp đeo rải khắp mặt Địa-cầu. Từ 150 năm nay, người ta dùng cây thông trong lễ Noel, có trang hoàng đèn nến sáng rực-rờ và quà bánh, tức là tượng trưng cho ánh sáng của mặt Trời, của Chúa đem ấm no cho nhân loại.

Từ sau chiến tranh, nước Allemagne bị chia làm hai thì lại nảy nở ra một phong tục mới. Cứ trước đêm Noel, dân chúng đem cắm hàng ngàn hàng vạn cây đèn nến dọc theo biên cương chia đôi hai vùng (như sông Bến-Hải của Việt nam). Đó là tượng trưng sự mong mỏi thống nhất lãnh thổ của người Allemands. Đó là sự biểu diễn của lòng người dân Allemands bắt chắp các trở ngại.



(Tiếp theo P. T. số 49)

★ NGUYỄN-VỸ

TRƯỚC khi chấm dứt thiên hồi-ký này, tôi muốn nhắc đến một ký giả đã tham gia hăng hái nhất vào phong trào phát-triển báo chí văn-nghệ ở Hà-nội thời tiền chiến, là LÊ-TRĂNG KIỀU.

Tên thật là Lê-tài-Phúng, anh đã học trường Thành-Chung Nam

định và đã ham hoạt-động văn-nghệ ngay từ khi ra khỏi trường.

Hình như anh không làm thơ bao giờ, và cũng không chuyên sáng tác về các loại văn tiểu-thuyết, bình-luận hay nghiên-cứu, nhưng ai cũng phải nhận thấy rằng Lê-trăng-Kiều có biệt tài « làm báo ». Biệt tài ở điểm anh biết trình bày một tờ báo cho hấp

dẫn, linh-hoạt, hợp với thị-hiếu của quần-chúng, nhất là thanh niên. Anh biết tổ chức một bộ Biên-tập thích ứng, và gây được không-khí trẻ trung, sôi nổi trong văn giới và báo giới.

Con người yêu văn nghệ, tính tình vui vẻ, ưa hoạt động không ngừng, được cảm tình của một số đông nhà Văn nhà Thơ, Lê-tràng Kiêu đã chủ trương nhiều tờ báo còn để lại thành-tích tốt đẹp. *Tiểu-thuyết Thứ Năm, Hà-nội Báo, Văn-học tạp-chí, Thời-thế, Bạn trẻ*, là những nơi tụ-hợp những cây bút xuất-sắc: LƯU-TRỌNG-LƯ, VŨ - TRỌNG-PHỤNG, PHẠM - HUY-THÔNG, NGUYỄN-XUÂN-HUY, THÁI-CAN, TRƯƠNG-TỬU, TRẦN - BÌNH - LỘC, v.v..

Lê-tràng-Kiêu đã góp phần xứng-dáng trong công-cuộc xây-dựng nền văn-nghệ phồn-thịnh và đẹp-đẽ thời bấy giờ.

★

Tôi ngạc-nhiên không thấy một quyển Văn-học-sử nào nhắc đến một số Văn-sĩ Thi-sĩ khác của thời Tiên-chiến đã sáng-tác nhiều văn-phẩm rất có giá-trị trong các

bộ-môn, chẳng hạn như :

VŨ-TRỌNG-CAN, với những vở kịch đặc sắc, đã được đem ra diễn nhiều lần và rất được công chúng hoan nghênh. Anh là một nhà soạn kịch có duyên-dáng, mà tài-nghệ không kém một vài kịch sĩ Pháp đầu thế-kỷ. Tiếc rằng anh chết sớm quá.

THAO-THAO, một Thi-sĩ triết-đề chỉ-trương lối « *Thơ tám chữ* » trong hai Thi-phẩm đã được các báo nói đến nhiều lúc bấy giờ, Anh là một trong những nghệ sĩ tiên-phong của làng Thơ-Mới, đáng lẽ phải được chú-ý đến.

Anh bị nhiều người ghét vì tính hơi gân, lại hay tự-phụ, nhưng ảnh thật có tài, và thơ anh mới-mẻ, ý-từ dồi-dào, lời văn rất đẹp.

PHAN TRẦN CHỨC, một sử-gia đã viết những sách khảo cứu đầy đủ về sử-học Việt-nam. Anh có cộng tác với RENÉ CANDELON, một nhà văn Pháp lai Việt, rất chú trọng đến Lịch sử nước ta. Hai quyển « *Minh-Mạng* » và « *Hàm-Nghị* » của anh chứa đựng nhiều tài liệu lịch sử rất quý báu.

★

Tôi tưởng đã kể gần hết các

nhà Văn và nhà Thơ của thời kỳ chúng tôi đang vẫy vùng tự-do, vui vẻ ở Hà-nội.

Như tôi đã trình bày trước với quý bạn đọc, tôi nói đến khá nhiều về các bạn làng văn mà tôi đã được hân hạnh quen biết nhiều.

Còn một số khác, chỉ được biết tên, biết tiếng, mà ít có cơ-hội gặp gỡ và chuyện trò thân mật,



★ TRONG GIỜ CHƠI.

Hai cậu học sinh cãi lộn trong giờ chơi :

— *Ba của mày làm nghề đóng giày mà sao mày mang đôi giày cũ như thế ?*

— *Vậy chứ Ba của trò làm nghề trồng rừng mà sao trò phải chịu sun rãng ?*

★ CÓ TIỀN.

Nhà văn Raymond Devos kể chuyện : Ở đời, có tiền là Tiên cũng múa. Cho nên khi cậu con trai của nhà tỷ-phú Rockefeller hỏi có đầy-tớ của cậu có muốn làm vợ cậu không, thì cô ấy nhận lời ngay, còn khi tôi hỏi vợ tôi có muốn làm đầy-tớ cho tôi không thì vợ tôi cười vào mũi tôi !

B.T.

HENRY



DUNANT



người đã
sáng lập
hội

HỒNG-THẬP-TỰ
QUỐC-TẾ

★ TÂN-PHONG



chữ Thập đỏ



đã thành hình

THÁNG chín năm 1863, nhân-tiện có một Hội-nghị Thống-Kê về Y-học nhóm-họp tại Berlin, (Bá-linh) kinh-đô của nước Allemagne (Đức), mà tất cả các nước trên Thế-giới đều có gửi phái-đoàn bác-sĩ đến tham-dự. Henry Dunant quyết định lợi-dụng cơ-hội thuận-tiện này để tuyên-bố lý-tưởng nhân-đạo của ông và vận-động cho lý-tưởng ấy được thực-hiện trên toàn-thế thế-giới.

Bài thuyết-trình rất hùng hồn cảm-động của Henry Dunant được hầu hết các Đại-biểu Hội-nghị nhiệt-liệt tán thành. Henry Dunant lại in bài thuyết-trình ấy gửi cho các chính-phủ và công-bố trên các báo chí.

Trước khi trở về Suisse, Henry Dunant có vào yết-kiến Vua nước Allemagne, tin cho vua biết rằng ông sẽ chuẩn-bị mở tại Genève một Hội-nghị đầu-tiên để thành lập một Ủy-ban quốc-tế mà mục-đích là cứu thương phé-binh của chiến-tranh, không

phân biệt quốc-tịch. Ông yêu cầu nhà Vua vui lòng gửi một đại-diện của Nước Allemagne đến dự Hội-nghị. Vua nước Allemagne sốt-sắng chấp-thuận ngay. Trừ một đôi nước không tán-thành, như nước Anh chẳng hạn. Đại-biểu nước này bảo :

— Nước England của chúng tôi không cần ai săn sóc thương-binh của chúng tôi.

Trái lại, đại-biểu nước Espagne(1) nhắc lại rằng xưa kia, hồi Nữ-Hoàng của Espagne, là Isabelle 1er (1451-1504), cầm quân đánh thành phố Grenade của người Maures, Ngài có truyền lệnh cấm những trại riêng biệt trong thành phố để săn sóc các thương-binh, và trên trại có ghi dấu chữ Thập đỏ để phân biệt các trại lính thường. Và quân địch không hề tấn công những trại có ghi dấu chữ thập ấy.

Dấu chữ Thập ! Không ngờ

(1) Thường phiên-âm là Ý-pha-nho.

một giai-thoại nho-nhỏ ấy trong Lịch-sử hồi Thế-kỷ XV đã tô-diểm cho lý-tưởng bác-ái nhân-đạo của Henry Dunant một màu sắc mới, huy-hoàng rực-rỡ.

Thế là ngay trong biên-bản đầu tiên của Hội-nghị đã ghi một câu rằng : « Tất cả những

công-tác



đầu tiên

N GÀY 1 tháng 2 năm sau, 1864, nước Prusse khai-chiến với nước Danemark. Tức thì ở hai nước ấy đều được thành lập hai cơ quan Hồng-Thập-Tự, do Ủy-ban Genève chủ-trương theo nguyên-tắc nhân-đạo đã chấp-thuận tại Hội-nghị Berlin năm trước.

Ngày 5-4, trận đánh tại Dup-pel rất quyết liệt. Duppel bị quân Prusse bao vây, mãi đến 4 giờ chiều tiếng súng đã thưa thớt dần-dần và trên chiến địa bị tuyết phủ trắng-xóa giữa hai phòng-tuyến của hai bên địch thủ, hàng trăm xác chết nằm ngổn-ngang, hàng trăm thương binh bò lết, kêu la cầu cứu. Bỗng dưng, lần đầu tiên trong Lịch-sử chiến-

y-tá tình - nguyện cứu giúp thương binh, ở bất cứ nước nào, đều sẽ đeo nơi cánh tay một dấu-hiệu riêng biệt, là một tấm băng trắng với chữ *Thập đò.*

Tuy nhiên Hội Hồng-thập-tự Quốc-tế vẫn chưa chính-thức thành lập.

tranh, người ta thấy từ chiến-tuyến Prusse xuất hiện ra một lá cờ trắng có dấu-hiệu Hồng-thập-tự, do Bác-sĩ Appia dương lên. Bác-sĩ Appia là Đại-diện của Ủy-ban Genève. Theo sau ông, có một đoàn y-tá Nam và Nữ, tất cả đều đeo trên cánh tay tấm băng Hồng-thập-tự, khiêng những chiếc brancards, mạnh-dạn tiến ra giữa chiến-trường đầy tuyết phủ. Đoàn người đi im-lặng, nhưng hai bên chiến tuyến đang gờm súng lẫn nhau, khạc đạn, khạc lửa giết nhau, bỗng có tiếng reo lên :

— Hồng-thập-Tự Genève !
Tiếng súng liền im phăng-phắc. Những kẻ giết người phải nhường lời cho những kẻ cứu người. Một giờ sau, khi tất cả

các thương binh, không phân-biệt là quân Prusse hay quân Danemark, đều đã được chở về hậu-tuyến, tiếng súng hai bên mới tiếp tục nổ đөн.

Đó là công-tác đầu tiên của **ỦY BAN HỒNG THẬP TỰ GENÈNE** do **HENRY DUNANT** sáng lập, và được cử làm Tổng-thư ký. Mấy tháng sau, ngày **8 . 8 . 1864** một hội-nghị được triệu-tập tại Genève, trên bờ hồ Léman, có đủ đại-diện của tất cả các cường-quốc trên Thế-giới. Sau 4 hôm thảo-luận, ngày **12 . 8 . 1864** một bản Hiệp định Genève do toàn-thể Đại-biểu Thế-giới đồng ký, tuyên bố thành lập **HỘI HỒNG-THẬP-TỰ QUỐC**

TÊ, đặt trụ-sở trung-wang tại Genève.

Theo Hiệp-định này, tất cả các bệnh viện quân-y của tất cả các nước đều phải được coi như là những **CƠ-QUAN-TRUNG-LẬP** ; các thương-binh hoặc các chiến-sĩ đau-ốm trên chiến trường đều phải được chở đi bệnh-viện để săn-sóc, không phân-biệt là quân sĩ của quốc tịch nào, của nước thù hay nước bạn ; các thương dân nào săn sóc cho thương-binh (bất cứ là thương-binh của nước nào) đều phải được kính trọng và được để tự do ; các nhà nào chứa chấp thương-binh giữa lúc chiến-tranh, đều khỏi bị bán phá.

**Bác ân-nhân của Thế-giới
xuýt chết đói nơi
đầu đường xó chợ... !!!**

HENRY DUNANT chỉ lo thực hiện lý-tưởng nhân-đạo của ông, đến quên cả việc riêng của mình ! Ông không

còn nghĩ đến công-ty Quạt-xoay của ông đã lập ra tại Mons-Djémila (1) để khai-thác về kinh-tế. Hội Hồng-Thập-Tự

(1) *Coi lại P. T. số trước.*

Quốc-Tế vừa thành lập xong, được toàn thể Thế-giới nhìn nhận và tham-gia, ông đã thành công rực-rỡ, thì ông lại bị bọn con buôn ở Mons-Djémila kiện ông về tội Công-ty của ông bị vỡ nợ, ông thiếu 30.000 tiền Suisse, một số tiền quá lớn lao lúc bấy giờ. Tòa án dân sự Genève tuyên án ông phải trả số nợ.

Theo thời buổi đó, một bản án « bị phá sản » như thế là một cái nhục lớn. Henry Dunant không có tiền trả nợ, đành phải từ chức Tổng-thư-ký Hội-Hồng Thập Tự, và trốn sang Paris. Nơi đây, ông ở thuê một căn phòng bẩn chật, tồi tàn, của một chị vú già nghèo khổ, ở ngoại ô Passy. Chị này là người vô học, lại rất dữ tợn, đến cuối tháng Henry Dunant không có tiền trả tiền-phòng, bị chị chửi bới tàn nhẫn. Henry Dunant phải trốn ra ngủ ngoài chợ, với bọn ăn mày!

Năm 1870, chiến tranh bùng nổ giữa hai nước France và Allemagne (Pháp — Đức). Một buổi sáng, ông đi lang-thang ngoài ga, tình cờ trông thấy một đoàn xe lửa chở binh-lính ra mặt trận, toa sau cùng dành

riêng cho Hồng-thập-tự, có treo cờ Hồng-thập-Tự, và trong toa có năm sáu cô nữ-y-tá mặc đồng-phục áo trắng đeo băng Chữ Thập đỏ trên cánh tay.

Henry Dunant, người cha đẻ ra cơ-quan nhân-đạo bác-ái kia tại Genève, bây giờ già-cả, đói rách, đứng tro-vơ bên lề đường Paris, không ai biết mặt, không ai thương-xót, không ai giúp đỡ. Nhìn đoàn xe Hồng-Thập-Tự vùn-vụt chạy ra hiện-giới với mấy cô nữ-y-tá tươi cười vui vẻ, bỗng đứng ông già rung-rung hai ngón lệ. Ông khóc vì ông cảm động quá, được thấy cái lý-tưởng nhân-đạo của ông đang tiến ra chiến trường để cứu muôn nghìn người sắp chết trong lửa đạn.

Không ai để ý đến ông. Sau chiến-tranh, có người quen biết đưa ông sang London, kinh-đô nước England, (Anh-quốc). Tại đây, ông vẫn khổ cực, đi làm thuê nhưng không đủ tiền để sống. Nhờ có một bà già từ thiện, tên là Bà Staheli, đem ông về nhà để bà nuôi.

Ngày 30-4-1892, Henry Dunant được 64 tuổi, nhưng già lụ-khụ như quá 70. Gia-đình

ông được tin ông ở London, liền sang rước ông về Suisse. Ông đến ở một căn nhà nhỏ trong làng Heiden, trên bờ hồ Constance. Nghe tin ông đến, nhân viên ủy ban Hồng-thập-Tự địa phương, đeo băng trắng với dấu - hiệu Chữ Thập đỏ, và trưng cờ Hồng-thập-Tự, ra ga đón ông.

Một ký-giả của Báo *Ostschweiz* đến phỏng vấn ông, nghe ông kể chuyện, về viết một bài dài, để nói cho thế-giới biết rõ về cái xác khô-héo, gầy còm, khốn-khổ của bác-vỹ-nhân Thế-giới, cha đẻ của Hồng-thập-Tự Quốc-tế ngày nay.

Hôm sau, tất cả 10 tờ báo của nước Suisse đăng lại nguyên văn bài báo *Ostschweiz*. Bấy giờ Thế-giới mới ân-hận về sự đã bỏ quên ông trong gần 30 năm trời! Nữ-Hoàng Wilhelmine của xứ Holland vội-vàng tặng

ông một số tiền trợ-cấp dưỡng-lão. Nữ-Hoàng Catherine của Russie (Nga) cũng tặng ông một số tiền trợ-cấp. Nước Suisse, quê-hương của ông, tặng ông giải thưởng Binet là giải-thưởng quý-báu nhất của nước ấy để riêng tặng các bác-ân-nhân của quốc-gia. Ông lại được giải-thưởng quốc-tế Nobel về Hòa-bình thế-giới, ngày 10-10-1900.

Nhưng Henry Dunant không lãnh giải, ông chỉ bảo một câu:

— Để số tiền ấy trả cho các chủ nợ của tôi.

Sáng ngày 30-10-1910, cách nay vừa 50 năm, ông già Henry Dunant trút hơi thở cuối cùng.

Trước cửa sổ nhà ông, người ta treo một lá cờ Hồng-thập-Tự huông rú xuống, với một băng đen quấn trên trụ cờ.

Toàn thể Thế-giới đều để tang cho bác-ân-nhân của nhân-loại.

TÂN-PHONG



* DANH NGÔN : DÙNG TÀI

Có tài, cũng chưa đủ. Phải còn biết dùng tài.

(Il ne suffit pas d'avoir du talent. Il faut encore s'en servir.)

ALPHONSE ALLAIS (Văn-sĩ Pháp)

HỒI KÝ

Một Đời Người

PHẦN THỨ HAI

XXIII

MẶT TRẬN TRÍ-THỨC

(Tiếp theo P.T. số 49)

THIỆU-SƠN

Ở một chương trên tôi đã nói đến tiết-tháo của giới trí-thức Việt - Nam. Mặc dầu vẫn có một thiểu số Tịch-Đàm vong tổ, một thiểu số hoang mang, lảm lạc, sa ngã và phản bội, nhưng đa số là những người biết trọng danh dự, trọng tiết-tháo và xứng đáng với giống nòi và dân tộc. Thực dân đã dùng chày sách khủng bố và mua chuộc để lung lạc tinh thần giới trí thức Việt-nam. Nhưng chánh sách đó không đem lại kết quả mong muốn. Cao - ủy Bollaert có một chánh sách lợi hại hơn. Tuyệt đối không có khủng bố. Nhưng sự mua chuộc

sẽ kín đáo hơn, cao thượng hơn, lợi hại hơn. Cao-ủy mời văn-hào Georges Duhamel có chân trong Hàn - lâm - Viện Pháp qua chơi Việt-Nam. Ông mở trường Đại học tại Saigon và tổ chức một buổi lễ khai giảng long trọng khác thường. Ông Hàn Duhamel có mặt trong lễ khai-giảng cùng với hầu hết các phần - tử trí - thức Pháp-Việt có tên tuổi ở Saigon. Các nhà báo cũng được mời tới dự. Cao-ủy Bollaert đọc một bài diễn-văn khai-mạc đầy những lời êm, ý đẹp, đề cao chủ-nghĩa nhân-bản, tôn-thần La-Hy, nghĩa là nêu ra tất cả những cái gì trong sáng nhất, êm-ái nhất, cao-thượng nhất của nền văn - hóa

MỘT ĐỜI NGƯỜI

Pháp. Những nhà trí-thức Việt-Nam có người nào là không say mê văn - hóa Pháp? Biết bao người đã từng hãnh-diện được là những đứa con tinh-thần (les enfants spirituels) của Pháp. Cao-ủy không có một lời xúc - phạm tới kháng - chiến nhưng chỉ công - kích một chủ - nghĩa quốc gia hẹp hòi (nationalisme étroit) Ông nói : « Một nền văn hóa chọn chánh không phải là sự co rút lại với mình mà là sự liên hiệp với hết thảy... Nó là keo sơn gắn chặt Liên-hiệp-Pháp » Ông còn nói độc-lập là hẹp-hòi mà tương thuộc (l'interdépendance) mới thật là bổ ích cho văn minh hơn loại. Ông nhắc lại lời nói của nhà hiền triết Socrate : « Tôi không chỉ là công dân thành Athènes. Tôi còn là công dân của thế giới ».

Tôi đã đọc nhiều sách nói về Socrate không thấy câu nói trên. Hoặc là tôi đã thiếu sót, hoặc là ông Bollaert đã gán càn cho nhà hiền triết đời thượng cổ một lời nói có lợi cho chánh sách của ông. Điều đó không quan hệ. Quan hệ chằng là cuộc tấn công êm dịu vào mặt trận trí thức ở Việt-Nam.

Bollaert là con « cáo già »

chánh-trị. Ông biết rõ tâm-lý người trí-thức thích dịu ngọt, thích môn trốn, thích được đề-cao và thích giữ thể-diện. Mặc dầu máu vẫn chảy, thịt vẫn rơi, dân-tộc Việt-nam vẫn đau-khổ chiến-đấu chống thực-dân, nhưng ngoài lễ cuộc chiến-đấu đó sao không thể có một khu phi-quân-sự và phi chánh-trị để người ta có thể nói chuyện với nhau về văn-hóa, nghệ-thuật và văn-chương ? Cái khu đó Cao-ủy Bollaert đã mở ra để lôi cuốn trí-thức Việt-Nam. Những người để chừa tới khu đó cho rằng mình chỉ đứng trên địa-hạt văn-hóa chứ không biết gì tới chánh-trị, không theo ai và cũng không phản ai ? Họ cảm thấy lương-tâm họ trong sạch, muốn đứng trên cuộc xung-đột và có khi còn muốn làm công dân thế-giới cho khỏi phải để mắt đến những sự đau-khổ của công - dân Việt - Nam. Ngoài ra họ còn tán - thành sự mở trường Đại - Học ở Saigon cho con em họ có chỗ học tập để sau khi nước nhà độc lập sẽ có nhiều hơn tài lo kiến thiết xứ sở. Như vậy, chẳng hơn là cho con theo kháng chiến, rồi chết bậy thì uống biết bao nhiêu? Thâm ý của Cao-ủy Bollaert là

muốn reo rắc tư tưởng cầu-an trong giới trí thức để lần lần lôi kéo họ về phe Bảo-Đại, tức là về phe ông.

Mọi đầu còn phi chánh trị, còn trung lập, nhưng rồi sẽ hết phi, hết trung và sẽ hữu ý hay vô tình trở thành đồng minh của phe cướp nước, thứ nhất là tiền bạc, địa vị và danh vọng vẫn là những miếng mồi hấp dẫn, hấp dẫn hơn cả văn hóa và nghệ thuật.

Cao-ủy Pháp tấn công như thế, nhưng mặt trận trí thức Việt-Nam sẽ phản công ra sao? Cuộc tấn công êm ái, trang nhã và hòa bình bao nhiêu thì cuộc phản công cũng phải có những tính cách như thế. Mặc dầu cũng có những người nhẹ dạ cả tin, những người « trùm chân » thấy ngộp, những người bỏ cuộc leo rào, nhưng phần đông vẫn sáng-suốt kiên-quyết và tiếp-tục cuộc thụ - động để kháng, để ủng - hộ cuộc võ - trang tranh - đấu của nhân-dân. Họ tổ chức thành một đoàn-thể gọi là Liên-Hiệp trí-thức cần-lao thu-hút được đa-số trí-thức làm nghề tự-do như Luật sư, giáo sư, bác-sĩ, dược-sĩ, kỹ-sư, văn - nhân, ký - giả, v. v. . Một nhân-vật có uy-tín được bầu làm

Hội-trưởng là ông Nguyễn-văn Vi, một ông giám-đốc ngân-hàng, một người trong giới tư-bản. Ông Nguyễn đã tỏ ra xứng-đáng với lòng tín - nhiệm của mọi người và hầu hết đều tỏ ra xứng-đáng với những hy-sinh của dân-tộc. Những khách ngoại - quốc tới viếng Saigon tìm đến tiếp-xúc với mặt trận trí - thức này thường được nghe một tiếng chuông khác với tiếng chuông của Cao-ủy-Phủ. Và điều này đã làm cho nhà cầm-quyền Pháp không bằng lòng. Sự đối lập tuy thanh-cao hòa-nhã nhưng nó vẫn có thể làm cho ông Cao-ủy phải tức tối điên đầu.

Công-lý đứng hẳn về phe đối-lập và đã viết những hàng này :

« Chúng tôi biết rằng lúc này Pháp-quốc ân-cần đến hạng thượng-lưu trí-thức Việt-Nam nhiều lắm vì chỉ hạng này mới có thể thương-thức và say mê văn-hóa của quý-quốc mà thôi.

Nhưng ở nước nào cũng vậy, đã là trí-thức thì không được cách-biệt với bình-dân, không được hững-hờ với tổ-quốc, không được phân-bội quyền-lợi của giai-cấp cần lao.

Những nhà tri-thức chơn-chánh của Việt-Nam hiện đương theo dõi bên anh em kháng-chiến đương hy-sinh khổ nhục để giải-thoát cho dân-tộc khỏi ách nô-lệ thực-dân...

Cao-ủy nói : *độc-lập làm quái gì ? Độc-lập tức là co-rút lại với mình, tức là sống cảnh bế-quan tòa-cảng, sống trái mùa. Tốt hơn là tương-thuộc. Nhưng tương-thuộc theo kiểu của ngài chỉ là cảnh tương-thuộc giữa « chủ với chó » như một nhà văn xã-hội Pierre Naville đã nói... »*

Trở-trêu nhưt là trong những quan-khách được mời tới dự lễ khai mạc trường Đại-Học lại có người bị lính Pháp bắt, đưa về bốt quận Ba rồi đem giam ở bốt Catinat như một người thường-phạm Nạn-nhân là anh Nguyễn - ngọc - Phương, chủ-nhiệm báo Dân-Quyền. Anh-Phương, hồi đó có tên là ông « Tú Dân Kêu » xuất-trình cả laissez-passer lẫn giấy mời của ông cố-văn văn-hóa Bayen nhưng vẫn cứ bị bắt và bị giam-giữ

mất 3 giờ.

Anh Phương đã phản-đối kịch liệt trên báo Dân Quyền của anh.

Công lý cũng cực lực phản đối những hành vi bất lịch sự đối với làng báo Việt-Nam. Chúng tôi còn thêm vào ít lời bình luận : « Những tin như thế này chắc làm cho anh em bíng biền cười nôn ruột. Độc lập nội bộ như thế à ? Liên-hiệp chi mà kịch liệt như thế ? »

Anh Nosmas mỗi lần gặp tôi là mỗi lần la trời. Anh khuyên chúng tôi phải ôn hòa hơn, hiểu biết hơn, mời tôi lên nói chuyện với anh ở đình Gia-long, đề-nghị với tôi đủ chuyện và cũng có hăm rằng tờ Công-lý bị chú ý đặc biệt và nếu không xuống nước đôi chút thì có thể bị đóng cửa. Số phận tờ Công lý ra sao ? Thằng thẳng rồi tôi sẽ nói tới. (Còn nữa)

THIỆU-SƠN



★ TRẢ LỜI BẰNG ĐIỆN TÍN

Ông Xoài gọi điện tín hỏi ông Mit như sau đây :
— Anh có biết địa-chỉ của Ôi, ở Cần-tho không ?
Ông Mit đáp lại bằng điện-tín :
— Biết.

Mình ới!

LƯU-MANH...



Một Teddy-boy ở London.

và

LƯU-MANH...

MÌNH ới! Chiều nay thứ Bảy, Mình đưa em đi ra đường « Bonard » chơi nhé?

Ông Tú ngạc-nhiên. Vợ chồng ông thường ưa tĩnh-mịch, ít muốn đi những nơi đông-đúc rộn-riệp, sao hôm nay bà Tú lại đòi đi chơi trên con đường ồn ào náo-nhiệt nhất ở trung-tâm Saigon?

Ông Tú không thích, nhưng cũng chịu vợ:

— Muốn đi thì đi...

MÌNH ƠI!

Ông Tú mang giày và hỏi:

— Hôm nay em định đi sắm Tết phải không?

Bà Tú cũng vừa mặc xong áo dài, bỏ đôi dép mang thường ở nhà, xô chân vào đôi guốc, vì đi chơi phố hay đi chợ bà không thích mang giày cao gót. Bà trả lời ông Tú:

— Em muốn mua cho Mình hai cravates mới để thay đổi, chứ cravates của Mình cái nào cũng cũ-xì, cũ-xít, mốc-thếch mốc-tha, mấy lần em biểu Mình mua cái mới, Mình cứ ừ-ừ rồi không chịu mua. Nay Mình đi với em, Mình lựa chọn hai cái nào vừa ý, em mua cho Mình.

— Anh có 6 cravates, em còn mua chi nữa?

— 6 cái đó, Mình cho em đem xuống bếp làm nùi để lau chén đĩa. Mình chịu không?

Ông Tú còn rán đeo lần cuối cùng một chiếc cravate cũ mà ông cho là đẹp nhất. Rồi ông trả lời bà Tú:

— Cái gì đàn-bà muốn, là Trời muốn. Tùy-ý em... Anh thì sao cũng xong.

Thế là hai vợ chồng ra đi.

Lựa cả một giầy phố Lê-thánh Tôn, không có chiếc cravate

nào vừa ý, ông Tú và bà Tú dất tay nhau đi xuống đường « Catinat ». Đi đến gần rạp Casino, gặp một vụ chửi lộn, bà Tú nói chồng đứng lại coi. Ba thanh-niên với một thiếu-nữ đang cà-khịa với ba thanh-niên khác, và một cậu rút trong túi quần một dao « con-chó » hăm dăm mấy cậu kia. Cả sáu cậu mặc y-phục gần như một kiểu: sơ-mi cụt tay, lộc-loẹt các tranh vẽ lơ-lãng, tóc nhuộm và không cúp, để phủ xuống hai mép tai. Thiếu nữ cũng mặc quần ống túm, mang giày đồ, sơ-mi rằn-ri, tóc bôm-xòm theo kiểu Françoise Sagan. Người ta bu lại xem rất đông, nhưng sáu chàng và nàng hình như không ngưng tý nào. Họ chửi-bới lẫn nhau càng hăng hơn, và có vẻ « oai » hơn, để « lấy lệ » với khán-giả. Thiếu nữ trẻ môi mắng vào mặt một chàng:

— Cái con đĩa dôi, xin là xin, tố xi dơ, chớ đừng làm bộ, ghen!

Bà Tú hỏi khe ông Tú:

— Nó nói « Xin » là gì hả Mình? « Tố xi dơ », nghĩa là sao?

Ông Tú khe bảo:

— Chốc nữa anh sẽ nói cho nghe.

Vừa một chàng kia thấy chàng này rút dao con-chó, y cũng rút dao con-chó của y, và chỉ vào mặt chàng kia :

— Phóng ? Biệt có đầu hàng !
Coi chừng bề lõ-cốt có ngày, đỡ ma-bùn mầy !
Giới, tối nay, Judo một cây ?

Vừa lúc đó, hai viên cảnh-sát đến nơi, bắt cả bọn 4 đứa, còn 2 đứa và cô nàng chạy biển đầu mất.

Dần dần đám khán-giả giải-tán. Bà Tú và ông Tú cũng băng qua đường, đi xuống «Catinat».

— Hà Minh ? Tụi nó nói những tiếng gì, em không hiểu gì hết. Cái con nhỏ nó nói «xin là xin», là nghĩa sao ?

— Tiếng lóng của bọn lưu-manh. Xin là xấu, là tồi-tàn.

— «Tờ xi đơ», là sao ?

— Là «tao ẻ vô», «tao không đếm-xỉa tới».

— Còn cái thằng đó nó nói gì đấy, em cũng chả hiểu ?

— Nó hỏi «Phóng», nghĩa là : «muốn đâm nhau không ?»
«Biệt có đầu hàng», là tao không sợ mầy đâu. «Coi chừng bề lõ-cốt» nghĩa là coi chừng tao giết mầy nát thây, chữ «lõ cốt», do chữ

«blockhaus» là pháo đài xây hồi chiến-tranh để chống với quân địch. «Giới, tối nay Judo một cây!» là có giới thì tối nay đánh nhau một trận.

— Còn nó nói : «Ma-bùn» là sao ?

— Ma-bùn, theo tiếng lóng, tiếng tục của Tây : Maboul, là đồ dở-hơi, làm tàng, đồ khốn nạn.

— Tụi nó có ngôn-ngữ và cử-chỉ thiệt là du-côn nhỉ !

— Bọn lưu-manh thì còn có tư cách gì ! Chúng nó đâu còn biết lịch-sự, tao-nhã.

— Sao thời-buổi này, làm lưu-manh thế, hà Minh ?

— Đó là hậu-quả của chiến-tranh, của vô trật-tự, của thiếu giáo-dục, của tình-hình hỗn-loạn vật-chất và tinh thần.

Một số thanh-niên nào đó ít học, ham chơi, lại sống bơ-vơ vất-vưởng, không có ai kiểm-soát, cha mẹ không săn sóc, xã-hội không ngó-ngàng, rồi bị ảnh-hưởng các phim ảnh tồi-bại, các tiểu thuyết xấu xa, tự-nhiên là bị hư-hông.

— Ở các nước khác có hạng thanh-niên lưu-manh không?

Mình nhỉ ?

— Có chứ. Ở bên MỸ, như ở NEW YORK City, bọn thanh-niên lưu-manh đã thành như một tổ-chức rất nguy-hại mà Pháp-luật không thể nào trừ-khử nổi. Những tội-ác do bọn thanh-niên hư-hông ấy, gây ra, tính trung-bình mỗi năm có đến 25% các tội-ác khác. Tụi con nít mới 16, 17 tuổi, đã tụ hợp thành bọn, gọi là «gang» đi đâm giết những kẻ nào thù địch với chúng, có những gangs toàn là bọn học-sinh lêu-lông chuyên-môn đi «phá-đám» chỗ này chỗ nọ, và tự xưng là «Jesters». Bọn này thường có những cuộc thanh-toán bằng vũ khí với một bọn khác mệnh-danh là «Egyptians Kings» (Vua Ê-gíp), phần đông cũng là sinh viên, hay học-sinh hư-hông. Đầu-đang của tụi Jesters, là một cậu học-trò 17 tuổi, tên là Frank Mc Cosh, được đồng-đang tôn làm «General» (Đại-trưởng).

Tụi lưu-manh lớn tuổi hơn, hầu hết là sinh-viên đại-học ở California, tự cho danh-từ đặc-biệt là Beatniks. Nguyên-thủ, Beatnik là một phong-trào triết-học văn-học, dựa theo triết-học «Duy-sinh» — Existentialisme —



FRANK Mc COSH
(Đang đánh Judo)

của Jean Paul Sartre, và một nhóm sinh-viên đại-học ở California tổ-chức tại đây một cuộc sống bừa-bãi, hỗn-độn theo bọn thanh niên nam nữ lêu-lồng ở Saint-Germain-des-Prés, của Pháp. Dần dần, phong - trào *Beatnik* biến thành ra phong - trào lưu-manh, số sinh - viên hư-hồng ấy bỏ học, và tổ chức đánh nhau, và chém giết lẫn nhau sau những cuộc truy-hoan trong các tiệm rượu, các phòng ca-vũ, các hộp đêm.

— Còn bên nước ANH, em nghe nói có tụi « *Teddy-boys* » là gì, hả Minh ?

— *Teddy-boys* cũng xuất hiện tại xứ England, nhất là tại thủ-đô London, từ sau chiến tranh, chứ trước kia chưa có. Tụi nó chính là bất chước theo tụi *Beatniks* của Huê-kỳ, và người ta thường gọi chúng là « *Zoot-Suiters* » vì chúng mặc áo Jacket dài, quần chật ống, mang giày đen, dút hai tay vào túi quần phía trước. Tụi nó chuyên môn sống về nghề ăn-cấp tại các cửa hàng London. (hình ở trang 72)

— Tụi *Teddy-boys* cũng chia ra bè đảng vậy chứ ?

— Dĩ-nhiên, như phe *Batter-*

sea Boys là thù địch của phe *Skeletons* chẳng hạn. Nhưng khác bọn *Beatniks* của Mỹ và bọn lưu-manh bên ta, là *Teddy boys* toàn là con trai, chứ không có con gái, chúng nó cũng từ 16 đến 21 tuổi.

— Còn ở Pháp thì sao ?

— Ở PHÁP ít hơn vì đại đa số các gia đình Pháp đều lo giữ gìn con em, không thả lêu-lồng. Tụi lưu-manh ở Paris, hay ở Marseille, Bordeaux, hầu hết là bọn thanh niên mồ côi cha mẹ do chiến tranh gây ra, nhưng chúng nó sống lên lút, chứ không dám ra mặt công khai như ở America hay England.

— Ở các nước khác, có lưu-manh không, Minh ?

— Ở SPAIN (Espagne, Ý-pha - Nho) có tụi *Gamberris-mo*, nhưng không hỗn loạn lắm. Ở ITALY chỉ có tụi con nít chuyên môn lầy cấp xe đạp và xe mô-tô. Ở GERMANY (Đức) cũng có tụi *Teddy-boys*, gọi là *Halbstarken* nghĩa đen là : « Hùng mạnh một nửa ». Chúng hợp thành đoàn, gọi là *Blasen*, chuyên hăm dọa các nhà lương-thiện để làm tiền, và có khi gây ra khủng bố, giết người cướp

của.

— Còn ở Á-Đông ?

— Á-Đông thì xứ INDIA (Ấn-Độ) hoàn toàn không có lưu-manh. Học sinh chỉ thích tham gia chính-trị, hầu hết là ủng hộ ông Nehru. Một số rất ít gia nhập vào đảng Cộng-Sản. Ở JAPAN cũng vậy. Thanh-niên Japan ít bị ảnh hưởng xấu của *Cow-boys* Huê-Kỳ, nhờ giáo dục gia-đình rất chặt - chẽ, và truyền thống tốt đẹp của luân-ly Á-đông. Tuy phong trào vũ Rock-N-Roll có thời - kỳ rất thịnh hành, nhưng vẫn không vượt ngoài giới-hạn vũ-trường.

— Ở Nga-xô thì sao ?

— Dưới chế độ Staline, toàn thể thanh niên Nga bị đảng Cộng sản chi phối và kiểm-soát gắt-gao. Từ khi Staline bị hạ bệ và Kroutchev lên chấp chính, vòng kiểm-tòa có hơi nới hơn một chút, thì ở Moscou có một số thanh niên lêu lồng, phần nhiều cũng là học - sinh, và con một số công-chức cao-cấp. Trong vài năm nay, thỉnh thoảng các báo ở Moscou có nêu ra một vài vụ « thanh-niên lưu - manh » nhưng bọn này vẫn bị coi như là « phản xã-hội » và bị đả-kích gắt-

gao...

Câu chuyện « lưu-manh » đến đây, thì cặp vợ chồng ông Tú cũng vừa đến mấy tiệm bán Cravates ở các hẻm Eden.

Đứng ngoài cửa kiếng, bà Tú hỏi ông Tú :

— Minh thích cái cravate màu xanh chai có chấm vàng kìa không ?

— Không, có vẻ lưu-manh !

— Cái màu crème có hoa trắng ?

— Cái đó cũng... lưu-manh.

Bà Tú cười :

— Thế thì cái nào không lưu-manh ?

Ông Tú dắt bà Tú đi xem kết một vòng các kiểu cravates trưng bày trong các tủ kiếng, không vừa ý cái nào. Rốt cuộc, ông trở lại mua hai cái đầu-tiền mà cô vợ trẻ đẹp đã chỉ lúc nãy : đẹp hơn cả, và thanh-nhã hơn hết.

Bà Tú khẽ cù vào nách chồng :

— Thế mà hồi nãy Minh chê !

Diệu Huyền



Người từ hành
C Ô ĐỘ C
(l'homme qui
voyagea seul)

Constant-Vicgil Gheorghiu

★ HOÀNG-THẮNG lược-dịch

(Tiếp theo P.T. số 49)

CHIẾN-tranh bùng nổ. Quân đội Roumanie vượt qua sông Pruth, đánh nhau với quân Nga để giải phóng Bessarabie. Đã một năm rồi, miền Bessarabie sống quần-quại dưới ách cộng-sản Xô-viết.

Traian Matisi ước mong được ra mặt trận để khi chiến-thắng, anh cùng với đoàn quân tiên-phong anh-dũng đặt chân vào miền Bassarabie tự-do.

Một người lính đưa tin, đi mô-tô tới tìm Matisi để cho hay đại-tá Satankof cần gặp anh. Dù Matisi chỉ là một lính trơn, người này cũng vẫn đứng nghiêm chào anh vì hẳn biết, những người lính của đại-tá — dù chỉ là lính trơn — nhưng đều là những văn-sĩ, thi-sĩ, nhạc-sĩ, v.v... có tên tuổi.

Khi tới bộ Tham-muru, Matisi được đại tá cho hay anh sẽ lên đường để làm một phóng-sự về những tù-binh xô-viết đầu tiên. « Một chiếc tàu của địch bị đánh đắm ở biển Hắc-Hải, gần Cons-

tantza. 51 thủy-thủ được đoàn tàu của ta vớt lên và bắt làm tù-binh. Hiện nay chúng bị giam trong trại lính gần Bucarest. »

Matisi định hỏi cách thức tìm hiểu bọn tù binh nhưng viên đại tá đã bắt tay anh và chúc anh đi lượm được nhiều kết quả.

Một giờ sau một chiếc xe Buick lộng lẫy rời Bucarest, trực-chỉ trại giam tù-binh Xô-viết. Lần này Matisi không có đi một mình Bên anh còn có một viên thông-ngôn, một nhiếp-ảnh viên, một người quay phim và người tài-xế. Theo lệnh đại-tá, mọi người đều phải tuân theo lệnh của anh. Viên thông ngôn là một giáo-sư đeo lon thượng-sỹ, nhiếp-ảnh viên chức đội. Matisi cảm thấy ngại ngùng khi phải chỉ huy họ. Từ trước tới nay, anh chỉ chuyên nghe mệnh-lệnh của người khác : ở Isvor anh nghe lời sai bảo của cha anh, ở trường, lệnh của các giáo-sư ; ở trong lưu-xá của viên giám đốc ; ở báo, lệnh của Bicciola và trong quân đội, lệnh của viên đội. Giờ đây, lần đầu tiên anh phải quyết định, không riêng cho anh mà cho cả nhiều người khác nữa.

Sau khi hỏi từng tù binh một, Matisi tóm tắt những câu hỏi và

trả lời để làm một bản tường-trình. Anh chợt nghĩ trước đây, ở Trường Đại-học, trong môn Xã-hội học, Matisi đã làm một bản trần-thuật về nhà triết-học Đức Alfred Weber khi tả một người tương lai như sau : một người lạnh-lùng, khoa học, không có thành kiến, không tin có Thượng Đế. Không sợ hãi, không biết yêu và không ghen tương. Alfred Weber đặt tên cho con người khoa học đó là *Der Vierte Mann*, người thứ tư. Traian Matisi nhận thấy con người thứ tư giống hệt con người cộng-sản Xô-viết.

Khi đọc xong tập giấy ghi chép của Matisi, đại tá Stankof reo to : « Tuyệt hay ! Đúng là loại phóng sự mà tôi cần. Đây không phải là loại tuyên-truyền chống cộng ngớ ngẩn kiểu người Đức. Anh đã tả đúng con người không tim, không thượng-đế, mất hết tình cảm, một con người máy ».

Viên đại-tá tiếp thêm : « Ngày mai anh sẽ làm một thiên phóng-sự khác. Đêm nay, máy bay sẽ chở tới những người lính Roumanie bị thương đầu tiên trong những trận đánh để giải phóng miền Bessarabie. »

TRAIAN vào Quân-y-viện

đề gặp hai anh hùng thương binh. Theo anh có những nhiếp ảnh viên và người quay phim. Trong phòng bệnh nhân đầy hoa, kẹo bánh và đồ tặng.

Họ thuộc một đội quân xung phong. Khi lệnh chiến đấu giải phóng ban hành, họ đã tiến vào vùng bị tạm chiếm. Suốt một tiếng đồng hồ, họ đã bò trong đêm tối. Cùng với sáu bạn đồng ngũ, họ chiếm được một cái trại rồi bị thương. Họ ở lại cho tới sáng rồi được các bạn dìu về chỗ đóng quân và được chuyển lên máy bay về đây.

— Lần đầu tiên các anh có cảm thấy những gì khi mới đặt chân lên mảnh đất giải phóng? Traian hỏi. Các anh có cảm giác là mảnh đất tự do nóng bỏng lên dưới gót giày của các anh không? Các anh có cảm thấy là mỗi gốc cây, mỗi ngọn cỏ, từng nắm đất đang chờ đợi các anh? Các anh nhận thấy như thế chứ?

Những người thương binh cho hay mảnh đất bên kia cũng giống như bên phải con sông Pruth mà họ đã đóng quân hàng ba tháng giờ trước chiến tranh. Tuy là người đầu tiên đổ máu trên vùng bị tạm chiếm đấy nhưng họ không

thấy gì khác lạ cả. Họ chỉ biết tiến thẳng bằng cách bò trong đêm tối, trên bùn. Họ không nhìn thấy quân địch cũng như quân địch không nhìn thấy họ. Họ nổ súng trong đêm tối và bèn địch cũng vậy. Khi chiếm được trại thì bọn địch đã rút khỏi. Chúng chỉ bỏ lại những hộp đồ ăn rỉ, những bi-dông rỗng và rất nhiều pho-mát.

Điều làm hai người thương binh cảm động nhất không phải là chiến tranh, không phải là được chiến đấu, được giải phóng đất nước mà chỉ là lúc họ được đón tiếp khi trở về. Những bà vợ các sỹ quan cao cấp, các bà vợ ông bộ-trưởng, đã tặng hoa, kẹo và nở nụ cười tươi với họ.

Sau lần phỏng vấn hai thương binh, Traian Matisi xin phép đại tá chỉ huy đề được ra mặt trận một mình, được tự do đi bất cứ đâu khắp mặt trận. Viên đại-tá chấp thuận.

Lần đầu tiên Matisi được đi máy bay. Đó là chiếc phi cơ quân sự. Trong máy bay chỉ có một người hành khách là anh. Khi Matisi tới tỉnh Yassi thì trời đã tối. Tất cả đèn trong thành phố đều được che kín phòng thủ.

THÀNH phố Yassi chìm đắm trong không khí chiến tranh. Trận tuyến cách nơi đây độ vài chục cây số. Trên đường phố tràn ngập những đội tuần tiễu. Traian Matisi gặp Titus, một người bạn ở Bucarest, đeo lon chuẩn-úy. Titus tỏ vẻ sung sướng khi gặp Matisi và mời anh về nhà ngủ.

Titus đã từng theo học Đại-học bên Mỹ và trong khi chờ đợi một chân giáo sư, anh làm báo. Traian quen biết Titus nơi tòa-soạn báo La Roumanie và hai người đã thành đôi bạn thân.

Chờ Traian ăn xong, Titus đem khoe bạn con dao cạo râu : « Đây là con dao của Mỹ chỉ để dành riêng cho quân đội của họ dùng, ngoài thị-trường không có bán. »

Không thấy bạn tỏ ý kiến, Titus vội hỏi : « Anh không hỏi tại sao tôi lại có ư ? Tôi đã nói là ở ngoài thị trường không có bán mà ».

Dù buồn ngủ, Traian cũng phải đáp : « Anh thường nói với tôi rằng một người lịch sự không bao giờ nên đặt câu hỏi... »

— Traian, anh trả lời tôi thành thật nhé. Nếu Mỹ-Quốc tuyên chiến với nước Roumanie, anh có chống lại họ không ?

— Có một người dân Roumanie nào lại không chiến đấu chống bọn cộng sản và bọn giúp đỡ cộng sản để chiếm nước chúng ta không? Chính mắt tôi đã từng trông thấy hàng ngàn, hàng vạn người nộp đơn tình nguyện nhập ngũ để giải phóng đất nước. Từ khi có chiến tranh tới giờ, chưa ai thấy nói tới một vụ đào ngũ hoặc phản bội cả.

— Nói thật, riêng tôi, tôi ghét bọn Đức quá, Titus nói.

— Chúng ta chiến đấu chống bọn chiếm đất nước chúng ta. Người Đức giúp đỡ chúng ta để giải phóng đất đai bị chiếm đóng, Còn chuyện họ có thiện cảm với chúng ta hay không đó chỉ là chuyện phụ, chỉ biết họ đã giúp chúng ta dành lại tự do, thế thôi.

Titus mất hứng khi phải tranh-luận với bạn. Anh chỉ phòng ngủ cho Traian biết và cho hay căn nhà hai người đang ở là của người Do-Thái hiện đã bị người Đức đầy đi rồi.

Traian ngạc nhiên vì lời nói của bạn. Anh không ngờ lại có chuyện người Do-Thái bị bắt, bị đầy ải, nhà cửa bị trưng-thu. Titus biết bạn đang ngạc nhiên và cảm phần vội chúc bạn ngủ ngon rồi rút lui.

CHÍNH giờ sáng hôm sau, Traian Matisi đáp xe của đại tướng Topor để ra tiền-tuyến. Trong lúc viên đại tướng nhắm mắt ngủ vì mệt nhọc, Traian ngồi bên người lái xe, ngắm cảnh bên đường: Những chiếc xe vận tải bị đốt cháy, những chiếc xe tăng bị phá hủy cùng súng ống nằm ngổn ngang bên đường đi. Khi vượt qua sông Pruth, Traian không hề nhìn thấy một bóng người, vật. Làng mạc vắng ngắt. Nhiều nơi bị đốt cháy. Nhiều chỗ, con đường bị đào sâu hoắm vì bom. Khi chiếc xe tránh một lỗ đạn trái phá viên đại tướng mở bừng mắt. Ông hỏi ngay Traian tại sao anh lại muốn đi có một mình. Traian cho hay nếu anh đi cùng với một số đồng, anh không thể nhìn thấy gì cả. Chợt nghĩ tới chuyện những người Do-thái bị đi đày ở Yassi, anh vội hỏi cấp trên tin đó có đúng hay sai.

— Anh có biết một người Do-thái nào bị đi đày không? Anh có biết một người Do-Thái nào bị giết không? Anh được quyền đi lại tự do khắp mọi nơi, anh đã nhìn thấy một vụ như vậy chưa?
— Tôi chỉ mới ngủ có một đêm tại Yassi. Tôi ở nhờ nhà một người bạn sỹ quan. Căn nhà đó

theo lời bạn tôi là nhà của người Do-Thái bị đi đày.

— Tôi phải ra lệnh bắt anh và cho giải anh ra trước tòa án quân sự vì những tin thất thiệt của anh. Tôi phải cho giữ anh lại thay vì cho phép anh được ra tiền tuyến.

Matisi không dám nhúc nhích người, nhưng nhìn miếng kiến phản chiếu, anh thấy viên đại tướng có vẻ diều-cợt anh, cốt làm cho anh sợ mà thôi. Người tài xế cũng tái xanh mặt.

— Căn nhà mà anh đã ngủ một đêm theo lời anh nói, có lẽ là nhà của người Do-Thái đã tản cư khỏi tỉnh, viên đại tướng tiếp, Yassi là khu vực của tổng-hành-dinh quân đội. Những người nào bị nghi ngờ có liên lạc với quân địch đều bị bắt buộc phải rời khỏi hành phố. Đó là luật an ninh quân sự được áp dụng với mọi nước trên thế giới. Như vậy có phải là chuyện đay ải không? Với những người tản cư, vì họ không biết phải đi đâu, chúng ta giúp họ lương thực và chỗ ở trong những trại tạm của nhà binh vì chúng ta cũng không muốn để họ ở ngoài đường. Như thế không phải là những trại tập trung.

Traian không dám nói gì. Anh biết, trong thời chiến tranh, và ở ngoài mặt trận còn có nhiều thứ luật khác.

Chiếc xe vẫn chạy. Traian không biết viên đại tướng đi tới đâu, anh chỉ biết mọi người đang tiến tới mặt trận. Khi đêm xuống chiếc xe dừng lại nơi một thành phố bị hoàn toàn đốt cháy.

— Đây là thành phố Baltzi. Viên đại tướng nói, anh xuống đây và tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ.

Traian chưa kịp nói mấy lời cảm ơn, chiếc xe chở đại tướng đã vút chạy vào đêm tối. Traian nhủ thầm từ lần sau anh sẽ không bao giờ đi chung với những viên tướng nữa. Chung quanh anh tối om, cuộc ác chiến mới xảy ra hồi sáng ở đây. Traian đi tìm một cái đôn để kiếm chỗ ăn và ngủ. Từ sáng tới giờ anh chưa hề được một miếng bánh vào bụng.

Đường phố đầy gạch, gỗ đổ nát. Những căn nhà bị cháy dở dang, còn âm ỉ bốc khói. Đi mãi, hết đường này tới đường khác, Traian chỉ thấy nhà cửa đổ nát, cháy. Anh đâm sợ, anh sợ phải đi lang thang suốt đêm trong thành phố chết. Thành thoảng có một vài con mèo từ trong đồng đồ nát

chạy ra, đôi mắt xanh thao láo, rồi lại vụt chạy vội vào chỗ ẩn.

Traian tiến ra phía ngoại ô. Anh muốn đi xa khỏi thành phố Baltzi và khi gặp một làng nào, anh sẽ nghỉ lại và ước mong sẽ gặp một người dân làng. Anh bước vội vã, không dám nghĩ tới những căn nhà đổ nát, cháy lụi, những con mèo hoang, khói, lửa.

Traian rảo bước như chạy. Càng đi nhanh, anh lại càng sợ. Bất chợt anh nhìn thấy một bóng người cao lớn đứng im lặng giữa đường. Anh định quay lại để tránh nhưng mới đi một bước đã có tiếng hô « Halt! Wer da? ». Traian không có vũ khí. Lúc đại-tá Stankof trao cho anh một khẩu súng thì anh lại không nhận. Anh chỉ có một con dao con dề cắt bánh mì ở trong túi. Bóng người cao lớn bật quẹt thắp đèn rồi tiến lại phía anh. Đó là một người lính Đức. Sau khi trình xong giấy tờ, Traian hỏi thăm người lính Đức ban chỉ huy quân đội Roumanje. Anh được hay ban chỉ huy chưa có tới. Còn binh lính Roumanie vẫn đang tiến truy kích địch quân. Trong khi chờ đợi xe đê đi, Traian không dám đi đâu vì chung quanh còn nhiều bẫy mìn và bọn du-kích vẫn chưa bị quét

sạch.

Lần đầu tiên Traian chạm mặt với những người lính Đức. Vào giờ này ở Baltzi chỉ có một đội quân nhỏ lính Đức gồm có năm người, có nhiệm vụ giải quyết sự giao thông xe cộ.

Người lính Đức hỏi anh có biết nói tiếng Pháp không. Người dân Roumanie rất mến nước Pháp và người Pháp. Trong trường, mọi học sinh đều học nước Pháp là chị cả của nước Roumanie. Traian cho hay anh chưa tới nước Pháp lần nào.

— Ở Pháp nguy hiểm lắm, người lính Đức nói. Ở Pháp đầy rẫy bọn cướp, bọn du-kích quân.

Traian chợt nghĩ, nước Đức đang có chiến tranh với nước Pháp. Người lính này, ở bên Pháp thì là tên lính chiếm đóng, ở đây hẳn lại là bạn trong hàng ngũ chiến đấu cho tự do. Traian yêu mến nước Pháp và bạn anh lại là kẻ thù của nước Pháp. Kề cũng buồn cười. Cũng như người Nga là kẻ chiếm đóng và là kẻ thù của người Roumanie, trong khi đó lại là đồng minh và bạn của nước Pháp. Một người Pháp có thể yên tâm khi đứng bên cạnh một người quân cảnh Nga cũng như Matisi cũng cảm thấy yên

tâm khi ở bên cạnh người lính Đức.

Trời sáng dần. Traian nhận thấy một bóng người từ cánh đồng nhỏ lên. Đó là người dân địa phương. Anh vội hỏi thăm về cuộc chiến đấu vừa qua. Người dân làng cho hay không có trận đánh ở đây, bọn lính Nga đã rút đi trước khi quân đội giải phóng tới. Chính bọn du-kích đã giết mình phá hủy tỉnh Baltzi. Hàng ngàn dân thành phố bị chết oan vì mình nỡ. Traian cảm thấy tức giận khi biết sự thật.

Một chiếc xe Mercédès chở hai sĩ quan Đức chạy qua. Traian đáp nhờ xe đi về phía Nam. Hai bên đường lúa mì chạy dài như một biển vàng óng ánh.

CHIẾC xe Mercédès thỉnh lính đổ lại đề cho Traian xuống rồi ngoẹo vào con đường nhỏ. Trong lúc chờ đợi chiếc xe khác đi qua đề đáp quá giang, Traian nhận thấy những bông lúa mì đã bị cắt hết. Cả một cánh đồng lúa mì bị cắt ngọn, còn trơ lại thân cây trông giống như một đám người đã bị chặt đầu, nhưng thân mình còn đứng vững. Traian nghĩ tới bọn du-kích đã từng nỡ mình cho tung cả thành phố

Baltzi. Chắc chắn là chúng đã phá hủy cánh đồng lúa này.

Traian đi bộ tới thành phố Kichinev. Thỉnh thoảng anh quay lại nhìn xem có bóng xe hơi chạy tới không. Gặp mấy người nông dân băng qua lộ anh vội hỏi thăm về cánh đồng lúa mì bị phá hoại. Anh ngạc nhiên xiết bao khi được biết chính quân đội Roumanie đã cắt những hạt lúa đó, Đội tiên-phong tiến như vũ-bão để truy-kích quân Nga, vì không được tiếp tế lương thực nên ban chỉ huy đã cho phép quân lính được cắt lúa mì để nấu ăn.

Traian cảm thấy buồn lòng nhưng anh cũng biết anh không có quyền viết tới chuyện quân đội không được tiếp tế lương thực nên đành phải cắt lúa nấu cháo.

Xế trưa Traian mới tới thành phố Kichinev bằng xe vận tải bánh mì. Thành phố cháy, chiến sự còn diễn ra nơi ngoại ô. Lúc này Traian thấy mình mới thật ở ngoài mặt trận, nhưng anh lại buồn vì phải nhìn tận mắt thành phố, nơi anh đã ở thời thơ ấu đang bốc cháy. Nơi phía đông thành phố, bọn du-kích hãy còn chống cự.

Dân thành phố Kichinev biến

hết. Một phần ba bị đẩy ải sang Nga. Phần còn lại thì trốn tránh trong những làng mạc. Những công chức công-sản đã rút theo quân đội công-sản. Riêng bọn du-kích còn ở lại. Chúng là dân địa-phương được bọn công-sản tổ chức huấn luyện, phần đông là người Do-thái.

Traian cũng từng biết người dân công-giáo đều có khuynh hướng cho người Do-thái đã gây ra cảnh khổ sở và phải chịu trách nhiệm về những chuyện đó. Thời Trung-cổ và cả về sau, người ta đã đốt, tàn sát dân Do-thái mỗi khi có nạn động đất hoặc bệnh dịch.

Traian cũng từng biết phần đông lính mật-vụ xô-viết, bọn chỉ huy các trại giam tù binh và trại lao công, bọn chỉ huy du-kích là người Do-thái miền Besarabie. Ngay giữa thành-phố có một nhà thờ, trong thời gian chiếm đóng, bọn công sản đã dùng làm rạp hát và một số nghệ-sỹ Do-thái đã trình-diễn tại đó.

Sau khi thăm nhà thờ ra, Traian tới trại lính cứu-hỏa đề yêu cầu ban chỉ huy cho anh được ăn với họ. Anh lấy xe đạp chạy quanh thành phố để tìm một chỗ

ngủ. Thấy một nhà có gắn biển thầy thuốc, anh gõ cửa yêu cầu ông ta cho anh ở nhà ít hôm. Viên thầy thuốc thấy anh tỏ vẻ ngại-ngùng. Ông ta tự thú-nhận mình là dân Do-thái.

— Các bạn tôi ở Kichinev hầu hết là người Do-thái, Traian vội nói để cho viên thầy thuốc yên tâm. Anh còn kể tên những ký giả, thi-sỹ, những người bán sách, bán đồ cò mà anh đã quen biết hỏi anh học nơi đây.

— Tôi biết sự do dự của ông, Traian tiếp. Tôi đã được nghe nói những bọn lính công an cộng sản, bọn du-kích phần đông là người Do-Thái. Chúng làm dân ở đây khổ rất nhiều, tôi rất ghét chúng, nhưng không phải hoàn toàn ghét người Do-Thái.

— Chúng tôi ở lại đây chúng tỏ chúng tôi không phải là cộng sản. Những bọn gây ra tội ác đều bỏ trốn theo quân Nga rồi. Chính chúng tôi cũng ghét chúng.

Traian được biết thêm nơi nhà viên thầy thuốc có tới bốn mươi người Do-Thái tập trung ở. Họ sống trong sự lo ngại, phập phồng. Viên thầy thuốc đã hỏi Traian số phận của người Do-Thái sẽ ra sao. Họ sợ người Đức sẽ đây ải, giết chóc họ. Traian khuyên họ

nên an tâm. Anh còn viết lên mảnh giấy trắng giòng chữ *« Trong nhà này có phóng viên chiến tranh Traian Matisi ở »* rồi đóng nơi cửa ra vào.

Bốn mươi người Do-Thái cảm thấy yên lòng đôi chút khi có Traian ở chung với họ. Từ lâu rồi, bây giờ những người đàn bà Do-Thái mới dám cười khi nói chuyện.

KH I thức giấc, Traian được viên bác sỹ cho hay họ đã hết cả lương thực. Họ còn một chỗ giấu những thức ăn, chỉ cách nơi họ ở có nửa cây số ngàn, nhưng họ không dám ra khỏi nhà. Bốn mươi người Do-Thái này phải trốn ở trong nhà vì họ sợ lính. Họ giấu lương thực đi cũng vì sợ lính. Khi muốn lấy thêm lương thực để khỏi chết đói thì họ cũng không dám đi vì sợ lính. Matisi cũng là lính, nhưng họ lại thổ lộ sự bí mật của họ cho anh hay.

Traian Matisi nhận mang lương thực về cho họ. Cùng đi với anh có cô Silvia, một nữ dược-sư, em gái viên bác sỹ. Vừa băng qua đường thì Silvia đứng dừng lại, người run lên như một con nai khi nhìn thấy mũi súng của người đi săn chĩa thẳng vào mình. Nàng

sợ hãi khi thấy có người lính tiến lại phía hai người và như muốn bắt họ dừng lại.

— Đó là người bạn của tôi ở Bucarest, Traian nói, cô đừng có lo sợ gì hết. Bạn tôi đây.

Người đi tới là viên thượng sỹ, nơi ngực có gắn dấu hiệu phóng-viên chiến-tranh như Matisi. Viên thượng sỹ vui vẻ chào Matisi, hôn bàn tay của Silvia rồi tự giới thiệu. Silvia vẫn run và càng nắm chặt lấy tay Traian. Người bạn cho Traian hay mình ở ngành công an, sở dĩ đeo dấu hiệu phóng viên chiến tranh là để che dấu sự hoạt động. Hắn mời Traian và Silvia khi nào rảnh tới bàn giấy chơi tự nhiên.

Khi viên thượng sỹ đi rồi Silvia xin lỗi Traian : “ Ông thứ lỗi cho tôi khi rồi tôi đã sợ quá, tôi tưởng có thể ngắt đi được. Tôi biết là không sao cả, nhưng không hiểu tại sao tôi vẫn sợ.”

Tới nơi lấy thực phẩm, Traian đứng ngoài sân đợi. Sự xuất hiện của một người lính nơi nhà dân chúng sẽ làm cho họ hoảng sợ. Nơi đây cũng có độ mươi người Do-Thái trú ẩn.

Traian nhìn thấy Silvia rồi rút hỏi chuyện các bạn gái mà nàng xa cách đã mười hôm rồi, dù hai

nơi chỉ cách xa có năm trăm thước. Traian biết sau mỗi khe cửa đều có những con mắt lo sợ nhìn mình như thăm hỏi : “ Anh có biết số phận chúng tôi, những người Do-thái ra sao không ? ”. Traian biết trả lời rõ ràng làm sao được, khi anh chỉ là một người phóng viên chiến tranh mà thôi.

Khi mang thức ăn về đến nhà rồi, Traian lấy xe đạp ra đi. Cuộc chiến đấu đã chấm dứt, chỉ còn những ngọn lửa đang liếm những căn nhà. Bạn bè anh hoàn toàn không còn ai : người bị đẩy ải, người bị giết hoặc trốn tránh. Chỉ còn những viên mục-sư ở lại. Buổi trưa, Traian ở lại ăn cơm với một mục-sư. Ông ta mang ra một chiếc túi dài 50 phân, có giây buộc để quàng vào vai, ở trong có đề những mẩu bánh rồi nói :

— Đời sống dưới ách cộng sản thu gọn lại có một cái này. Mỗi người, ai cũng có một chiếc túi. Mỗi tối, khi đi ngủ, chúng tôi để nó bên cạnh giường. Bọn công an sờ-viết chuyên bắt cóc người hồi đêm. Nếu chẳng may bị bắt, họ mang theo người chiếc túi đó, với những mẩu bánh họ sẽ không lo bị chết đói khi họ bị giải sang Tây-bá-lợi-á. Một phần ba

dân miền Bessarabie, nghĩa là độ một triệu người đã bị bắt đi. Có làng không còn người nào, thay vào đó bọn Nga xô chuyển người dân Mông-cổ, Mãn-châu tới.

Buổi tối hôm đó, Traian đi ngủ sớm. Anh để nguyên đèn rồi ngủ. Nửa đêm có tiếng đập mạnh nơi cửa sổ. Traian thấy một toán lính tuần tiểu Roumanie, đội mũ sắt lưng đeo lựu đạn, lưới lê cắm đầu súng đứng dưới sân, nơi cửa sổ phòng ngủ của anh. Viên đội trưởng cho anh hay chung quanh chỗ anh ở có nhiều người Do-thái ăn-nấp, anh phải nên cẩn-thận đề phòng. Trong lúc Traian và viên đội trưởng nói chuyện, những người Do-thái trong nhà của viên bác sỹ run lên vì sợ hãi.

Sáng hôm sau, Traian từ biệt những người Do-thái để đi. Thấy Silvia khóc, Matisi khuyên nhủ :
 “ Cầu xin Thượng Đế ban phước lành cho cô ».

KHI Traian Matisi trở về Bucarest, đại-tá Stankof tỏ vẻ ngạc nhiên dù anh đã vắng mặt tới ba tháng. Traian cho hay miền Bessarabie đã hoàn toàn giải phóng, quân đội đã tiến sang tận đất Nga.

— Thế anh không muốn cùng quân đội vượt sông Dniester để đột nhập đất Nga ư ?

— Cuộc chiến đấu của quân đội ta bên đất Nga là một cuộc chiến tranh khác, không phải là chiến tranh dành tự do.

— Cũng vẫn là cuộc chiến-tranh dành tự do dù ở trên đất Nga, viên đại-tá nói tiếp, nếu quân đội xô-viết không bị tiêu diệt hẳn chúng sẽ chiếm lại đất nước của chúng ta. Một con chó sói nhẩy vào sân nhà anh, nó cắn cổ súc vật, không phải chỉ đuổi chúng ra ngoài ngõ mà còn đuổi tới tận tổ chúng để giết chúng, nếu không nó sẽ quay lại. Với bọn cộng-sản xô-viết cũng thế. Cuộc chiến đấu trên đất Nga cũng chỉ là cuộc chiến-tranh tự vệ mà thôi.

Riêng Traian, anh muốn xin nghỉ một tháng để viết tập *Phóng sự bên bờ sông Dniester*. Viên đại-tá bằng lòng, nhưng không cho anh được về Isvor.

Khi cuốn sách của anh ra đời, mọi người đồ xô mua hết. Anh phải cho tái bản tới lần thứ năm cũng vẫn không đủ bán. Chỉ trong vòng mấy tuần lễ, tên anh đã vang lừng. Bộ Quốc-gia Giáo-dục cũng có trích vài đoạn cho vào chương-trình học. Mới

mùa xuân Traian còn phải gác con dấu chỉ dưới hàm bộ tổng-tham-muru, chỉ qua mùa hè tới mùa thu, Traian đã trở nên một văn sĩ tiếng tăm lừng lẫy.

Một buổi, khi anh đi tới văn phòng của đại-tá Stankof, anh gặp hai người bạn quen trong tờ báo, Miron và Beada. Họ là người cộng-sản. Traian vẫn vui vẻ chào hỏi nhưng hai người này lại tỏ vẻ khó chịu với anh. Họ cho rằng anh đã nói dối nhiều quá trong cuốn sách của anh. Có một đoạn anh tả những người thủy thủ Nga-xô khi bị chết đuối vẫn nổi trên mặt nước, Miron và Beada cho hay nếu người ta chết đuối thì xác sẽ chìm chứ không nổi. Traian cũng chợt nhận thấy như vậy. Chính anh nghe bọn tù binh Nga-xô nói lại nên anh cũng viết thế chứ không suy nghĩ. Giờ đây sách đã in rồi, còn cải chính làm sao được. Traian vội chạy tới bộ Hải Quân tìm tài liệu nói về bọn tù binh của chiếc tàu bị đánh đắm. Lời tuyên bố của viên chỉ huy chiếc tàu cứu cấp Roumanie hiện trước mắt anh : *Tất cả những xác chết của bọn thủy thủ Xô-viết nổi trên sóng, nhờ những chiếc thắt lưng phao*. Traian

cảm thấy suag sướng, dễ chịu, như vậy nghề nghiệp của anh đã được cứu vãn.

Trở ra về anh gặp viên đại-sứ cuối cùng của Roumanie ở Moscou. Ông ta khen tài của anh nhưng lại khuyên anh nên thu hồi hết cả những số sách đã in ra. Theo lời ông ta, nước Nga sẽ thắng và anh sẽ bị giết vì cuốn sách đó. Traian đâm hoang mang nhưng anh cũng bỏ qua. Traian tạt vào một tiệm sách quen ? Chủ nhân là người Do-thái. Ông ta cho hay vì anh tả về số phận người Do-thái ở Bessarabie quá ư thật nên bây giờ, cũng vì cuốn sách đó mà có một không khí phản đối với người Do-thái. Ông khuyên Traian đừng nên viết thật quá dù sự thật nó như thế.

Buồn bã, Traian quay về nhà, nhưng không chịu đựng nổi sự cô-độc, anh lại tới bộ tham-muru. Trông thấy anh, đại-tá Stankof vội nói :
 “ Thật may, tôi đang định cho người tìm anh. Sáng mai anh phải tới bán đảo Crimée để làm một thiên phóng sự khác. Quân đội ta đang ở đó.

(Còn tiếp)

TAO-ĐÀN PHỒ-THÔNG

(Tiếp theo P. T. 49)

MỪNG xuân nô-nức bướm, hương, hoa,
Riêng một Ni-cô ẩn tại nhà.
Thân đã lánh xa vòng thế-tục,
Tâm thường gội rửa nước «Ma-Ha».
Mây bay, gió cuốn, tìm thi-hứng,
Sáo phủ, màn che, tránh lựa-là.
Rộn-rã xuân về trên xác pháo,
Đốt trầm hương, mấy vện ngâm-nga.

Ni-cô **DIỆU-TÂM**

(Bạch-Hoa-Viên, Núi Sam — Châu-Độc)

MỪNG xuân nô nức bướm, hương, hoa...
Vui cả muôn người, tẻ một ta!
Nửa mảnh trăng xưa chìm vũ-trụ.
Ba sanh thề cũ lạnh sơn-hà!
Pháo hồng toi-tả khơi sần-lệ.
Hồng điệp bơ-phờ vọng khải-ca!
Bê nhánh mai vàng đang hé nụ
Bâng-khuáng chờ nhận gởi người xa!

Cô **CHIM-HOÀNG** (Saigon)

XUÂN chỉ riêng về với cỏ hoa
Xuân đây hoen ố vết can qua
Mau đào chen lẫn cùng màu máu
Tiếng súng làm im mất tiếng ca!

Đời loạn thi đàn dành tạm gác
Nước chia, cung kiếm phải xông pha!
Thần-bình trước án câu kim-cổ
Ý nhạc hồn thơ lại đậm đà.

LIÊN-VÂN

(Trường hạt khai-thác Hoà-xa, Ga Quảng-Ngãi)

MỘT trời xuân sắc đủ trăm hoa,
Hết nghi gần thôi lại nghi xa.
Danh lợi chẳng ưa thân bó buộc,
Giang hồ còn nhớ thú xông pha.
Đầu xanh nô nức vui xuân mới,
Tóc bạc ung dung hưởng cảnh già.
Tâm sự ngổng ngang: mừng lẫn tủi,
Tủi mừng sáu chục cái xuân qua.

DƯƠNG-ĐÌNH-TÁY

Sĩ-quan Quan-Thúe hồi hưu
(94 Lê-quang-Định — Gia-Định)

MỪNG xuân nô nức bướm, hương, hoa,
Xuân đến buồn trông cảnh nước nhà.
Lẽ khản Giao-thừa lòng thiện nguyện,
Thi bình Nguyên-đán giọng bi ca.
Núi sông đã nhuộm màu tan tóc,
Khói lửa khôn mong cuộc giảng hà.
Đêm tết đi đừng nghe súng vạc,
Nỗi niềm ưu ái khó phôi pha.

LONG-GIANG
ĐỔ-PHONG-THUẦN

MỪNG xuân nô nức bướm, hương, hoa...
Mới nửa chừng Thu.. gặp vậy à?
Sương lạnh còn đeo hàng cúc muện,
Vườn xưa chưa sạch lá ngô già!

Lòn mây phụng ân, khàn hơi quốc,
Trái tiết đào yêu thẹn bóng nga,
Mờ tỏ đèn khuya, say tỉnh mộng...
Mộng hồn dẹt gấm phủ sơn hà.

THANH-LIÊN

TRỜI Nam đất Việt đủ trăm hoa,

Đua nở mừng Xuân khắp hải-hà
Trước cửa ngạt-ngào hương quế đượm,
Bên thềm riu-rít tiếng oanh ca.
Vườn Hồng nẩy lộc đâm chồi Ngọc,
Chim Lạc tung mây rợp bóng Nga.
Chúc chén chờ ngày vui thống-nhất,
Giang-sơn gấm vóc cảnh bao-la...

Tân-Việt-Điện **THAI-VĂM-KIỆM**
(Nha Văn-hóa — Bộ Giáo-dục)

XUÂN về lộng-lẫy với muôn hoa,
Rạng-rỡ trời Nam rộn tiếng ca.
Mai ngậm trắng thanh, cười chúm-chím,
Trúc vờn gió mát, múa la-đà...
Yến oanh nổi nhạc vang thiên-địa,
Hồng hộc tung mây, vượt hải-hà.
Say tỉnh rượu đào, cùng phấn khởi,
Vui Xuân xây dựng nước non nhà.

Hoài-Quang **BÙI-ĐÌNH-SAN**
(Nha Văn-hóa, Bộ Giáo-dục)

MỪNG xuân nở nức bướm hương hoa

Lặn đạn bên trời ngán nhẽ ta
Lạc bước phong trần buồn thế sự
Nửa đời sự nghiệp thẹn tài ba.
Trông về phương cũ sao mờ tỏ,
Nhớ mảnh trăng xưa ánh trắng ngà
Non nước như khơi sâu cổ quán
Đàn ai vắng vắng khúc ly ca.

Bà **LÝ-NGUYỆT-THƯỜNG** (Hoa-Kiến)

671 Trần-Hưng-Đạo — Chợ-Lớn

NHỮNG ÁNG THƠ HẠ

• Bài ca man rợ

Lòng đã khác ta trở về Đô Thị,
Bỏ thiên-niên huyền-bí của
ta xưa.

Bóng ta đi trùm khắp lối hoang sơ,
Và chân bước nghe chuyển rung
đời suốt.

Lá cỏ sắc vương đầy trên tóc rối,
Ta khoác vai manh áo dầm
hương rừng.

Rời ta đi, khi núi bốc trên lưng,
Mắt hung ác và hình dung cổ quái.

Trông thấy ta, cả cõi đời kinh hãi
Dòng sông con nép cạnh núi
biên thù.

Đường châu thành quẩn quại
dưới chân đi,

Xao động hết loài cỏ hoa đồng nội.
Người và vật nhìn ta không
dám nói,

Chân lảng xa, từng cặp mắt e dè
Ta ngần-ngơ nhìn theo bóng
ngựa xe,
Nhìn theo mãi đến khi đời lánh
cả.

Và ta thấy hiện nguyên lòng sơn
dã :

Cảnh sắc này bỗng nhuộm máu
tà dương.

Ta xót thương, ta căm giận,
hung cường,

Ta găm thét, rung mây trời thế sự
Rời dữ tợn, ta vùng đi khắp xứ,

Nắm hai vai người tục khách
qua đường.

Lòng lạ lùng tìm ảnh với tìm
hương,

Nhưng lẫn lộn chỉ thấy màu
xiêm áo.

Trán thì phẳng, ôi đầu là kiêu
ngạo ?

Đâu hồn-nhiên trên nét vẽ râu
 mà ?
 Ta ghì người tắt thở ở trong tay,
 Miệng quát hỏi : Có phải người
 là bạn ?
 Ôi ngờ ngác một lũ người vong
 bản,
 Mất tinh-thần từ những thuở
 xa xôi !
 Ta về đây, lạ hết các người rồi,
 Lạ tình cảm, lạ đời chung, cách
 sống.
 Trong bờ ngõ duy lòng còn chút
 mộng,
 Ta đi tìm người thiếu nữ ngày
 xưa.
 Nàng không mong, ta đi đến
 không ngờ,
 Giây phút ấy thực mắt nhìn tận
 mắt.
 Ta cười mỉm, bỗng thấy chàng
 che mặt,
 Ta gơ tay, nàng khiếp sợ lùi xa,
 Ta lại điên rồ, đau đớn, xót xa,
 Trong eo độc, thấy tình thương
 cũng mất.

Ôm Nhan-sắc với hai bàn tay sắt,
 Ta nhìn ai, ôi khoé mắt ta nhìn t
 Em là ma, là quỷ hay là tiên ?
 Em có mấy linh-hồn, bao nhiêu
 mộng ?
 Em còn trái tim nào đang xúc
 động ?
 Em có gì, trong xác thịt như hoa ?
 Lạc thiên-nhiên đến cả bọn đàn
 bà,
 Với những vẻ dung nhan kiều-
 diễm nhất.
 Ta lao-đào vùng đứng lên cưỡi
 ngựa,
 Ghì chặt nòng cho chết giữa mê-
 ly.
 Rồi dầy xéo lên sông núi đờ kỳ,
 Bên thành quách ta ra tay tàn
 phá.
 Giữa hoang loạn của lâu đài,
 đình tạ,
 Ta thản nhiên đi trở lại núi rừng.
 Một mặt trời dẫm máu xuống
 sau lưng.

ĐINH-HÙNG

NĂM ấy, vào khoảng 1940-41, tôi đang sống những ngày êm đềm ẩn dật tại một tỉnh nhỏ

miền trung-du Bắc-việt. Tuy ít khi ra Hà Nội, nhưng khờ có viết báo và liên lạc thường xuyên với các bạn văn nghệ nên tôi

vẫn được biết những tin tức về văn-học cũng như nghệ-thuật ở nơi văn vật ngàn năm.

Trong số những bạn văn-nghệ thường liên lạc với tôi hồi đó, có nữ thi-sĩ Vân-Đài. Nhà thơ này (hồi ấy ở đường Chancelaume) thường kể cho tôi hay những chuyện hợp bạn văn-nghệ ở thủ-đô. Ở tỉnh xa, thỉnh thoảng nhận được thư của bà, tôi có cái thú như người xưa được đọc những bức thư kể chuyện duyên-dáng đậm-dà của nữ hầu-tước De Sévigné (1) vậy. Tôi còn nhớ, trong một bức thư của nữ - sĩ Vân-Đài, có đoạn đại khái như sau : « . . . Hồi này tình-hình văn - nghệ ở đây cũng bình-thường, không có gì lạ !... À, mà cũng có một điều đáng kể là trong một cuộc họp bạn vừa rồi, người ta có đưa ra giới - thiệu với anh chị em làng văn một dân mới đến cư ngụ. Đó là một nhà thơ tên Đinh - Hùng. Cậu ấm này còn trẻ lắm, mới chừng đôi mươi... »

Tôi xem thư, rồi cũng bỏ qua và dần dần hầu như quên hẳn... Sau đấy ít lâu, nhân được đọc tập « Giai - phẩm » của nhà Đời Nzy xuất - bản, tôi gặp lại

cái tên Đinh-Hùng trong một bài thơ. Và tôi đã chú ý đến họ Đinh từ đó. Bài thơ ấy chính là « Bài ca man rợ » trên đây.

Đọc bài thơ này, điều ta nhận thấy trước hết là trí tưởng-tượng phong phú của tác giả. Ông tưởng tượng ra một người còn « nguyên lòng sơn dã », từ lâu sống một đời man rợ thiên-nhiên trong núi sâu rừng thẳm, bỗng một ngày kia trở về đô-thị.

Nhưng trông thấy chàng, người và vật đều kinh sợ và e-dè lánh tránh ; cả đến « dòng sông con » cũng sợ sệt nép mình cạnh núi, và « đường châu thành quần-quai » dưới chân chàng :
*Trông thấy ta, cả cõi đời kinh hãi,
 Dòng sông con nép cạnh núi biên
 thùy.*

(1) Nữ hầu-tước De Sévigné, nữ danh là Marie de Rabutin-Chantal, sinh ở Paris năm 1626, mất năm 1696, nổi tiếng về những lá thư của bà gửi cho con gái là nữ bá-tước De Grignan cùng mấy thân-nhân và bạn hữu khác. Những thư này, xuất bản năm 1726, rất có giá trị vì ý-tưởng tươi - sáng, văn từ linh-động tự-nhiên và chứa đựng nhiều tài-liệu thú-vị quý giá về tập tục thủ thời.

Trông thấy ta, cả cõi đời kinh hãi,
Dòng sông con nép cạnh núi biên
thủy.

Đường châu thành quần-quai dưới
chân đi,

Xao động hết loài cỏ hoa đồng nội.
Người và vật nhìn ta không dám
nói,

Chân lẳng xa, từng cặp mắt e-dè...

Trước cảnh đó, chàng mới
bắt đầu cảm thấy bơ-ngỡ lạ-lùng,
bơ-vơ lạc-lồng ; cái bơ-vơ lạc-
lồng của « man-rợ » gặp « văn
minh » :

Ta ngân-ngờ nhìn theo bóng ngựa
xe,

Nhìn theo mãi đến khi đời lánh cả.

Nhưng chỉ một bóng phân
ứng bóng tới ngay, cái phân
ứng bạo tàn của man-rợ, của
dã-thú :

Ta xót thương, ta căm giận, hung
cường,

Ta gầm thét, rung mây trời thế sự.

Rời dũ tận, ta vùng đi khắp xứ...

Đi giữa đô thành ngựa xe đông
đúc, mà chàng bước tới đâu là
sa mạc hiện ra tới đó ! Người
ta chạy trốn chàng như chạy
trốn một quái vật gớm ghê.
Nhưng rồi chàng cũng chộp
được một người. Chàng ngắm
nghĩa cái thân hình run rẩy trong
hải bàn tay sắt của mình, cố tìm

những nét tương quan của đồng
loại, nhưng chỉ thấy áo xiêm loè-
loẹt, râu mày cạo sửa mắt cả
tính chất hồn nhiên, trán thì
phẳng lì biểu lộ một sự tầm-
thường đến khó chịu ! Chàng
đăm ra hoài nghi, không biết
con người này có phải là đồng
loại của mình không, mà sao
không có một chút dấu vết gì
là khí phách hùng dũng của con
người nguyên thủy !

Năm hai vai người tục khách qua
đường.

Lòng lạ lùng tìm ảnh với tìm hương.

Nhưng lần lộn chỉ thấy màu xiêm
áo.

Trán thì phẳng, ôi đầu là kiểu
ngạo ?

Đầu hồn-nhiên trên nét vẽ râu mày?

Ta ghì người tất thờ ở trong tay,

Miệng quát hỏi : Có phải người là
bạn ?

Thất vọng vì không tìm thấy
đồng loại ở những con người
«mày râu nhẵn nhụi, áo quần
bánh bao » ấy, chàng « còn chút
mộng », sẽ hết bơ-vơ cô độc nếu
tìm lại được « người thiếu nữ
ngày xưa », nhưng :

Nàng không mong, tu đi đến không
ngờ.

Giây phút ấy thực mắt nhìn tận
mắt.

Ta cười mỉm, bỗng thấy nàng che
mắt,

Ta giơ tay, nàng khiếp sợ lùi xa...

Thế này thì thật quá lắm rồi !
Chàng không thể kiên nhẫn
được nữa, vì « trong cô độc
thấy tình thương cũng mất », !
Chàng xót-xa, đau đớn đến điên
rồ, vì không thể hiểu được tâm-
hồn người yêu cũ, không ngờ
rằng trong cái « xác thịt như
hoa », ấy lại chứa đựng một trái
tim gỗ đá đã mất hết những rung
cảm cao đẹp chân thành. Cái
văn-minh vật chất đã biến cải
con người mau chóng, làm cho
tiêu tán cả thiên lương :

Lạc thiên nhiên đến cả bọn đàn-bà,
Với những vẻ dung nhan kiều diễm
nhất !

Chàng bèn nổi giận. Con
giận dữ cộng với lòng thất vọng
bùng lên như một trận cuồng
phong với sức tàn phá hung tàn
khủng khiếp :

Ta lao-đảo vùng đứng lên cười ngất,
Ghì chặt nàng cho chết giữa mê ly.
Rời dầy xéo lên sông núi đố kỵ.
Bên thành quách ta ra tay tàn phá.

Tàn phá cho hả giận rồi,
chàng quay gót trở lại núi rừng,
bỏ lại đằng sau cái xã-hội phồn
hoa với những ham muốn ti-tiền,
không chút tiếc thương vì những
con người đô-thị vong-bản « lạc
thiên nhiên » ấy đối với chàng đã
hoàn toàn xa lạ :

Giữa hoang loạn của lâu đài, đình
tạ.

Ta thân nhiên đi trở lại núi rừng,
Một mặt trời đầm máu xuống sau
lưng.

Mãi mãi cái xã hội phồn hoa
với những tình cảm giả dối,
những ham muốn dè hèn là điều
mà nhiều nhà văn nhà thơ đã làm.
Nhưng trình bày một cách độc
đáo kỳ thú như Đinh-Hùng thì
chưa có ai ! Lời thơ hùng mạnh
của bài này làm ta nghĩ tới
ngọn bút của Nguyễn-Du khi tả
Từ Hải. Con ênh-wong nhỏ xác
mà tiếng kêu to ; nhà thơ nhỏ bé
(1) của chúng ta quả đã có hơi
thơ mạnh-mẽ và trí tưởng-
tượng dồi dào.

Tôi thích bài này còn vì vãn

(1) Tôi dùng chữ « nhỏ bé »,
vì Đinh-Hùng làm bài này khi
còn trẻ lắm. Hơn nữa, Họ Đinh
có vóc người nhỏ thó dưới mực
trung-bình.

thơ rất giàu, nhiều chữ dùng táo bạo và gợi hình. Hơn nữa, nhạc thơ toàn bài thật hùng mạnh, hùng mạnh một cách man rợ hợp với nhan đề bài thơ, và làm ta liên tưởng tới những vần thơ trong *Poèmes barbares* của nhà thi-sĩ Pháp *Leconte de Lisle*.

Thật vậy. Đọc những câu :

*Lòng đã khác ta trở về Đô Thị,
Bỏ thiên-nhiên huyền bí của ta xưa.*

*Bóng ta đi trùm khắp lối hoang sơ,
Và chân bước nghe chuyển rung
đời xuôi.*

*Lá cô sắc vương đầy trên tóc rối,
Ta khoác vai manh áo đầm
hương rừng.*

*Rời ta đi, khi núi bốc trên lưng,
Mắt hung ác và hình dung cổ quái.*

ta thấy một vẻ đẹp bạo tàn man rợ cũng như đoạn thơ của *Leconte de Lisle*, tả chiến sĩ *Hjalmar* bị thương sắp chết, nằm giữa chiến trường, cố thu hết tàn lực gọi con quạ để nhờ nó đem hộ trái tim về cho người yêu :

*Une nuit claire, un vent glacé,
La neige est rouge,*

*Mille braves sont là qui dorment
sans tombeaux,*

*L'épée au poing, les yeux hagards,
Pas un ne bouge.*

*Au-dessus tourne et crie un vol
de noirs corbeaux.*

*La lune froide verse au loin sa
pâle flamme.*

*Hjalmar se soulève entre les morts
sanglants,*

*Appuyé des deux mains au tronçon
de sa lame,*

*La pourpre du combat ruisselle
de ses flancs :*

*— Viens par ici, corbeau, mon
brave mangeur d'hommes !*

*Ouvre-moi la poitrine avec ton bec
de fer.*

*Tu nous retrouveras demain tels,
que nous sommes.*

*Porte mon coeur tout chaud à la
fille d'Ylmer !*

Và nhất là câu cuối :

*Ta thân nhiên đi trở lại núi rừng,
Một mặt trời đẫm máu xuống sau
lưng.*

Ta như trông thấy bóng dáng lực lưỡng của con « người bộ lạc » nổi bật trên nền trời hoàng-hôn, in đen ngòm giữa một mặt trời to như chiếc mâm và đỏ rực như máu đang « xuống » dần dần. Thật là một bức tranh kỳ thú và cổ quái. Câu :

*Một mặt trời đẫm máu xuống sau
lưng.*

đẹp một vẻ đẹp man rợ, có sức kêu gọi mạnh mẽ và để lại dư âm trong lòng người đọc, không kém gì câu cuối bài « Giấc ngủ đại-bàng » (*Le sommeil du condor*) cũng của *Leconte de Lisle*. Trong bài này, nhà thi-sĩ Pháp trình bày một con đại-bàng đậu trên chòm cao nhất ở dãy núi *Cordillères des Andes* (Nam Mỹ), lặng-lẽ nhìn cuộc chiến đấu âm-thầm mệnh-mông giữa mặt trời và đêm tối, và khi đêm tối dần dần lan rộng dâng lên đến chỗ chim đậu thì đại-bàng tung cánh vượt lên cao, thoát ra ngoài bóng tối bao la đang tràn ngập cả địa-cầu và dang thẳng cánh đứng yên trong không trung còn rực-rỡ ánh hoàng-hôn sắp tắt :

*Dans un cri rauque, il monte où
n'atteint pas le vent,*

*Et, loin du globe noir, loin de
l'astre vivant,*

*Il dort dans l'air glacé, les ailes
toutes grandes.*

★

Sau khi được đọc « *Bài ca man rợ* » tôi kỳ vọng ở *Đinh-Hùng* rất nhiều. Nhưng tuy nhà thơ này vẫn sáng tác khá đều, mà hai mươi năm qua rồi tôi chưa gặp lại, ở ông, bài thơ nào khiến tôi thích thú như thế nữa ! Tôi nhận rằng lời thơ ông có thêm già giận, nhiều bài cũng hay, nhưng thật đặc sắc như bài này thì không có !

Có lẽ tại tôi thiên vị, có định kiến sẵn ? Hay tại tâm hồn *Đinh-Hùng* ngày thêm phức tạp, không còn hồn nhiên tươi sáng như thời hoa niên ? Hay tại mấy lúc gần đây ông làm việc một cách hơi bao biện : nào làm thơ trào-phúng, nào viết truyện dài (cả những truyện có tính cách kiếm hiệp), nào phụ trách mục *Tao Đàn* trên *Đài Phát Thanh*... cái sở đắc của ông được trải ra bề mặt, nên có chiều rộng mà thiếu chiều cao ? Nếu thế, thì thật là một điều đáng tiếc cho « con người thi-sĩ » trong ông vậy !

BÀNG-BÁ-LÂN

MỒ HÔI LƯỚC MẮT

TRUYỆN DÀI TÌNH CẢM THỜI ĐẠI



★ NGUYỄN-VỸ

TÓM TẮT KỶ TRƯỚC

Ánh về An - Bình thăm Má, không để lại gặp người cha ghé khốn nạn dự-dỗ không được, đánh đập tàn-nhẫn. Người lối xóm đưa Ánh đi bệnh viện. Một tháng sau, ở bệnh viện ra, Ánh về thẳng nhà bà cô ở xóm Bàn-Cờ.

NHUNG dù sao, hôm ra khỏi nhà thương Ánh về thẳng nhà bà Cô ở xóm Bàn-Cờ, rồi viết một bức thư cho mẹ :

Thưa Má,

Con đau-dớn lắm mới phải viết mấy lời thư này về kính thăm Má và thưa với Má rằng từ nay Má không còn thấy mặt con nữa đâu. Con xin chịu làm đứa con

(Tiếp theo P. T. 50)

bất-hiểu, nhưng trong lòng con vẫn thương Má và kính Má vì con không quên được công-lao-Má đã nuôi con và tình Má thương con hồi Ba của con còn sống. Con chỉ thương cho Ba con thiệt là vô phước ! Nếu Ba con sống lại mà thấy cảnh gia đình thê thảm như ngày nay thì chắc Ba cũng buồn tũt mà bỏ nhà ra đi, Má à ! Thôi, con lạy Má ba lạy và từ giã Má rình viển.

Con bất-hiểu của Má,
Lê - thị - Ánh

Ánh xé một tờ giấy trắng trong một quyển tập cũ hồi còn đi học mà Ánh vẫn cất âu yếm trong giỏ áo quần của Ánh. Ánh lấy kéo cắt giấy làm một phong-bì, bỏ thư

MỒ HÔI NƯỚC MẮT

vào trong rồi lấy cơm dán lại.

Ánh đề ngoài bao thư : « Kính gửi Má ». Sáng thật sớm, Ánh đi với em Nhung, con của bà Cô, đến An-Bình. Ánh đứng ngoài đầu đường, bảo Nhung chạy vô ngõ đưa chị Năm Bé, nhờ chị trao thư lại cho Má Ánh.

Vài hôm sau, Ánh sực nhớ Cai Mão có bảo với Ánh rằng y đã biết chỗ ở của Ánh rồi. Chẳng biết là y nói thật hay nói dối, nhưng muốn đề-phòng cho chắc chắn, Ánh nhờ bà cô kiếm cho Ánh một chỗ làm tạm, để xa lánh xóm Bàn-Cờ.

Chính Ánh cũng đã thuê hành đến nhờ ba tờ báo hằng ngày đăng giùm trong mục « tìm việc » mấy giòng sau đây :

« Thiếu nữ có bằng T.H.Đ. N.C. Hiền lành. Tận tụy với công-tác. Muốn kiếm việc làm không cần lương nhiều. Có thể đi xa. Xin biên thư cô Nhân, 216/7 | 2A, Phan-đình-Phùng, nhờ chuyển giao. »

Nhà báo có hảo tâm đăng giùm, nhưng Ánh buồn bã thấy mấy giòng của Ánh được đăng lẫn lộn vào một cột đầy nghẹt những lời rao khác cũng tìm việc như Ánh, cũng toàn là thanh niên,

thiếu nữ, đồ T.H.Đ. N.C, Tú-Tài phần I, phần II, sinh viên Đại-học Văn-khoa, Luật-khoa, v.v... Ánh thất vọng, không tin-tưởng nhiều vào sự may mắn quá hảo-huyền. Tờ báo chỉ đăng cho được một kỳ. Trong số báo hôm sau, nơi mục « tìm việc » Ánh không còn thấy lời rao của nàng nữa, nhưng vẫn đầy nghẹt những lời rao khác, kế tiếp nhau của những bạn trẻ thất nghiệp, hầu hết là học sinh và sinh viên. Sự thật, ba hôm sau khi đăng báo, Ánh có nhận được một bức thư của một nhà buôn ở Biên-Hòa gọi Ánh làm thư ký, nhưng phải có điều-kiện cần-thiết là có bằng cấp đánh máy chữ. Ánh không biết đánh máy vì không có tiền để học nghề này, đành bỏ qua cơ hội.

Một buổi trưa, Ánh sửa soạn đi gánh nước, thì người cô của Ánh đi chợ Bến - Thành về, hỏi Ánh có bằng lòng làm thuê cho một nhà ở đường Hiền - Vương không ? Chủ nhà là công - chức sang - trọng, công việc là đi chợ, làm bếp, giặt đồ, ủi đồ, rảnh thì giữ em, một đứa con trai 5 tuổi. Lương mỗi tháng 800. \$

Ánh buôn-bã hỏi :

— Nghĩa là làm đầy-tớ, phải không cô ?

— Ừ, cũng như đi làm thuê vậy.
— Ánh suy-nghĩ một lúc rồi cương quyết trả lời :

— Dạ, con bằng lòng.

Nhưng vừa dứt lời, Ánh chạy đến ghế - bô, gục đầu xuống gối khóc nức-nở...

Ánh than van một mình :

— Ba ơi, Ba !.. Đưa con gái của Ba ngày nay phải đi ở mướn để độ thân, Ba ơi ! Nhục nhã cho con quá, Ba ơi ! Má ơi !..

Ánh nằm ghé bô, khóc thút-thít cả buổi trưa...

2 giờ chiều, Ánh sửa-soạn ra đi, bỏ giỏ mây lại cho em Nhung, chỉ ôm một gói áo - quần, đi theo người cô đến một tòa nhà xinh-đẹp rộng lớn, ở đường Hiền Vương.

Đây là nhà của ông giáo - sư Ngọc-Minh ở chung với vợ chồng người em gái của ông.

*

Chương II

CÁC bạn đã biết ông Ngọc-Minh rất yêu cô đầy-tớ gái đứng đắn và thùy-mị mà ông muốn cưới làm vợ chính thức. Các bạn đã biết vì lẽ gì Ánh cương-quyết từ-chối, và ông Ngọc-Minh lại càng say mê « con nhỏ », đến nỗi em gái của ông là bà Năm và người em rể đã phải đề-ý và nghi-ngờ.

Nhưng các bạn chưa biết rõ

ông giáo-sư Ngọc-Minh là người thế nào, ông có thật yêu Ánh không ? Yêu vì háo sắc ư ? vì điên cuồng ư ? hay vì một nguyên-nhân nào khác ? và tình yêu chênh-lệch ấy giữa chủ nhà là một bậc trí-thức giàu sang với đứa đầy-tớ hèn-hạ kia sẽ đi đến đâu ?

Tôi phải nói ngay rằng ông Ngọc-Minh quả thật là yêu Ánh, một mối tình tha thiết say mê duy-nhất. Ánh thì không yêu ông, — nói đúng hơn là không dám yêu ông, — vì Ánh cho rằng ông chủ nhà thấy Ánh có nhan sắc « mùi mẫn » và tính nết nhu mì thật-thà, nên ông lợi dụng địa vị để quyến rũ đứa gái nghèo, chứ một người đàn ông giàu sang và làm chức lớn, có lý nào lại hạ mình xuống để yêu một con đầy tớ ? Ánh nghĩ như thế và cương quyết từ chối tình yêu của ông Ngọc-Minh, ấy là Ánh giữ giá-trị của một thiếu-nữ biết tự-trọng. Điều đó, thật đáng khen Ánh vậy. Nhưng Ánh đâu có dò được lòng dạ của ông Ngọc-Minh và đâu có hiểu được ý nghĩ khác thường của ông ?

Ông Ngọc-Minh dạy các môn Văn-chương Việt và Pháp tại một trường Trung-học công-lập lớn ở Saigon. Ông đã 30 tuổi, chưa có vợ. Em gái độc nhất của ông là Minh-Tú, 25 tuổi, lấy chồng làm công chức cao cấp ở Bộ Kinh-tế và đã có hai, con. Ngôi nhà ở

đường Audouit là của Ba Má ông Ngọc-Minh để lại cho hai anh em ông, một biệt-thự khá lớn, trên lầu chia ra hai căn rộng, một căn ông Ngọc-Minh ở, một căn để hai vợ chồng cô Minh-Tú mà bà con quen thuộc thường gọi là cô Năm.

Dưới nhà là hai phòng khách, một phòng ăn, một thư-viện và văn phòng, phòng chơi cho trẻ con, kho, nhà bếp, ga-ra.

Ánh, con đầy tớ, ở một phòng riêng kế nhà bếp. Ánh đến ở thay thế cho chị bếp trước đã bị bà Năm đuổi vì tội hay ăn cắp vặt trong nhà.

Ông Ngọc-Minh đã 30 tuổi mà chưa có vợ, tại vì ông thuộc vào hạng trí thức đã tiêm-nhiễm nhiều các môn triết-học trừu-tượng, xa đời sống thực-tế của hiện-tại. Ông ham đọc sách từ thuở nhỏ, cho đến khi thi đỗ ra trường Đại học ông vẫn không hề biết chơi bời trai-gái, hay cờ bạc, rượu chè. Ông không có lần nào thí-nghiệm qua các thú vui vật chất thường lệ của người đàn-ông đã quá tuổi trưởng-thành.

Ông sống toàn bằng lý-trưởng, ông xây dựng quan niệm đời sống của ông trên những nguyên-tắc triết-

học mà ông đã cho là xác-dáng. Trong những môn triết-lý mà ông thường đem ra giảng-giải cho học sinh của ông, có một lý-trưởng mà ông bình-vực háng hái nhất, và ông tuyên bố sẽ thực-hiện cho kỳ được, là « loài người bình đẳng », và « út-tình không có giai-cấp ». Ông chưa thí-nghiệm xem thuyết ấy có thật đứng vững hay không, vì ông chưa có cơ-hội nào để đem ra thí nghiệm. Nhưng ông thấy rằng quan điểm triết-lý của ông nhứt định phải đúng, và ông cứ tự hỏi tại sao loài người phân chia giai-cấp làm chi ? Ông thường giảng-giải cho học sinh của ông, gồm toàn các thanh niên nam-nữ 18, 19 tuổi, rằng nghèo với giàu không khác nhau gì cả về phương diện giá-trị tinh-thần và luân-lý, và nên đánh-đồ thành-kiến hủ-lậu rằng một người giàu sang không thể lấy một cô gái nghèo hèn làm vợ. Thình thoàng một học sinh tinh nghịch hỏi ông :

— Thưa Thầy, thí-dụ như một ông Giáo-sư có địa-vị giàu sang như thầy, có thể lấy con gái một anh phu-xe về làm vợ được không ạ ?

Ông Ngọc-Minh trả lời liền :

— Sao lại không ? Tại sao tôi phải khinh người con gái của một

anh phu xe? Con gái của một anh phu-xe không phải là một người con gái hay sao?

Chỉ ngày một cô nữ - sinh ngồi ở bàn đầu, mà ông biết là con một Trạng - sư danh - tiếng ở Saigon, ông Giáo Ngọc-Minh hỏi:

— Cô Vân, con gái của một anh phu-xe với cô có khác gì nhau không, xin cô cho tôi biết?

Cô Vân đứng dậy đáp:

— Thưa Thầy, khác ạ!

Cả lớp đều nhôn-nhao cười rõ lên. Ông Ngọc-Minh nghiêm-nghị « xuyết! » một tiếng để học sinh im-lặng, rồi ông hỏi tiếp cô Vân:

— Khác ở chỗ nào?

— Dạ thưa Thầy, khác ở chỗ một anh cu - li xe không phải là một ông Trạng-sư, thì con gái của anh cu - li không thể như con gái một ông Trạng-sư được.

Trong lớp bỗng xôn-xao trở lại.

Vài ba cậu con nhà giàu la lớn lên: « Hoan hô! Hoan hô! » Nhưng nhiều trò khác, nhất là nữ-sinh lại trề môi « Xí! Xí! » Ông Ngọc-Minh đập thước xuống bàn:

— Im! Mọi người phải im-lặng! Ai có ý - kiến gì muốn trình bày, tôi cho phép trình bày, nhưng phải có lễ-dộ và trật-tự, không được

ồn-ào náo-động.

Cô Vân vừa ngồi xuống, Ông Ngọc-Minh nói tiếp:

— Câu trả lời của cô Vân chưa phải là một câu trả lời, mà chỉ là một nhận-xét, không dựa trên một chân-lý nào cả. Muốn thấu - triệt vấn-đề, tôi sẽ hỏi các em một vài câu về chi - tiết. Tôi không biết mấy chị em mà tôi đang được hân hạnh dạy bài triết-lý xã-hội hôm nay là con nhà giàu hay nhà nghèo, nhưng tôi biết một điều chắc-chắn là chị-em đều duyên-dáng và diễm-kiều, không ai kém ai.

Cả lớp học trò trai đều bụm miệng cười, còn các cô gái thì cô nào cũng ửng đỏ đôi má. Ông Ngọc - Minh không để-ý, cứ nói tiếp:

— Bây giờ tôi thí - dụ con gái một anh phu xe, hay là một đứa con gái đi ở mướn, cũng có nhan-sắc diễm-kiều và duyên-dáng như các em, thì cô ấy có khác gì các em **VỀ PHƯƠNG - DIỆN SẮC-ĐẸP** không?

Một cậu học-trò ngồi tận cuối lớp đứng dậy đáp:

— Dạ thưa Thầy, không khác gì cả ạ!

Ông Ngọc-Minh hỏi lại cả-lớp:

— Mọi người đều đồng-ý với

cậu Mẫn?

Cả lớp tùm - tím cười: « Dạ, đồng-ý ». Ông Giáo hỏi các cô nữ-sinh:

— Các cô không phản-đối chứ?

Cô Vân cũng như các chị em khác đều mỉm cười:

— Thưa Thầy, chúng em đồng-ý về điểm đó.

— Được rồi. Bây giờ tôi hỏi câu thứ hai. Nếu cô gái của anh phu xe, hay cô đầy-tớ kia cũng có tính - nết thùy - mị như chị em, đứng-dẫn như chị em, có tư-cách đàng-hoàng như chị em, thì cô gái ấy có khác gì chị em về **PHƯƠNG - DIỆN TÁNH - HẠNH** không?

Mấy cô nữ sinh cúi đầu xuống, có vẻ thắc-mắc trước một câu hỏi hơi bất ngờ như thế, nhưng một cậu Nam-sinh đứng dậy đáp, cậu này có tiếng là mồm mép nhất trong lớp:

— Thưa Thầy, con gái nhà nghèo mà có hạnh-kiềm tốt, có tư-cách đàng-hoàng, thì còn hơn là con gái nhà giàu mà mất dạy ạ!

Cả lớp cười rõ lên một loạt. Ông Ngọc-Minh đập thước xuống bàn:

— Yêu-cầu các em đừng làm ồn.

Ông Ngọc-Minh thấy trong đám nữ - sinh có cô Phi - Diệp cứ cúi mặt xuống bàn, vì có lẽ cô này thường bị học trò trai gán cho cái tiếng là « dữ nhất lớp » và cả trường cậu học trò kia ám-chỉ cô.

Ông Giáo liền gọi cô:

— Cô Phi-Điệp, cô có đồng-ý với Toàn không?

Phi-Điệp đứng dậy, bẽn-lẽn

— Thưa Thầy, cái đó còn tùy theo trường-hợp ạ!

— Thí dụ?

— Dạ, thí-dụ, với người nài từ-tế đứng dẫn, thì mình từ - tế đứng - dẫn với người ta, còn với tụi du-côn, cao-bồi, thì cũng phải...

Một tiếng nói ở dãy bàn giữa, không biết do miệng nào thốt ra:

— ...Thì phải cao-guộc!

Ông Ngọc - Minh nghiêm-nét mặt, ngó xuống dãy bàn giữa:

— Phải nói đứng-dẫn một chút chứ!

Quây lại có Phi-Điệp, ông hỏi:

— ...Thì phải sao, cô nói hết câu đi!

— Dạ, phải trả dũa lại ạ!

Cả lớp lại bụm miệng, không dám cười rõ lên nữa. Ông Ngọc-Minh diễm-nhiên nói:

— Cô Phi-Điệp nói rất đúng.

Nhưng cô ra ngoài đề. Tôi có ý muốn nói chung rằng một thiếu-nữ giàu và một thiếu-nữ nghèo mà tính-tình và tư-cách cũng ngang hoàng, có gia-giáo. Có nhiều đức-tính tốt của phụ-nữ, thì cả hai đều như nhau, không khác gì nhau cả. Có phải không, các em?

Toàn thể nam-nữ học-sinh đều vui vẻ đáp:

— Thưa Thầy, phải ạ!

— Được rồi. Nếu thế thì con gái nhà giàu và con gái nhà nghèo có khác nhau chỗ nào nữa đâu? Như thế thì chủ-trương giai-cấp giàu nghèo, nhất là trong phạm-vi tình-ái và hôn-nhân, có phải là một chủ-trương sai-lầm không?

Một cậu học-sinh có mái tóc thề chấm xuống ngang tai, có lẽ hai hàng chưa hớt, nhưng cặp mắt ranh mãnh, nhấp nháy hoài không ngớt, là cậu Bình, đứng dậy nói:

— Thưa thầy, giàu với nghèo khác nhau lắm ạ! Giàu có tiền rủng rập, còn nghèo không có xu-ten dính túi ạ. Giàu có thể học làm Đốc-tò, Trạng-sư, còn nghèo như con chỉ học đến kỳ nghỉ hè này thì đậu hay rớt gì rồi cũng phải ở nhà đi làm mướn!

Cô Trâm mà bạn bè thường gán cho biệt-danh là « Cô kiếng

trắng », vì cô đeo đôi kính cận-thị, và luôn luôn chỉ mặc một màu áo trắng không hề thay đổi, cô lại thuộc vào hạng đứng đầu lớp, cũng đứng dậy, nhỏ-nhẻ nói:

— Thưa thầy, chúng em công-nhận rằng về nữ-dung và nữ-hạnh nghèo hay giàu không có phân biệt được, nhưng về tiền tài thì hai hàng xa cách nhau như một trời một vực. Nhứt là thời buổi kim-tiền này, người nghèo nói chung, người con gái nghèo nói riêng, bao giờ cũng bị khinh-khi rẻ-rúng. Chúng em thiết tưởng đó là điểm quan-trọng nhứt, và cũng do đó mà sinh ra giai-cấp giàu nghèo cách-biệt nhau rất rõ-ràng trong thực tế.

Ông Giáo-sư Ngọc-Minh gật đầu tùm-tùm cười, như được dịp đi sát vào trung-tâm vấn-đề. Ông ung-dung nói:

— Tôi khen hai em Trâm và Bình đã nêu ra quan-diểm thực tế của xã-hội. Lúc này tôi đã đặt vài câu hỏi chi-tiết chính là để đưa các em đến khía-cạnh tế-nhị này, nó là quan-diểm trọng yếu của vấn-đề giai-cấp. Tạo-Hóa sinh chúng ta ra trên đời không có giai cấp. Ai ai cũng bình đẳng với nhau cả, mọi người đều như nhau

cả, : ấy là luật thiên-nhiên không ai chối-cãi được. Giai-cấp, chỉ là một sự-khien giả-tạo do tổ-chức xã-hội của loài người chủ-trương. Mà chủ-trương như thế là sai lầm vì nó ích kỷ, bất-công, nó không hợp với thiên-nhiên, nó càng không hợp với lương-tâm của con người. Nó ích kỷ bởi vì một số ít người muốn sống đầy đủ, dư-dã, riêng-biệt, trong lúc đại đa số người khác phải sống thiếu thốn. Nó bất công bởi vì đại đa số người nghèo khổ có đủ khả năng và đức tính thông minh mà bị bức-tường giai-cấp của xã-hội ngăn-cản không cho phát-triển được. Vậy thì bõn phận của chúng ta là phá bỏ giai-cấp, để cho toàn thể loài người được bình đẳng theo luật thiên-nhiên, để cho những kẻ nghèo-khổ được có phương-tiện phát-triển khả năng và đức-tính thông-minh, hầu xây dựng một xã-hội loài người tốt đẹp hơn, công bằng hơn, hợp với Thiên-nhiên hơn. Tôi mong muốn các em ngày sau ra khỏi ngưỡng cửa học-đường, góp phần sống với xã-hội, mỗi người áp dụng lý-tưởng nhân loại bình đẳng của chúng ta. Được như thế, là mỗi người trong chúng ta đã đặt được nền móng căn-bản của xã-hội

trương-lai, xã-hội của tự-do, công bình, xã-hội không có người giàu người nghèo, xã-hội mà những người nào tài-hoa đức-hạnh đều có điều-khien phát-triển được.

Ông Giáo-sư Ngọc-Minh ngó đồng hồ thấy còn hai phút nữa mãn lớp. Ông đứng dậy bỏ sách vở vào cặp da, và đưa cặp mắt hiền-từ sáng-ngời của ông nhìn khắp lớp học, nói tiếp:

— Các em, tôi không khuyên các em áp dụng chủ-trương giai-cấp đấu tranh. Không! Một cuộc đấu tranh như thế gây ra hỗn loạn trong xã-hội, có thể đưa đến những cuộc quá khích ghê-tởm và căm hờn không thích hợp với tinh-thần nhân đạo. Tôi chỉ khuyên các em mỗi người trong lĩnh-vực sinh-hoạt của mình, thực-hiện lý-tưởng công-bằng, tự-do, nhân-đạo. Các em tin chắc rằng trên con đường tiến thủ mai sau, cùng chung chí-hướng ấy, các em và tôi, chúng ta sẽ cùng là bạn thân với nhau cả.

Toàn thể lớp học vỗ tay hoan-nghênh bài giảng của ông Giáo-sư Ngọc-Minh. Ông mỉm cười: « Chào các em! » Rồi ôm cặp ra về. Ông còn nghe vang dội bên tai những tiếng: « Chào Thầy! »

của một lớp thanh-niên nam-nữ đã có óc suy xét mà ông vừa truyền bá những tư tưởng bình-dẳng nhân đạo của ông.

Ngồi trong chiếc xe Traction đen mà ông tự lái lấy, ông Ngọc Minh vui vẻ về nhà, nhưng cứ tư-tưởng đến mối tình của ông với Ánh.

Ông quyết giữ mối tình xinh-đẹp và cao-quý với người đầy-tớ gái, mặc dầu Ánh vì thành-kiến giai-cấp và tự-ty mặc-cảm, không dám nhận lời và còn cương quyết từ chối, tưởng - lắm ông cũng như những ông chủ nhà khác chỉ lợi dụng quyến rũ gái nghèo rồi khinh bỏ sau khi thỏa-mãn nhục-dục dè hèn. Ông nhất-định sẽ thuyết-phục Ánh cho Ánh hiểu rõ lòng ông.

Ông Ngọc-Minh không phải muốn lập-dị đầu. Cũng không phải ông yêu mù-quáng một con ở. Ông đâu có điên rồ, nhắm mắt mê bừa một đứa con gái nghèo-khó, hiện ở một địa-vị thấp-hèn, mà chắc-chắn là Minh-Tú em gái của ông, em rề của ông, và bạn bè thân thuộc của ông, đều sẽ đồng-thanh phản-đối hay chê-cười. Ông biết trước như vậy. Nhưng ông quả-quyết đi ngược lại thành-kiến sai lầm mà ông đã nhiều phen

đánh-đồ trong các bài giảng dạy về triết-lý xã-hội cho học trò của ông, và trong các câu chuyện ông thường trao đổi với bạn bè của giới trưởng-già và quý-phái ở Saigon. Người ta đã chế-nhạo ông là « ông Triết-học ». Nhiều bạn Giáo-sư và công chức cao-cấp đã gán cho ông biệt danh mỉa là « Xừ Triết » ! Trước mặt ông vì kính nể ông là người đứu hạnh và tài cao học rộng, ông nói sao họ cũng gật đầu khen phải cả. Và lại, nói đúng ra, những lý lẽ của ông, họ không bắt-bẻ vào đâu được. Nhưng sau lưng ông, mỗi khi nhắc đến ông Giáo sư Ngọc-Minh thì họ tủm-tủm cười bảo nhau : « À, xừ Triết đấy hả » ? hay là « Xừ Gàu đấy mà ! »

Mặc kệ ! ông Ngọc-Minh khăng khăng giữ chủ trương bình - dẳng nhân-đạo. Ông quyết thực hành lý tưởng « vô giai-cấp », và ông càng yêu say-mê Ánh, ông sẽ làm thế nào để cưới cho được cô đầy tớ làm bạn trăm-năm của ông.

Một hôm, Minh-Tú, em gái của ông, nói với ông :

— Anh Hai à, anh có biết hiện giờ có một cô thiếu-nữ đang chết mê chết mệt vì anh không ?

(Còn nữa)

L'Azur

*De l'éternel azur la sereine ironie
Accable, belle indolemment comme les fleurs,
Le poète impuissant qui maudit son génie
A travers un désert stérile de Douleurs.*

*Fuyant, les yeux fermés, je le sens qui regarde
Avec l'intensité d'un remords atterrant
Mon âme vide. Où fuir ? Et quelle nuit hagarde
Ueter, lambeaux, jeter sur ce mépris navrant ?*

*Brouillards, montez ! versez vos cendres monotones
Avec de longs haillons de brume dans les cieus
Qui noiera le marais livide des automnes
Et bâtissez un grand plafond silencieux !*

*Et toi, sors des étangs léthéens et ramasse
En t'en venant la vase et les pâles roseaux,
Cher Ennui, pour boucher d'une main jamais lassée
Les grands trous bleus que font méchamment les
oiseaux*

*Encor ! que sans répit les tristes cheminées
Fument, et que de suite une errante prison
Eteigne dans l'honneur de ses noires trainées
Le soleil se mourant jaunâtre à l'horizon !*

*— Le ciel est mort. — Vers toi, j'accours ! donne,
6 matières
L'oubli de l'Idéal cruel et du Péché
A ce martyr qui vient partager la litière,
Où le bétail heureux des hommes est couché,*

Car j'y veux, puisque enfin ma cervelle vidée,
Comme le pot de fard gisant au pied d'un mur,
N'a plus l'art d'attifer la sanglotante idée.
Lugubrement bâiller vers un trépas obscur...

En vain ! L'Azur triomphe, et je l'entends qui chanté
Dans les cloches. Mon âme, il se fait voix pour plus
Nous faire peur avec sa victoire méchante,
Et du métal vivant sort en bleus angélus !

Il roule par la brume, ancien, et traverse
Ta native agonie ainsi qu'un glaive sur ;
Où fuir dans la révolte inutile et perverse ?
Je suis hanté. L'Azur ! L'Azur ! L'Azur ! L'Azur !

STÉPHANE MALLARMÉ

Thi-sĩ Pháp (1842-1898)

Dịch :

Trời xanh

Niềm chế riều của nền xanh vĩnh viễn
Trữ nặng hồn thi sĩ đẹp thờ ơ,
Kẻ bất lực rửa nguyên tài thô thiển
Qua suốt miền cần cõi đất sâu tư.

Ta muốn chạy, mắt nhắm nghiền, cảm thấy
Như có niềm tiếc hận đuổi theo sau
Nhìn soi mới. Tròn đầu, hồn trống trải ?
Che nổi khinh khi bằng màng tối nào ?

Hỡi sương khói, hãy dâng cao, tung rãi
Mù lè thế rách nát giữa trời xanh
Làm chìm lìm mặt hồ thu tê-tái
Dựng xây lên khung trần lớn yên lành,

Và người nữa, ra khỏi đầm quên lãng
Đem bình nhớ cũng lau say xanh xao,
Hỡi phiền muộn, bàn tay không biết năn,
Lấp lờ tròn xanh chim khoét hồn hào.

Những luồng khói bốc cao, đừng tản mát,
Ngôi nhà từ tối ám bước bơ vơ
Trong vệt đen dài hải hùng, hãy tắt
Mặt trời vàng hấp hối chân mây xa.

Chiều đã lịm — cho ta, ôi thế chất
Quên tội tình cùng lý tưởng chua cay,
Kẻ từ đạo đến chia phần rơm rác
Nơi bầy người sung sướng ngủ mềm tay.

Ôc trống rỗng, sau cùng ta chỉ muốn
Bên chân tường như lọ phấn nằm tro,
Không tô chuốt cầu kỳ nguồn suy tưởng.
Bước thế lương xuống lòng huyết lu mờ.

Chi hoài công ! Trời xanh thôi đã thắng
Hát theo chuông, lên tiếng giữa hồn ta,
Khúc khải hoàn hùng tàn gáy khiếp đảm,
Đáy chuông đồng lan tỏa nhạc xanh mơ !

Trong sương khói, từ ngàn xưa, đảo lượn
Như gươm xuyên thân hấp hối bầm sinh ;
Cơn nổi loạn hào huyền không chỗ trốn.
Âm ảnh hồn ta. Trời xanh ! Trời xanh !

DẠ - NGUYỆT dịch

Sách báo mới

* MÂY XA.

Thi phẩm của 6 tác giả : TRÙNG-DƯƠNG, TỪ-LY-HÀ, LƯU-NHÂN, THANH-VIỆT-THANH, VIỆT-CHUNG-TỬ, NGUYỄN NGÂN VŨ. Mỗi tác giả độ 5, 6 bài. Xuất bản tại Vĩnh-Long.

* TÌNH MÂY NƯỚC.

Thi phẩm của LÝ CHÂU SƠN. Tác giả xuất bản — 21, Võ-Tánh Saigon.

* THEO ĐĂNG CỨU THỂ JÉSUS CHRIST.

Tác giả : TRẦN THUYỀN, Cố-vấn Văn Hóa Tòa Đại-sứ Việt Nam ở Paris. Loại sách mỏng phổ-thông.

* MẮT ĐÊM DÀI.

Thi phẩm của HUY PHƯƠNG gồm 30 bài, đã có vài bài đăng trong *Phổ Thông*.

Nhà xuất bản Băng Cầm — Huế.

* HIỆN TƯỢNG CHẠM TIẾN.

Loại sách nghiên cứu « Chân trời mới », do các tác-giả Nguyễn - Lương, Nguyễn-cao-Hách, Vũ-quốc-Thúc, Nghiêm-Đặng, Trần-vào-Minh, Nguyễn-như-Cương, Trần-văn-Kiến, Nguyễn-kim-Huân.

Một quyển sách rất có giá trị về kinh tế chính-trị học. Các bạn muốn thấu triệt các vấn-đề quan-trọng về đời sống mới của các quốc gia, nên đọc quyển này. Dày trên 360 trang — giá 50\$
Nhà xuất bản Hoài Bảo.

* VIỆT LUẬN Tú tài. Nghị luận luân lý và văn chương.

Soạn theo chương trình mới của Bộ Quốc gia giáo dục.

Soạn giả : Thanh Văn-NGUYỄN-DUY-NHƯỜNG, giáo-

sư Văn chương trường Trung học Cộng-hòa và Tương-lai.
Nhà xuất bản Khai Trí — Saigon.

* ĐƯƠNG THI TRÍCH DỊCH. (xuân tập),

của ĐỖ-BẰNG-ĐOÀN và BUI-KHÁNH-ĐẢN. Xuất bản lần thứ hai có sửa chữa nhiều, nhiều bài thơ dịch lại đầy đủ ý nghĩa hơn, thêm điển tích và bổ túc phần tiểu truyện tác-giả. Bìa cứng và tên sách in bằng kim tuyến, thật đẹp.

Xin thành thật khen tặng hai dịch giả đã để rất nhiều cố gắng không những trong công-tác soạn sách mà cả trong việc trình bày nữa.

Có gởi bán tại nhà sách Xuân Thu, đường Tự Do, Saigon

* SUỐI LÒNG KHUYA.

Thi phẩm của ông Sa-Minh TẠ-THỨC-KHẢI, Giảng-sư trường Đại học Văn Khoa Saigon. Một tập thơ trên 40 bài gồm đủ các loại song thất lục bát, thơ Đường luật, thơ mới, thất ngôn cổ phong, văn tế, đối, phú, ca Huế.

Ý thơ rất dỗi dào, lời thơ điêu luyện, nhẹ nhàng, thanh thoát:

« Bao nét mực tuôn bao giòng huyết lệ

Vạch can trường ghi để bạn tâm tri »

Trong nhiều bài, nhà Thơ Sa Minh đã gọi được mỗi cảm xúc thâm đậm trong tâm hồn độc giả.

Tin mừng

Chúng tôi vừa nhận được hồng thiệp của Ông Bà HOÀNG-MỘNG-KHAM, Giáo-sư trường Trung-học Yersin—Đàlat, báo tin ngày 5-1-1961 dương lịch sẽ làm lễ vu quí cho ái nữ là cô HOÀNG-THỊ ÁI-THU đẹp duyên cùng cậu CAO XUÂN CHUẨN, bào-đệ của ông bà CAO-XUÂN-LỮ, ở 326 Phan thanh Giản Saigon,

Chúng tôi xin thành thật mừng hai họ và chúc Tân-lang và Tân gái-nhân được bền duyên cầm sức.

NGUYỄN-VỸ



★ Tự do tín ngưỡng.

(của ó.LTX Đường Hoàng-Tử-Cảnh — Nha-trang)

Ở những nước thuộc phe dân chủ, người dân được tự do, nhưng trong một nước chưa có một tôn-giáo nào được tôn lên hàng « Quốc-giáo » mà người chủ-tĩnh ở một địa-phương tổ-chức ngày lễ trong tôn-giáo của mình lại bắt nhân dân phải đi dự-lễ ? Như vậy có phạm đến tự-do tín-ngưỡng chăng ?

● ĐÁP: Tự do tín-ngưỡng nghĩa là không ai có quyền bắt buộc ai phải theo một tôn-giáo nào cả.

★ Học bổng và cư-xá sinh-viên.

(Của một nhóm Sinh-viên Đại-học Khoa-học — Saigon)

... Chúng tôi không hiểu vì sao có sự chia học bổng như sau đây : Ví dụ như Bộ Quốc-gia Giáo-dục định cấp tất cả 300 học bổng lại chia cho học sinh Bắc 100, học sinh Trung 100 và học sinh Nam 100. Theo chúng tôi nhận thấy sự phân chia ấy có sự chênh-lệch. Có nhiều học sinh và sinh viên giàu vẫn được lãnh học bổng, tuy họ học kém, trái lại, có những học sinh ưu-tú, nhưng gia đình nghèo xơ nghèo xác lại không được hưởng học bổng.

Việc đáng tiếc này càng thể hiện rõ ràng hơn trong các học bổng du học. Nếu chúng tôi không lầm thì có một học bổng du học vào tháng 7.1960, có vài người học lực kém, hạnh kiểm không gọi là tốt mà vẫn được chọn, trái lại, nhiều anh bạn khác học giỏi, hạnh kiểm tốt vẫn bị bỏ rơi.

Cho đến việc tổ-chức cư-xá sinh-viên, có nhiều phòng bỏ trống, trong khi có nhiều sinh-viên cần sự giúp đỡ lại không được vào ở. Còn nhiều tổ-chức công cộng cho sinh-viên và học sinh khác nữa vẫn có sự lệch lạc như trên.

Theo thiên ý của chúng tôi, không có lý gì mà sự phân-biệt trên còn tồn tại mãi. Phải có sự thống nhất, dù là người Nam, người Trung hay người Bắc đều là học sinh, sinh-viên Việt-Nam. Vậy

bất cứ ai có đủ điều kiện ưu tiên là được giúp đỡ, không có sự giới hạn giữa người Nam, người Trung, hay Bắc, con quan, hay con dân.

Giúp đỡ cho người không cần sự giúp đỡ, là vô ích. Bỏ rơi những kẻ đang tha-thiết cần đến sự giúp đỡ, là có hại cho nước nhà. Những kẻ thiếu tư-cách được du học sẽ làm hại đến thanh-danh nước nhà, hưởng học-bổng của chánh-phủ là ăn hại quốc-gia.

Dám xin ông chỉ giáo cho về những nhận xét sai lầm của chúng tôi, như đã trình bày trên kia...

★ Danh từ Phiên âm

(của bạn Nguyễn-minh-Kha — Vĩnh-Long)

... Tôi xin góp vài ý kiến thiên-cận để làm sáng tỏ vấn-đề, là không nên phiên âm danh từ ngoại quốc ra Việt-ngữ, theo chủ trương của Phò-Thông tạp-chí. Như tôi đã thấy và thật lấy làm khó chịu khi đọc đến các sách giáo khoa của các giáo sư xuất bản, trong đó có phiên âm ngoại-ngữ như : *métan, acit, carbonic, sút, carbon...v.v...* thay vì viết nguyên văn ngoại-ngữ như *méthane, acide carbonique, soude,, carbone v.v...* ! Báo hại các học sinh chưa biết « sút » là gì, muốn lật dictionnaire tìm nghĩa, cũng không biết nguyên thủy của chữ « Sút » viết như thế nào thì làm sao tìm nghĩa cho ra ! Dầu cho có cố gắng lắm cũng mất công thì giờ học hỏi !

Do đó, vô tình gây một lỗi nhỏ nhoi nhưng không thể tha thứ được. Đã làm cho các học sinh bối rối khi đọc đến, đã không biết được nghĩa chính, viết đúng nguyên chữ ra sao ? mà lại còn đọc trật lất nữa ?

Xin Ông Giám-Đốc vui lòng vì ích lợi chung cho toàn giới học sinh và sinh viên, nêu lên vấn đề này để Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục chú ý, hầu chỉnh lại tình trạng lúng-cúng ấy.

★ Vũ-Đình-Dy, Mộng-Hoàn, Đặng - thái - Mai, và Võ-nguyên-Giáp.

(Của ông Nguyễn-đắc-Lộc, chủ-nhiệm tuần-báo « Tân-Dân » Saigon)

.. Về Vũ-đình-Dy (trong loạt bài Văn-sĩ Thi-sĩ Tiền-cbiển của Phò-Thông số 48). Anh nói đúng cả, nhưng có một chỗ sai là câu này : « Vũ Đình Dy chỉ là nhà báo cách-mạng và chỉ viết Pháp

văn, không bao giờ làm được thơ văn Việt, nhưng cốt cách nho nhã và gương mặt diễm-dạm của anh đã chiếm được rất dễ-dàng trái tim của một cô đào hát có tiếng đẹp nhất, và khó tính nhất của Cô Đốc Sao. Theo dư luận thì thăm trong làng Báo Bắc-Hà lúc bấy giờ, thì chính cô Mộng Hoàn bỏ tiền ra cho Vũ-Đình-Dy làm tờ báo *Effort Indochinois*.

Anh nói: « theo dư-luận thì-thăm trong làng Báo Bắc-Hà lúc bấy giờ, thì chính cô Mộng Hoàn bỏ tiền ra cho Vũ-Đình-Dy làm tờ báo *Effort Indochinois* » là anh nhớ kỹ lắm không sai.

Nhưng lúc bấy giờ. Nhóm *Le Travail* của Võ-nguyên-Giáp có dã tâm muốn giết chết tờ báo của chúng tôi, họ mới tung ra dư luận đó để triệt hạ uy-tín cơ-quan ngôn-luận của chúng tôi.

Anh còn lạ gì luận điệu xuyên tạc, chính sách « bói n họ » của bọn Đệ Tam nữa? Đến ngày nay, họ vẫn giữ một luận điệu đó mà!

Sự thật, tiền làm báo lúc ấy, có là bao nhiêu? Tiền đó là tiền của anh em đóng góp, tiền lấy họ lấy hàng — tiền hội — tiền của những người có cảm tình mua báo trước, tiền quảng cáo v.v... Điều cốt yếu quan-trọng nhất là nhà in, có ông chủ in chịu cho là ra được báo rồi. Chúng tôi in chịu vài số ở Nhà in Trung-Bắc ở Hàng buồm của ông Vũ-văn-Khánh vậy.

... Đám-Mộng-Hoàn là một nữ ca-kỹ nổi danh tài sắc một thời, tuy không đẹp nhất thời ấy, nhưng người có duyên dáng dễ thương, biết Vũ-Đình-Dy từ năm 1933, thời chúng tôi cho ra tờ báo *L'Union Indochinoise* ở 48 đường Henri D'Orléans, chớ không phải là một cô đào đẹp nhất của Cô Đốc Sao. Cô Mộng-Hoàn trước sau, vẫn là một chủ nhà hát ở Khâm Thiên, Vạn Thái. chớ chưa hề làm « Em Út » của chị Đốc; Nói về Anh rõ, và hiện nay Mộng-Hoàn vẫn còn sống và ở Saigon này...

Anh nói Vũ-Đình-Dy chưa bao giờ làm được thơ văn Việt, đều đó anh quên rằng. Chính Vũ-Đình-Dy làm chủ-nhiệm kiêm chủ bút tờ tuần báo « *Hà-Nội Tân-Văn* » mà Vũ-Ngọc-Phan làm Tổng Thư Ký đấy. Nhưng vì năm ấy anh bị tù, nên anh không rõ.

Anh thắc mắc không biết Vũ-Đình-Dy chết vì lý do nào.

Tôi xin nhắc lại rằng Vũ-đình-Dy chết là bị bọn Cộng-sản hạ sát ngày 25-9-45 ở Quảng-Ngãi, cũng như Tạ-Thu-Thâu mà tôi đã có lần nói trong báo *Tân-Dân*.

Về *Đặng-Thái-Mai*: Anh nói đúng cả. Duy có một vài chỗ anh quên... Đó là *Đặng-Thái-Mai* viết Việt-văn rất linh động và tài

trình lắm. Hơn nữa, họ *Đặng* còn là tay Hán học giỏi, có phần trội hơn Tôn Quang Phiệt. Tôi đã đọc cuốn *Tạp-Văn* của Mai-dịch văn Lô-Tấn, xuất bản năm 1945, chắc anh quên chứ.

Độc đoạn nói về Mai, trong số Phở Thông 47, tôi thấy Anh nói là quên tên cô con gái 12 tuổi của *Đặng-Thái-Mai* mà sau là vợ Võ-Nguyên-Giáp, tôi xin nhắc để Anh rõ rằng cô gái ruột của họ *Đặng*, ham đọc tiểu thuyết Kiếm hiệp ấy tên là *Đặng-thị-Hà*.

Nhân dịp nhắc lại, tôi xin hiến anh câu chuyện *Ngân-Hà* của hai họ *Tôn-Đặng* đính hôn từ trước... mà không thành! Vì *Đặng-Thái-Mai* đã bội hôn để gả con cho Võ-Nguyên-Giáp, một bạn đồng nghiệp ở Thăng-Long Học-Đường. Họ muốn tái diễn vở tuồng *Lư-Kỷ Hoàng-Tung* mà!

Câu chuyện *Ngân-Hà* không bắc được cầu Ô là thế này:

Vào thời năm 1924-25, *Tôn Quang Phiệt* và *Đặng Thái Mai* cùng học ở Cao Đẳng Sư Phạm, thân nhau lắm, lại cùng bước vào con đường cách mạng (nhập đảng Phục Việt) nên hai cậu cao hứng hứa trước với nhau: vợ đẻ con trai cả thì cho chúng là anh em, con gái cả cũng vậy. Nghĩa là đồng chí cách mạng « cha truyền con nối ». Mà một bên nam, một bên nữ, thì chúng lấy nhau làm vợ chồng — cũng để gây giống cách mạng — Như chúng tôi — Nguyễn-xuân-Chữ và tôi — cũng hứa trước với nhau vậy. Chúng tôi theo Duy-tâm, không bội ước; cho nên con gái tôi là Nguyễn-thị-Liên đã làm bạn với Nguyễn-xuân-Kỳ (con anh Chữ) từ năm 1945, và nay đã được 7 con rồi.

Còn đôi lứa *Tôn Quang Ngân* (con anh *Tôn Quang Phiệt*) và *Đặng-thị-Hà* (con *Đặng-thái-Mai*) không thành, mà thằng cháu *Ngân* sau này đâm ra thất tình, thành người lẩn thẩn đấy.

Vì chuyện bội hôn, dư luận — nhất là miền Nghệ-Tĩnh — xô xao, sôi nổi, sôi nổi hơn nữa là sau khi Cô Hà dấn trở thành Bà Đại-Tướng Võ-nguyên-Giáp, Tổng-Tư-Lệnh Vệ Quốc Quân, lại trắng-giối ngoại-tình với một cậu thanh-niên « gác dờ co » của Quan-Bà, đến đeo bầu oan-nghiệt... và cả đôi gian-phu dâm-phu đều bị Đại-Tướng họ Võ thủ-tiêu ở hậu phương,

Tin lành đồn xa, tin dữ đồn xa, nghe nói dư luận vùng kháng chiến một phen quá sôi nổi, sôi nổi đến việc này phải đem ra thảo-luận ở các cấp từ Tỉnh đến xã, mà bọn cộng-sản phải giải thích rằng: đó là tàn tích tiểu tư-sản, không lấy gì làm lạ!

Chẳng rõ hồi ấy, anh có được nghe tin đồn ấy không? Nhưng ở Hà-nội, tôi được nghe rõ lắm!

Vì chuyện gia đình này, Đặng-Thái-Mai bị hạ tầng công-tác, về Thanh-Hóa, Khu V, thay thế Tôn Quang Phiệt. Mai không chết như anh được tin, hiện còn sống và nghe đâu bây giờ làm Bộ-Trưởng Bộ Quốc-gia Giáo Dục đấy...

✧ Bùa Lỗ Ban

(của ô. Châu-long-Nhút — Châu-Phú),

... Nhân đọc mục-dáp bạn bốn phương, (Phổ-Thông 45) tôi thấy câu trả lời về bùa lỗ ban cho bạn Nguyễn-long-Vân, Saigon như sau đây :

« Ứng nghiệm hay không, khó trả lời quả quyết ».

Tôi xin góp ý-kiến đề quả quyết trả lời : Bùa lỗ ban rất ứng nghiệm với điều-kiện người làm bùa phải thành tâm trong khi làm, và làm phải đúng cách thức.

Bùa ấy không phải chỉ đề ếm hại như nhiều người đã tưởng, mà cũng có thể đem áp dụng trong việc y-học thông thường như : mắc xương, cầm máu, đàn bà đau vú v.v...

✧ Cô Diệu-Huyền nhận-xét sai lầm,

(của ông Ngọc-Bích, Châu-đốc)

... Trong PHỔ-THÔNG số 48, ông Tú hiện thân của cô Diệu-Huyền đã nói : « Sở dĩ ô. Ferhat Abbas lãnh đạo MTGPQG Algérie, là có tham vọng cá-nhân chứ chắc gì họ vì dân vì nước (cũng như ô.ô. Bourguiba, Nasser, v.v.). Làm cách mạng gì mà đi xe Huê-kỳ, đi máy bay Pháp, có vợ đầm, có con học ở Pháp v. v... và v.v... Dân chúng hy-sinh xương máu để củng cố địa-vị một nhóm người v.v »

Không biết vô tình hay cố ý, cô Diệu-Huyền lại có một nhận xét rất sai lầm như thế ?

Cô D. H. đã phủ-nhận lòng thiết-tha yêu nước của các vị lãnh tụ kháng chiến chống Thực-dân ư ?

● **ĐÁP :** Ông quên rằng chúng tôi nói về các dân-tộc ấu-trĩ (xem kỹ lại đoạn-kết của bài ấy).



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG ✧ DIỆU-HUYỀN

✧ Bạn Trần-văn-Đỗ, đường Lý thường Kiệt — Kiến hòa

● Hai câu chữ Hán mà ông thấy đề dưới một bức ảnh của cụ Phan bội Châu, có nghĩa là :

« Công chi sinh, sinh ích du thời »

= Ông sống, giúp ích cho đời.

« Công chi tử, tử lưu du hậu »

= Ông chết, lưu danh về sau.

● **Reuter :** Thông-tấn-Xã của England (Anh) do Paul Julius von Reuter sáng lập năm 1851 tại London.

A. F. P. = Agence France Presse, Thông-tấn-Xã của France (Pháp).

● Người ta đã chế ra dụng cụ để cho người lãng tai đeo vào tai, nghe được rõ. Có thể gọi mua ở ngoại quốc.

✧ Bạn Hoàng-hải-Đường, Huế.

Cuối thư, viết thêm, đề P. S. là hai chữ latin, *Post Scriptum* nghĩa là : Tái bút. (Viết thêm ở sau thư).

✧ Trung-Úy Hồng — k.b.c. 4.410.

● Ông muốn học một trường hàm thụ ở ngoại quốc, nên hỏi cách gửi tiền tại nhà Bưu Điện.

● Đảo Cuba không thuộc về Hiệp-chủng-Quốc Mỹ (Huê-kỳ) (U.S.A). Đó là một xứ độc lập của Lục địa Mỹ Châu.

● *Mandat postal* = Bưu-phieu.

Chèque bancaire = Ngân-phieu của Ngân hàng.

● Tòa soạn còn những số báo 33 và 39. Ông có thể gửi 20 đồng bằng tem.

★ **Ô. Hàng-Sinh, 20, Lý-Thái-Tôn, Cà mau**

Mắt bằng Tiểu-học, muốn xin lại, ông nên làm đơn đưa lên Nha Tiểu-học tỉnh.

★ **Ông Nguyễn-văn-Lợi, Rạch-giá.**

Mắt trời ở gần thì to, ở xa thì nhỏ, là một ảo-tượng (illusion d'optique), nhưng vẫn là một mắt trời.

★ **Ông Lê-văn-Lộc, Layne Wells International B.P. 827.**

● Tuổi trưởng-thành của cả trai và gái ; (về dân—sựmajorité civile)

Pháp : 21 tuổi (Đạo luật 20-9-1791)

Suisse : 20 tuổi.

Holland, và Espagne : 23 tuổi.

Autriche và Hungary : 24 tuổi.

Danemark và các nước Nam Mỹ : 25 tuổi

Các nước khác 21 tuổi. (Việt nam theo quy chế của Pháp).

● Về hình luật (đối với trách nhiệm về hình luật, về tội trạng, majorité pénale) : 18 tuổi (chung cả thế giới).

★ **Bạn Văn Hiến, đường Tăng bặt Hồ, Saigon**

Các nước Đế quốc tư bản *manh nha*...

Manh nha : (nghĩa đen) : mới nứt mọng.

(Nghĩa bóng) : mới nảy nở.

★ **Bạn Thi, HUẾ**

Sĩ-quan S. S. trong lực lượng bảo vệ Hitler, là do 2 chữ *Schutz Staffeln* (quân phòng vệ) sáng lập năm 1925.

★ **Bạn Võ-tái-Sanh, trường Quốc gia Sư phạm Saigon.**

U.S.O.M. (cơ-quan Viện-trợ kinh-tế Mỹ) = United States Operation Mission.

★ **Cô Lê thị Tùng, Trung học T.K.N. Châu đốc**

Viết thư cho người lớn, hoặc làm đơn từ mà viết bằng chì nguyên tử », là vô lễ.

★ **Bà Lê-thị-Bôn, 20 Bảo-hộ-Thoại Châu-Đốc**

● Theo sức học-sinh 19 tuổi, cần phải ngủ mỗi ngày 8 giờ

● Nếu học theo lối người xưa, cột tóc để thức học suốt đêm chắc-chắn là sẽ bị ho-lao, và có thi đỗ cũng thành người vô-c.

★ **Hai bạn Văn-Lang và Mộng-Hoàng — PHÚ**

● *Daddy Grace* chỉ là một người ảo-tượng, dùng những thuyết để mê hoặc dân-chúng thành phố Harlem (New Y không đáng chú ý.

● Người tìm ra Tân-thế-Giới (America, Mỹ-Châu) đầu tiên là AMERIGO VESPUCCI (người Pháp gọi là *Americ Ves*

(1451 — 1519), trước Christophe Colomb một năm (1497). Vì năm 1507, nhà địa-dư-học Allemand (Đức) là WALDSEEMULL

(1480 — 1521) đặt tên Tân-thế-giới là *Terra vel Amer* (Đất America), Mặc dầu sau này, nhiều người cho rằng ch

Christophe Colomb đã đổ bộ lần đầu tiên trên Tân-thế-giới, danh-từ *America* vẫn còn thông-dụng mãi cho đến ngày nay.

● Đức-không-tử sinh năm 551 và chết năm 479 TRƯỚC T

(nghĩa là kể từ ngày Jesus Christ giáng-sinh là năm 1, tính về trước).

★ **Cô Cẩm-Tú, Long xuyên.**

Theo quyển « Thi tù tùng thoại » của cụ Hoàng-thú

Kháng thi hai câu thơ

« *Ba hồi trông giục mờ cha kiếp,*

Một lát gươm bay bỏ mẹ đời, » là của ông HOÀNG-PHAN

THÁI, chứ không phải của Cao Bá Quát.

★ **Chuẩn Ủy Đệ, k.b.c. 3130.**

Người ta thường nói : *Ba chìm Bảy nổi*, cũng như nói *ba hôn bảy vía*, *tam sao thất bản*, v.v... chỉ là một lối nói quen miệng vậy thôi, chứ không căn cứ trên một dị đoan nào, và không có ý nghĩa gì rõ rệt về những con số ấy.

★ **Bạn Hoa ngô Đồng, Vtnh Điện.**

● Hiện tượng « Sao băng » là những chất vụn của các hành-tinh khác rơi vào không-khí của Quả Đất, vì đụng chạm không-khí ấy, quá mạnh nên cháy rực lên, do đó mà ta thấy sáng. Thường thường « Sao băng » rơi cách mặt đất từ 90 đến 120 km. Nhà Thiên-văn-học S. Newcomb đã tính ra mỗi năm có đến 146 tỷ « sao băng » mà mắt ta trông thấy được ban đêm. Nếu tính cả ban ngày do dòm trong kính viễn vọng, thì còn đến 250 lần nhiều hơn.

● Cockney không phải là một Thi-phái trong lịch-sử Văn-học England. Danh-từ ấy là biến chuyển của hai danh-từ Cock egg (trứng gà trống) và trở thành tiếng lóng để chỉ những kẻ ở London, lười-biếng, và dốt nát. Một bọn thất-nghiệp ở vài nơi trong London, tụ-hợp ngâm thơ trong những lúc nhàn-cư, rồi mệnh-danh là « một nhóm Thi-sĩ ».

★ **Cô Nguyễn-thị-Bé, Cúi.Bè, Định-Tường.**

● Bị án tù treo, không tái phạm quá 5 năm sẽ được trắng án. Mọi việc xin hủy án phải nhờ đến Luật-sư mới được mau lẹ.

● l'òà xừ chõng cấp-dưỡng, mà chõng trốn tránh, thì phải nhờ Luật-sư đòi.

★ **Cô Hồ-ngọc.Điệp, Phong-Dinh.**

Sách nói về Trạng-Trình Nguyễn-Bình-Khiêm có bán tại các hiệu sách.

★ Các bạn : LƯU-GIANG, Trung-phần — chuẩn-úy NGUYỄN-VĂN-ĐỆ KBC 3130 — NGUYỄN-VĂN-MINH, Hội - trưởng M.T.N.H.N.H — LÊ-BẢO-HIỀN (Cần-thơ) — TRẦN-XUÂN (Saigon) — LÊ-THỊ-ĐIỆU, (Qui-nhơn) — HOÀI-NAM, (Huế) — HỒNG-ĐIỆP, (Huế) — CAO-VĂN-NHÃ (Dakao), — LÊ-THÚY (Dalat), v.v... chúng tôi rất cảm-động được thư và thơ của các Bạn mừng ngày sinh-nhật của P.T., hoặc hỏi thăm sau những biến-cổ vừa qua, và xin cảm ơn nồng nhiệt chung tất cả các bạn thân-mến.

★ **Một độc-giả ở QUI NHƠN**

○ *Tàng-bốc* là tiếng Việt, chứ không phải chữ Nho.

○ S.A. là hai chữ Section d'Assaut viết tắt : quân xung phong, xung kích.

○ *Nguyễn-há-Học*, sinh năm 1857, chết năm 1921, quê ở Giáp nhất, huyện Thanh-trì, tỉnh Hà Đông, Bắc Việt.

○ Chữ « *Nằm vạ* », không có chữ tương đương trong tiếng Pháp và tiếng Anh, vì người Âu-châu không có lệ « nằm vạ ». Có thể giảng ra Pháp văn : Se vautrer devant la porte de quelqu'un pour exiger un règlement de compte.

★ **CÔ P.T. — PHÚ YÊN**

○ Hoa Trà-mi (camelia) sắc trắng, mùi thơm ngát. Không phải thứ trà để uống (chè)

★ **Ô Trương tiến Trĩ, đường Cô Bắc — NHA TRANG**

● Về tài liệu trong bài « *Sư-Trạch* » của báo *Trình thám*, ông nên hỏi thẳng báo ấy.

○ « *Câu chuyện cái đèn của Galilée* » : Một hôm, nhà Bác học của Italie à Galilée, hồi 19 tuổi, thấy trong nhà Thờ Pise một chiếc đèn treo nơi cửa tò-vò. Gió đưa chiếc đèn lắc qua lắc lại đều-đều. Do đó, ông mới nảy ra ý-định áp-dụng quả lắc (pendule) để đo thời-giờ.

● « *Câu chuyện con ếch của Galvani* » : Nhà bác-học Galvani (Italie — thế kỷ XVIII, 1737-1798), một hôm cũng do sự tình-cờ mà khám phá một nguyên-tắc về vật-lý-học. Trên một bàn có máy điện, ông có để mấy con ếch đã lột da. Người giúp việc của ông đang cầm con dao mổ, vô tình đụng vào một cái gân trong thịt bắp đùi con ếch, tức thì tất cả các gân khác đều giật mạnh. Do đó, Galvani thí-nghiệm lại nhiều lần, và kết-luận rằng trong thân-thể các con vật có một điện-lực riêng.

★ **Ông Nguyễn-văn-Thã, 15, Đền-Thám, An-Xuyên**

Trụ-sở ban Quản-trị của quý Ông, do toàn-thể hội-viên đóng tiền để xây-dựng, không ai được phép bán. Ông có quyền ngăn-cản.

★ **Ô. Nguyễn Cơ-Trọng, 80 Hoàng-tử-Cảnh, Nha-Trang.**

Sáng-chế ra xe máy ở bên Mỹ, là hai anh em Orville và Wil.

bur Wright. Còn ở Âu-châu, là kỹ-sư OZANAM, người Pháp và chiếc xe máy đầu tiên, bánh gỗ, gọi là *Célérifère*, không có bàn đạp, không có thắng, ra đời năm 1690. Mãi đến năm 1818, bá tước Pháp là DRAIS DE SAUERBRON (chứ không phải Charles de Drais) mới lấy kiểu *célérifère* mà chế ra loại xe máy kiểu khác, cũng bánh gỗ nhưng có thắng, gọi là *Draisienne*. Năm 1842, kỹ sư Pháp, MICHAUX mới chế ra bàn-đạp, thay bánh gỗ thành bánh sắt, bánh trước lớn, bánh sau nhỏ, chạy mau được 15 cây số một giờ, gọi là *Vélocifère*. Năm 1880, các kiểu mới ra đời, lại đổi tên là Bicyclette, hoặc Vélocipède. Nói tắt là *Vélo*.

Hoa-Thé-Kỹ

(Số đặc-biệt xuân

Tân - Sửu 1961)

Chủ trương : XUÂN-HUY, LINH - PHONG

Tòa-soạn : 106 Võ-Tánh — Saigon

Với sự cộng tác của các văn nghệ-sĩ hữu danh : GS Thạch-Đức, Quách-Tấn, Thạch-trung-Giá, GS Nguyễn-thiệu-Lâu, GS Minh-Hạnh, GS Trần-quang-Thuận, Thạch-sĩ nhân-chủng-học, Lê-minh-Nhượng, Nguyễn-thu-Minh, Vũ-Hầu, Nhạc-sĩ Lê-Thương, Nhạc-sĩ Hương-Tứ, Thy-Phượng, Tuyết-Mai v.v... Với một thể tài sáng tác tập hợp toàn bộ, chọn lọc giá trị gồm đủ các bộ môn :

Văn-học : Nói chuyện về Albert Camus : GS Minh-Hạnh, con đường văn nghệ XX. Lê-minh-Nhượng — Tôn-giáo : Vũ-trụ quan Phật-Giáo GS Thạch-Đức — Chính-trị : Thế nào là tự-do dân chủ : Linh - Phong. — Thi-ca : Dưới mai bàn thơ : Quách-Tấn. — Ai biết ? Thạch-trung-Giá. — Xuân với thi nhân Đông-phương : Xuân Huy — Vài ý kiến về thơ tự-do Nguyễn-thu-Minh — Xuân cảm : Vũ-Hầu — Lịch-sử : Nguyễn-tri-Phượng kinh lược Đại-sứ Nam-kỳ GS Nguyễn-thiệu-Lâu — Tây-thái-hậu, người đàn bà kỳ quái L.M.N — Xã-hội : Con người của thế kỷ hai mươi : GS Trần-quang-Thuận. — Hậu quả của ý tưởng « Phi cao-đẳng bắt thành phụ phụ ; Phóng sự của Chàng-Lé — Âm-nhạc : Thử tìm cách diễn tả màu sắc Việt-Nam trong cung điệu : Nhạc sĩ Lê-Thương — Tim hiểu nhạc Jazz : Nhạc-sĩ Hương-Tứ

Giải-phẩm XUÂN DÂN TỘC Tân Sửu (1961)

NGUYỄN - ANG - CA : chủ-trương

Kỷ-niệm năm thứ 10 ngày xuất-bản. sẽ thân tặng
độc-giả quyền :

LUẬN ANH-HÙNG

của Thanh-Lan Võ-ngọc-Thành

Quyển sách nhỏ nhưng thật đặc-biệt với sự nhận xét tế-nghị của 1 cán bút khảo-luận về « Nhân vật Đông Chu » « Thủy Hử » đã được độc-giả Tiếng-Chuông hoan nghênh nhiệt-liệt.

* Vì tập báo XUÂN DÂN TỘC in có hạn, vậy bạn nào muốn có sớm và có chắc hãy gửi ngân-phiếu 42\$ kể luôn tiền cước gửi bảo-đảm) đến

Bà NGUYỄN - THỊ - NHÌ

30G Huỳnh-Quang-Tiên — SAIGON

Thuốc.....

MỒ HÔI TRỘM

Hiệu Kim-Điện, đặc biệt chuyên trị con nít đỡ mồ-hôi nhiều *Lúc ngủ*. Còn trẻ con hoặc người lớn đỡ mồ-hôi nhiều *Lúc thức* thì uống thuốc MỒ.HÔI DẦU KIM ĐIỆN hết bệnh ngay. 28\$ một chai, Bán khắp nơi và 361 Phan-Đình-Phùng — Saigon Đ.Đ.S.Đ.P. Phụng

Xưởng cưa máy **NAM-HƯNG**

Chuyên-môn mua bán các sắc gỗ
súc, gỗ xẻ đủ cỡ để kiến trúc.

Bán sỉ và bán lẻ giá phải chăng

★

Chủ-nhân sẵn-sàng tiếp rước khách hàng
và giúp ý-kiến trong việc lựa chọn và xữ-dụng
các loại cây.

Công-ty **TRẦN-V-TÁNH (Tévété)**

Nhập-cảng và Sản-xuất dược-phẩm
136, Yên-Đồ — SAIGON

Đại-lý 2 viện Bào-chế :

— LABAZ

{ Bicarnésine
Citroflavonoïdes
Mérinax
Pyridoxine

— DIAMANT

{ Actidilon
Marzine
Néomycine
Hexacycline

— SẢN-XUẤT

{ Tévéthiazol
Hépatomel
Polyvit. Ca
Pulmotan
Carditan
Glucocé

CÔNG-TY BẢO-HIỂM « LE SECOURS »

Công-ty **BẢO-HIỂM VÀ LIÊN-HIỆP BẢO-HIỂM** những tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro.

TRỤ SỞ CHÍNH : 30-32 đường Laffitte — Paris (9e)

CHI-CUỘC VIỆT-ĐÔNG : 16 đại-lộ **NGUYỄN-HUỆ**
(Charner cũ) Saigon

Điện-thoại : 20.461

Bồi thường mau lẹ — nghi-thức giản-tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần-ngại — Mọi sự
dãi và tiếp rước niềm-nỡ sẽ dành cho khách bảo-hiêm.

Lúc **CÓ THAI**

Nếu có xảy ra bệnh bất thường xin đừng bối rối, và cũng khoan vội dùng thuốc nào cả. Hãy hỏi kỹ lại các bà đã sanh nhiều lần rồi, nhờ điếm chỉ thuốc nào thật hay. Vì không có sự giới thiệu nào đáng tin hơn là do người đã dùng rồi nói lại. Thuốc **DƯƠNG-THAI «NHÀNH-MAI»** ra đời trên 25 năm nay, không nghe một ai than phiền, hoặc thất vọng về chứng : ủa... mưa... bôn... thai động... hoặc trệ thai... hoặc mỗi mệ...

Còn quý Bà có thai may mắn không có những chứng bệnh kể trên, cũng rất cần uống thuốc này để lúc sanh, sanh rất dễ, rất mau ít đau bụng, và đứa nhỏ rất mạnh và dễ nuôi, người mẹ không mỗi mệ, rất khỏe khoắn, tránh được các chứng bệnh có thể xảy ra bất thường, sau khi sanh. Khắp cả xứ Việt Nam tiệm thuốc nào cũng có bán.

Đ. d. s. Ng. v. Lượng 36, Tạ-thu.Thâu, Saigon

KINH LÝ VĂN PHÒNG
110, đại lộ Nguyễn-Huê, SAIGON
Điện thoại : 23.187



PHẠM - VĂN - LẠNG

Giám-Định Trắc-địa-sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản — SAIGON

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233 Phạm Ngũ-Lão — Saigon
Điện thoại . 20.447

Số thương mại : Saigon số 640A

Trương mục kho bạc

Saigon số 9.657

Số Quốc - Gia Danh - Bộ

25 | 129 | 54 | 001

- * In sách báo, các loại sổ sách, giấy tờ, văn phòng bằng Việt, Pháp, Anh, Hoa ngữ.
- * In lịch treo — lịch bỏ túi — nhãn hiệu — bao hộp — đóng sách đẹp.
- * Cung cấp dài hạn ấn phẩm, dụng cụ văn phòng cho công sở, tư sở tại Saigon và các tỉnh.
- * Có xưởng máy cung cấp các thứ phù hiệu, cờ, cho các hiện đoàn, nhãn cổ áo (étiquettes) lớn, nhỏ, đủ loại, đủ cỡ. Màu đẹp, bền, không phai.

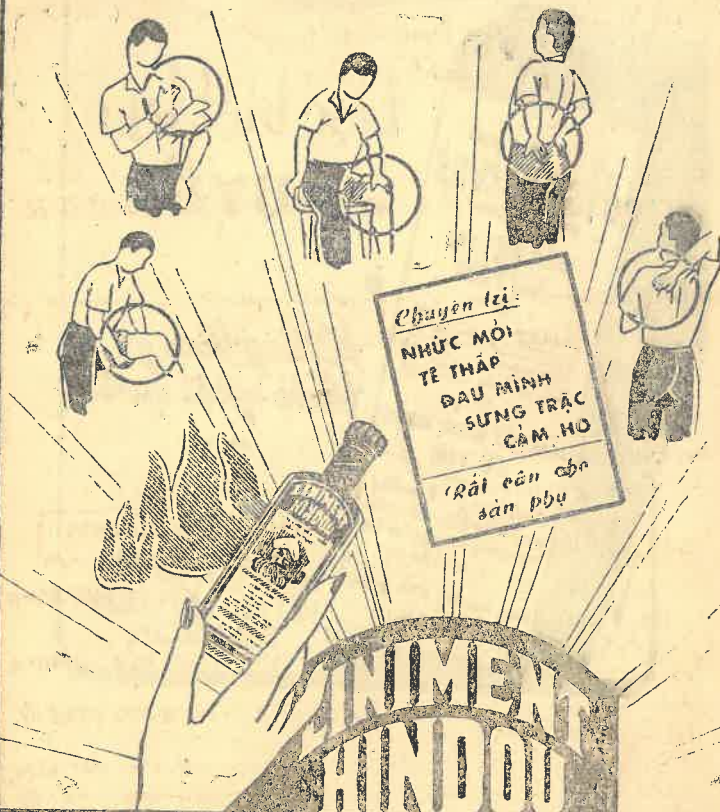
Thư từ, ngân phiếu xin đề :

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

THUỐC THOA-BÓP ẤN-ĐỘ

(tục gọi Dầu nóng Ấn-độ)

LINIMENT HINDOU



Une source de Chaleur dans votre main